

## BÁO CÁO

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 như sau:

## PHẦN THỨ NHẤT

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

#### I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

##### 1. Thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên HĐQT bao gồm 07 thành viên (từ sau Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024 ngày 31/10/2024) như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Ông Tạ Công Hoan	Chủ tịch HĐQT	Người đại diện của EVNGENCO2
2.	Ông Dương Sơn Bá	TV HĐQT, TGD	Người đại diện của EVNGENCO2
3.	Ông Lê Minh Tuấn	TV HĐQT	Người đại diện của EVNGENCO2
4.	Ông Trần Anh Duy	TV HĐQT	Người đại diện của EVNGENCO2 (Ông Nguyễn Xuân Đăng miễn nhiệm TVHĐQT từ ngày 31/10/2024; Ông Trần Anh Duy được bổ sung từ ngày 31/10/2024)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
5.	Ông Lê Văn Chính	TV HĐQT	Người đại diện của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
6.	Ông Nghiêm Xuân Chiến	TV HĐQT	Người đại diện của Công ty Điện lực Vinacomin
7.	Ông Chu Thế Hoàng	TV HĐQT	Người đại diện của SCIC

## 2. Ban hành Nghị quyết, Quyết định/văn bản:

Năm 2024, HĐQT tổ chức họp 05 phiên, các phiên họp đều được tổ chức với số lượng Thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung họp đã được thảo luận và biểu quyết thông qua.

Năm 2024, HĐQT tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết và Quyết định/văn bản như sau:

*Đơn vị tính: Lần*

Năm	Xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản	Nghị quyết	Quyết định/văn bản chỉ đạo	Ghi chú
2024	143	226	696	

## 3. Công tác kiểm tra:

Hội đồng quản trị thành lập các Ban chỉ đạo, Đoàn kiểm tra để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Thành lập Đoàn kiểm soát tuân thủ Quy trình vận hành (QTVH), Quy trình nghiệp vụ (QTNV), hồ sơ sự cố, hồ sơ sửa chữa thiết bị tại đơn vị trong Công ty.
- Thành lập tổ thẩm tra công tác quyết toán sửa chữa lớn năm 2023 để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác sửa chữa lớn năm 2023 của Công ty.
- Thành lập Ban Chỉ đạo đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy, ổn định sản xuất điện năm 2024 với nhiệm vụ chính: Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình trạng các tổ máy, các bất thường, khiếm khuyết phát sinh (nếu có) và chỉ đạo khắc phục ngay, ngăn ngừa sự cố xảy ra, khẩn trương tổ chức điều tra nguyên nhân, đề ra giải pháp khắc phục nhanh sự cố đưa tổ máy vào vận hành cung cấp điện trong thời gian sớm nhất.
- Thành lập Đoàn kiểm soát tuân thủ công tác quản lý kho vật tư, thiết bị, nhiên liệu tại các đơn vị trong Công ty để tổ chức kiểm tra tính tuân thủ về quy trình quản lý xuất, nhập vật tư, thiết bị, nhiên liệu, quy trình nhiệm vụ quản lý kho vật tư; Kiểm tra việc lưu trữ, bảo quản nhiên liệu, sắp xếp, phân loại VTTB; Thực hiện các kiến nghị, thông báo liên quan tới quản lý kho vật tư, thiết bị tại đơn vị.

- Thành lập Đoàn kiểm tra việc triển khai thực hiện, khắc phục các ý kiến kết luận, kiến nghị của Đoàn kiểm tra EVN/EVNGENCO2/BKS Công ty/Bộ phận đầu mối KSTT và các đơn vị thanh tra, kiểm tra ngoài ngành khác.

- Thành lập Đoàn kiểm tra công tác quản lý vật tư thiết bị dự phòng, hàng tồn kho, các loại vật tư thu hồi để áp dụng quản lý số để triển khai kiểm tra công tác quản lý vật tư thiết bị dự phòng, hàng tồn kho, các loại vật tư thu hồi để áp dụng quản lý số và công tác lập kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty.

- Đôn đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường, Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua tại các phiên họp định kỳ, bất thường, Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua đối với các nội dung xin ý kiến HĐQT bằng văn bản và các văn bản chỉ đạo của HĐQT.

- Thường xuyên đôn đốc Công ty thực hiện khắc phục các khiếm khuyết, tồn tại theo yêu cầu của Ban kiểm soát, Đoàn kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quản lý cấp trên qua các đợt kiểm tra định kỳ, đột xuất hàng năm.

- Thành lập Tổ thẩm tra dự toán, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu tất cả các gói thầu của Công ty; thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo phân cấp.

#### **4. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Cổ đông:**

##### **4.1 Công tác sản xuất kinh doanh:**

- Sản lượng điện sản xuất đạt 87,26% so với kế hoạch.
- Doanh thu đạt 89,93% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 69,19% so với kế hoạch.

##### **4.2 Công tác sửa chữa lớn:**

- Năm 2024: Công ty thực hiện đại tu tổ máy số 2 và trung tu tổ máy số 4, các tổ máy sau sửa chữa lớn đều đang vận hành ổn định, đáp ứng yêu cầu huy động của hệ thống.
- Năm 2025: Đã phê duyệt Hồ sơ mời thầu tất cả các gói thầu.
- Năm 2026: Đã phê duyệt danh mục sửa chữa.

##### **4.3 Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:**

- Bám sát văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện Dự án Nâng cấp cải tạo hệ thống khí thải nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1&2. Đã hoàn thiện BCNCKT dự án theo Quy chuẩn QCVN 19:2024/BTNMT về khí thải công nghiệp. Đang báo cáo Chủ sở hữu thông qua để triển khai thực hiện các bước tiếp theo để sớm phê duyệt Dự án.

- Xây dựng đơn nguyên nhà hành chính: Nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo liên kết liên thông và đi lại thuận lợi giữa nhà hành chính NMNĐ Hải Phòng 1 hiện hữu và nhà hành chính NMNĐ Hải Phòng 2. Đồng thời, nhằm đảm bảo đủ diện tích, công năng và các tiện ích khác phục vụ cho cán bộ công nhân viên để đáp ứng được nhu cầu hiện

tại và định hướng phát triển của Công ty và địa phương trong tương lai, Công ty đang báo cáo phương án xin dừng chủ trương đầu tư xây dựng tại mặt bằng nhà máy NĐHP 2 và xin điều chỉnh xây dựng tại Nhà máy NĐHP1.

#### **4.4 Công tác chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên năm 2024:**

Đời sống vật chất tinh thần, thu nhập, chế độ chính sách của người lao động trong Công ty tiếp tục được bảo đảm.

#### **4.5 Công tác VS-AT, bảo vệ môi trường, PCCC và PCTT&TKCN:**

- Chấp hành tốt các quy định của Pháp luật và của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về công tác ATVSLĐ, bảo vệ môi trường, PCCC&CNCH và PCTT&TKCN.
- Không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố về môi trường; sự cố cháy nổ.
- Hoàn thành lập hồ sơ và xin cấp giấy phép môi trường và xin cấp phép khai thác tài nguyên nước theo đúng quy định.

### **II. Kết quả giám sát của HĐQT về hoạt động của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác**

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý đã:

- Chỉ đạo, điều hành bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng Cổ đông giao, bám sát chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ Điều lệ, các quy định của Công ty và Pháp luật.
- Ban Tổng Giám đốc đã phân công phụ trách cụ thể cho từng thành viên. Từng thành viên chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc lĩnh vực được phân công.
- Quan tâm đến công tác an toàn vệ sinh, môi trường; đời sống vật chất, tinh thần người lao động, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

### **III. Giao dịch và khoản lợi ích của HĐQT và Ban KS**

- a) Thù lao của thành viên HĐQT, BKS: Chi tiết như phụ lục kèm theo.
- b) Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ: Không.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

### **IV. Các nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD năm 2024 và nội dung cấp bách triển khai trước khi ĐHCĐ thường niên thông qua KHSXKD của năm 2025**

Thực hiện nội dung Nghị quyết số 3425/NQ-NĐHP ngày 22/5/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai thực hiện và phê duyệt thông qua Kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu để Công ty tổ chức thực hiện đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị, dịch vụ phục vụ công tác sửa chữa hư hỏng, khắc phục khiếm khuyết phát sinh của các tổ máy... nhằm đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, tin cậy, đặc biệt là việc đảm bảo công tác phát điện mùa khô năm 2025.

### **V. Nhận xét, đánh giá:**

### **1. Ưu điểm:**

Trong quá trình lãnh đạo chỉ đạo, HĐQT Công ty đã bám sát nghị quyết Đại hội Cổ đông, Điều lệ, qui chế nội bộ và qui định của Pháp luật để quản lý, quyết định, thông qua và chỉ đạo các hoạt động của Công ty.

### **2. Tồn tại:**

- Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chưa đảm bảo như sản lượng, hệ số đáp ứng, hệ số khả dụng, tỷ lệ điện tự dùng, suất hao than.
- Mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên thực hiện chậm. Một số gói thầu mua sắm vật tư thiết bị bị hủy thầu và đấu thầu lại mất nhiều thời gian dẫn đến không đáp ứng kịp thời cho công tác sửa chữa/thay thế, khắc phục các khiếm khuyết phát sinh.
- Mua sắm vật tư tiêu hao, nhiên liệu phục vụ sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025**

Hội đồng quản trị tiếp tục phối hợp, chỉ đạo Công ty một số nhiệm vụ chính, cụ thể:

#### **I. Thuận lợi, khó khăn:**

##### **1. Thuận lợi:**

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Cổ đông chi phối EVNGENCO2.
- Góp ý, tham gia ý kiến tích cực, sâu sát của các thành viên HĐQT là Người đại diện phần vốn của các đơn vị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, Tổng Công ty Điện lực TKV – CTCP.

##### **2. Khó khăn:**

- Thiết bị nhà máy đã vận hành trên 10 năm đã suy giảm hiệu suất, giảm độ tin cậy, áp lực củng cố thiết bị.
- Vật tư, thiết bị phục vụ thay thế, sửa chữa có xu hướng tăng.
- Huy động công suất các tổ máy nhìn chung là thấp, giá điện thị trường thấp.
- Yêu cầu về vấn đề bảo vệ môi trường đòi hỏi ngày một tốt hơn.

#### **II. Phương hướng, nhiệm vụ:**

##### **1. Ban hành Nghị quyết:**

- HĐQT bám sát, tuân thủ qui định của Pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết/Quyết định do Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông chi phối và các các hoạt động của Công ty để ban hành nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo... để giải quyết kịp thời các tờ trình, đề xuất, kiến nghị của Công ty.

- Chỉ đạo Công ty thường xuyên cập nhật, sửa đổi, ban hành mới qui định, qui chế, qui trình... để phục vụ công tác quản lý, điều hành.

## **2. Công tác kiểm tra, giám sát:**

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về các mặt hoạt động của Công ty; kiểm tra, giám sát tuân thủ nghị quyết Cổ đông, HĐQT trên các lĩnh vực sản xuất, vận hành, sửa chữa, tài chính, tổ chức, lao động, an toàn, phòng chống tham nhũng, lãng phí...

- HĐQT thường xuyên trao đổi công việc, chỉ đạo điều hành Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT có sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.

- Thường xuyên tham gia cùng Ban điều hành tại các cuộc họp giao ban tuần, tháng và có chỉ đạo kịp thời.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định quản lý nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty đơn giản, hiệu quả và vẫn đảm bảo tuân thủ quy định của nhà nước và cơ quan quản lý cấp trên.

## **3. Công tác sản xuất kinh doanh:**

Đảm bảo mục tiêu sản lượng, cổ tức, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật... do Đại hội cổ đông thông qua. Theo đó tập trung chỉ đạo:

- Duy trì, nâng cao chất lượng, hệ số khả dụng máy móc thiết bị, nguồn nhân lực để vận hành các tổ máy, bảo đảm vận hành an toàn, bảo vệ môi trường; bảo đảm các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các chỉ tiêu tài chính.

- Bám sát chỉ đạo của Tổng Công ty Phát điện 2 về thực hiện Dự án khôi phục công suất và hiệu suất theo chỉ thị số 21/CT-EVNGENCO2 ngày 02/01/2025.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cung cấp cung cấp than theo đúng Hợp đồng đã ký, đảm bảo đủ nguồn than cho nhu cầu sản xuất.

- Đảm bảo vật tư tiêu hao, vật tư sửa chữa.

- Tham gia có hiệu quả trong thị trường phát điện cạnh tranh nhằm tối đa hóa doanh thu từ thị trường.

- Ứng dụng, nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ trong các hoạt động sản xuất.

## **4. Sửa chữa lớn**

- Thực hiện đúng kế hoạch đại tu, sửa chữa lớn năm 2025 và chuẩn bị tốt kế hoạch sửa chữa lớn 2026.

- Tuân thủ các quy định về công tác sửa chữa lớn của EVN/EVNGENCO2 và các quy định hiện hành. Đảm bảo thiết bị sau đại tu tăng hiệu suất, ổn định, tin cậy. Tiết kiệm chi phí.

## **5. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản**

- Phê duyệt Báo cáo NCKT Dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1&2. Hoàn thành phát hành HSMT gói thầu thi công trong năm 2025.

- Xây dựng đơn nguyên nhà hành chính.
- Thực hiện Dự án khôi phục công suất và hiệu suất theo chỉ thị số 21/CT-EVNGENCO2 ngày 02/01/2025.

#### **6. Công tác VS-AT lao động, bảo vệ môi trường, PCCC và PCTT&TKCN**

- Chấp hành các quy định của pháp luật và của EVN về công tác ATVSLĐ; Phần đầu nói không với tai nạn lao động. Tuyệt đối không để xảy ra sự cố về môi trường.
- Tiếp tục thực hiện đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật của nhà nước, tuân thủ nghiêm Quy định công tác PCCC&CNCH và PCTT&TKCN. Không để xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố thiên tai.

#### **7. Công tác chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên và an sinh xã hội**

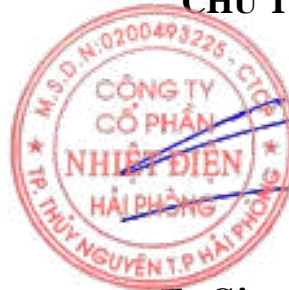
Đảm bảo đời sống tinh vật chất và tinh thần cho người lao động; Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông./.

#### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- TV.HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Tạ Công Hoan**

PHỤ LỤC:  
QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NĂM 2024

DVT: đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng làm việc	Mức tiền lương/thù lao bình quân thực hiện (đồng/tháng)	Tiền lương, thù lao (đồng)		
					Quỹ tiền lương	Quỹ thù lao	Cộng
I	Hội đồng quản trị chuyên trách				1.019.328.000		1.019.328.000
1	Tạ Công Hoan	Chủ tịch HĐQT	12	35.104.000	421.248.000		421.248.000
2	Lê Minh Tuấn	TV HĐQT chuyên trách	12	29.904.000	358.848.000		358.848.000
3	Nguyễn Xuân Đặng	TV HĐQT chuyên trách	8	29.904.000	239.232.000		239.232.000
II	Hội đồng quản trị không chuyên trách					227.517.000	227.517.000
1	Nghiêm Xuân Chiến	Thành viên HĐQT	12	5.981.000		71.772.000	71.772.000
2	Lê Văn Chính	Thành viên HĐQT	12	5.981.000		71.772.000	71.772.000
3	Chu Thế Hoàng	Thành viên HĐQT	12	5.981.000		71.772.000	71.772.000
4	Trần Anh Duy	Thành viên HĐQT	2,04	5.981.000		12.201.000	12.201.000
III	Ban kiểm soát chuyên trách				733.296.000		733.296.000
1	Phạm Thị Dung	Trưởng Ban kiểm soát	12	31.204.000	374.448.000		374.448.000
2	Vũ Quang Huy	TV BKS chuyên trách	12	29.904.000	358.848.000		358.848.000
IV	Ban kiểm soát không chuyên trách					215.316.000	215.316.000
1	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên BKS	12	5.981.000		71.772.000	71.772.000
2	Trần Minh Tâm	Thành viên BKS	12	5.981.000		71.772.000	71.772.000
3	Lê Thị Thủy	Thành viên BKS	12	5.981.000		71.772.000	71.772.000
	Cộng				1.752.624.000	442.833.000	2.195.457.000

**BÁO CÁO**  
**Kết quả hoạt động năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 của Ban Kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thay mặt Ban kiểm soát tôi xin Báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của ban kiểm soát như sau:

**I. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.**

**1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.**

**a) Thực hiện kế hoạch sản lượng điện**

Sản lượng điện sản xuất năm 2024 của Công ty là 6.754,5 triệu Kwh, đạt 87,3% so với kế hoạch năm và so cùng kỳ năm trước đạt 94,6%. Sản lượng điện thương phẩm là 6.122,17 triệu Kwh, đạt 87,2% so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước đạt 94,4%, cụ thể:

Nhà máy	Kế hoạch năm 2024 (Triệu kWh)		Thực hiện năm 2024 (Triệu kWh)		Thực hiện năm 2023 (Triệu kWh)		So sánh năm 2024/ KH năm 2024		So sánh thực hiện năm 2024/ năm 2023	
	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm
Hải Phòng 1	3.789,73	3.437,29	3.319,08	3.001,07	3.218,41	2.909,66	87,6%	87,3%	103,1%	103,1%
Hải Phòng 2	3.950,61	3.583,20	3.435,43	3.121,10	3.924,91	3.575,39	87,0%	87,1%	87,5%	87,3%
TỔNG CỘNG	7.740,34	7.020,49	6.754,50	6.122,17	7.143,32	6.485,05	87,3%	87,2%	94,6%	94,4%

Sản lượng điện trong năm không đạt so với kế hoạch chủ yếu do:

- Do yếu tố khách quan từ nhu cầu huy động của các cấp điều độ: Trong năm 2024, các tổ máy có nhiều thời điểm được huy động thấp hơn công suất khả dụng (đặc

biệt trong giai đoạn mùa mưa), do đó các tổ máy buộc phải ngừng dự phòng gây giảm sản lượng phát.

- Do ảnh hưởng bởi sự cố: Trong năm 2024, các tổ máy tại HP1&2 đã xảy ra tổng cộng 19 sự cố (trong đó có 3 sự cố do bão số 3), tổng thời gian ngừng do sự cố là 931 giờ gây thiếu hụt 217 triệu kWh.

- Do thay đổi phương thức vận hành để đảm bảo nhu cầu cung ứng điện: Để đảm bảo nhu cầu cung ứng điện, trên cơ sở các giải pháp khuyến cáo của Nhà sản xuất (Tập đoàn Dongfang Trung Quốc) nhằm hạn chế sự cố bực ống áp lực, trong một số thời điểm, Công ty chỉ vận hành công suất tối đa các tổ máy ở mức tải 90% định mức 270MW/300MW), do đó, công suất khả dụng các tổ máy được công bố thấp dẫn đến sản lượng phát giảm.

### b) Kết quả kinh doanh năm 2024

Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2024 so với kế hoạch cụ thể như sau:

<i>ĐVT: Triệu đồng</i>					
Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	So sánh năm 2024/ KH năm 2024	So sánh thực hiện năm 2024/ thực hiện năm 2023
<b>1/ Doanh thu</b>	<b>12.278.677</b>	<b>11.041.641</b>	<b>11.454.800</b>	<b>89,9%</b>	<b>96,4%</b>
- Doanh thu sản xuất điện:	12.271.913	11.036.275	11.442.698	90%	96%
- Doanh thu hoạt động tài chính:	3.000	521	7.851	17%	7%
- Hoạt động khác:	3.765	4.845	4.251	129%	114%
<b>2/ Chi phí</b>	<b>11.884.778</b>	<b>10.768.846</b>	<b>10.989.938</b>	<b>91%</b>	<b>98%</b>
- Chi phí sản xuất điện:	11.881.454	10.764.456	10.986.489	91%	98%
- Chi phí hoạt động tài chính :					
- Chi phí khác:	3.324	4.390	3.449	132%	127%
<b>3/ Lợi nhuận trước thuế = (1) - (2)</b>	<b>393.899,36</b>	<b>272.795</b>	<b>464.862</b>	<b>69,3%</b>	<b>58,7%</b>
<b>Thuế TNDN</b>	<b>19.695</b>	<b>13.857</b>	<b>23.391</b>	<b>70,4%</b>	<b>59,2%</b>
<b>4/ Lợi nhuận sau thuế và CLTG</b>	<b>374.204</b>	<b>258.938</b>	<b>441.472</b>	<b>69,2%</b>	<b>59%</b>

Doanh thu năm 2024 là 11.041,64 tỷ đồng, đạt 89,9% kế hoạch năm. So với cùng kỳ năm 2024, doanh thu bằng 96,4%.

Chi phí sản xuất điện năm 2024 là 10.768,8 tỷ đồng, đạt 91% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao (đã bao gồm chi phí CLTG phát sinh trong kỳ là 16,85 tỷ đồng), so với cùng kỳ năm 2023 bằng 98%.

Lợi nhuận trước thuế đã bao gồm chênh lệch tỷ giá của Công ty là 272,79 tỷ đồng, đạt 69,3% kế hoạch năm, bằng 58,7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế là 258,9 tỷ đồng, đạt 69,2% kế hoạch năm, bằng 59% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận giảm do sản lượng điện thương phẩm của Công ty là 6.122,17 triệu kWh, đạt

87,2% kế hoạch năm và sản lượng Qc giao thực tế thấp hơn so với sản lượng Qc lập kế hoạch, tỷ giá đồng USD thời điểm cuối kỳ tăng so với đầu kỳ dẫn đến Công ty phát sinh lỗ CLTG (16,8 tỷ đồng), suất hao nhiệt của Công ty cũng chưa đạt so với kế hoạch.

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua là 4% thực hiện chi trả bằng tiền. Tỷ lệ chi trả cổ tức (4%) không đảm bảo tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua.

### c) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật năm 2024

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thực hiện trong năm 2024 của Công ty như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Đánh giá
1	Suất hao nhiệt	kJ/kWh	10.339	11.320	không đạt
2	Suất hao dầu	g/kWh	2,24	1,66	Đạt
3	Suất hao bi	g/tấn than	360	303,91	Đạt
4	Điện tự dùng	%	9,30	9,36	Không đạt.
5	Suất sự cố		1,00	2,375	Không đạt.
6	Suất tiêu hao đá vôi tinh	g/kWh	6,00	3,78	Đạt
7	Nước khử khoáng	%	3,00	2,959	Đạt
8	Tiêu hao HCL 30%	g/kWh	0,15	0,143	Đạt
9	Tiêu hao NaOH 30%	g/kWh	0,17	0,145	Đạt

Năm 2024 các chỉ tiêu suất hao nhiệt, điện tự dùng và suất sự cố không đạt so với kế hoạch.

## 2. Công tác QLDA đầu tư xây dựng

- Tình hình triển khai dự án:

+ Dự án nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1&2: Công ty đang thực hiện các bước để triển khai dự án. Công ty cần đẩy nhanh tiến độ nhằm đáp ứng các điều kiện về quy chuẩn môi trường theo quy định.

+ Dự án xây dựng đơn nguyên nhà hành chính tại NMNĐ Hải Phòng 2: Công ty đang trình xin ý kiến các cấp có thẩm quyền để điều chỉnh vị trí xây dựng từ nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 sang nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 để làm cơ sở thực hiện các thủ tục đầu tư tiếp theo.

+ Dự án chuyển đổi số và thực hiện đề tài 4.0: Một số dự án đã được Hội đồng quản trị có nghị quyết triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc triển khai còn chậm

- Thực hiện giải ngân dự án Đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua như sau:

*ĐVT: Tỷ đồng*

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh TH/KH (%)
I	Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải	2,876	2,323	81%
II	Đầu tư xây dựng đơn nguyên nhà hành chính HP2	0	-	-%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2,876</b>	<b>2,323</b>	

Tổng giá trị thực hiện các dự án được ĐHĐCĐ năm 2024 phê thông qua là 2,876 tỷ đồng. Trong đó, đối với dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải là 2,876 tỷ đồng, dự án Đầu tư xây dựng đơn nguyên nhà hành chính HP2 là 0 đồng. Tính đến 31/12/2024, Công ty thực hiện giải ngân 2,323 tỷ đồng dự án trong năm, đạt 81% kế hoạch. Đề nghị Công ty có phương án, triển khai dự án, đảm bảo tiến độ triển khai thực hiện các dự án XDCB, đặc biệt Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo các quy chuẩn mới về môi trường.

### **3. Thẩm tra Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

Ban kiểm soát thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam. Theo đánh giá của Ban kiểm soát: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được phản ánh cụ thể như sau:

**a) Chỉ tiêu bảng cân đối kế toán**

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 31/12/2024
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100-BCĐKT</b>	<b>3.845.778</b>	<b>3.540.722</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	18.461	18.153
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	20.000	15.000
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	2.909.011	2.553.525
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	830.842	805.764
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	67.463	148.280
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>200-BCĐKT</b>	<b>3.974.826</b>	<b>3.439.500</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	3.707.543	3.192.404
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	3.699.781	3.188.133
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	7.762	4.271
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	60.753	44.584
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	500	500
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	206.030	202.013
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>7.820.604</b>	<b>6.980.222</b>
<b>III. Nợ phải trả</b>	<b>300-BCĐKT</b>	<b>1.808.065</b>	<b>1.257.020</b>
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	1.800.075	1.251.010
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	7.989	6.010
<b>IV. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400-BCĐKT</b>	<b>6.012.539</b>	<b>5.723.202</b>
1. Vốn chủ sở hữu	410-BCĐKT	6.012.539	5.723.202
Trong đó: -Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	5.000.000	5.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	412-BCĐKT	196.653	196.653
- Vốn khác của Chủ sở hữu	414-BCĐKT	25.892	55.821
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417-BCĐKT		
- Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	272.523	354.579
- Lợi nhuận chưa phân phối	421-BCĐKT	517.472	116.149
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.820.604</b>	<b>6.980.222</b>

Tổng tài sản tại 31/12/2024 là 6.980 tỷ đồng, giảm 840,3 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 11% so với số đầu năm. Trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn giảm 305 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 8% so với đầu năm. Tài sản ngắn hạn giảm so với đầu năm chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn giảm 355 tỷ đồng, hàng tồn kho giảm 25 tỷ đồng, đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 5 tỷ đồng tài sản ngắn hạn khác tăng 80 tỷ đồng so với đầu năm. Giá trị khoản phải thu tại 31/12/2024 là 2.554 tỷ đồng chủ yếu là công nợ tiền điện. Công ty cần tích cực bám sát, thực hiện các biện pháp để thu hồi công nợ, đảm bảo ổn định dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

+ Tài sản dài hạn giảm 535 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 13% so với đầu năm. Tài sản dài hạn của Công ty giảm do Công ty đã thực hiện trích khấu TSCĐ vào chi phí SXKD.

Tổng nguồn vốn tại 31/12/2024 giảm 840,3 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 11% so với đầu năm. Trong đó:

+ Nợ phải trả tại ngày 31/12/2024 giảm 551 tỷ đồng so với đầu năm chủ yếu do nợ ngắn hạn giảm 549 tỷ đồng. Khoản vay và nợ thuê tài chính đã hoàn thành tất toán các khoản nợ vay dài hạn (khoản vay đầu tư dự án với EVN) trong kỳ là 403,8 tỷ đồng. Như vậy, năm 2024 Công ty đã hoàn thành việc trả khoản nợ vay dài hạn cuối cùng để đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 2 với EVN.

+ Khoản nợ dài hạn giảm là khoản chi quỹ phát triển khoa học công nghệ trong năm.

+ Vốn chủ sở hữu giảm 289 tỷ đồng so với đầu năm chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 401 tỷ đồng (lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 272 tỷ, chi tạm ứng cổ tức năm 2024 là 150 tỷ), quỹ đầu tư phát triển tăng 82 tỷ đồng, vốn khác chủ sở hữu tăng 29,9 tỷ do tăng tài sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển.

#### **b) Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính năm 2024**

Các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2024 của Công ty so với cùng kỳ cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Tăng/ Giảm
<b>1.Các chỉ tiêu về tình hình và khả năng thanh toán</b>				
1.1.Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,83	2,14	0,69
1.2.Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,19	1,67	0,51
1.3.Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,015	0,010	0,00
<b>2.Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn và tài sản</b>				
2.1.Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	18,01	23,12	(5,1)
2.2.Nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	81,99	76,88	5,11
2.3.Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	lần	0,22	0,30	-0,08
2.4.Tài sản lưu động trên tổng tài sản	%	50,73	49,17	1,56
2.5.Tài sản cố định trên tổng tài sản	%	49,27	50,83	-1,56
<b>3.Các chỉ tiêu về lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn</b>				
3.1.Hệ số sinh lợi của doanh thu	%	2,35	3,86	-1,51
3.2.Hệ số sinh lợi của tài sản (ROA)	%	3,71	5,64	-1,93
3.3.Hệ số sinh lợi vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,52	7,34	-2,82

Các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2024 của Công ty so với cùng kỳ:

**- Các chỉ tiêu về tình hình khả năng thanh toán ngắn hạn:**

+ Chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tăng từ 2,14 lần lên 2,83 lần. Cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn được cải thiện. Khả năng thanh toán ngắn hạn tăng lên từ việc giảm các nợ phải trả ngắn hạn và Công ty đã hoàn thành tất toán khoản các khoản nợ vay đầu tư dự án Hải Phòng 2 trong năm 2024.

+ Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh tăng từ 1,67 lần lên 2,19 lần.

+ Chỉ tiêu khả năng thanh toán tức thời tăng từ 0,01 lần lên 0,015 lần so với cùng kỳ. Khả năng thanh toán tức thời mặc dù có tăng so với đầu năm nhưng vẫn ở mức rất thấp cho thấy Công ty chưa chủ động được dòng tiền thanh toán ngay các khoản nợ đến hạn.

Các chỉ tiêu về tình hình khả năng thanh toán cho thấy khả năng thanh toán Công ty mặc dù đã cải thiện nhiều so với đầu năm nhưng chưa bền vững do chủ yếu từ việc giảm khoản nợ ngắn hạn. Công ty cần tăng cường thu hồi các khoản công nợ tiền điện để đảm bảo dòng tiền thanh toán.

**- Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn và tài sản:**

+ Chỉ tiêu nợ phải trả trên tổng tài sản giảm từ 23,12% xuống 18,01%.

+ Các chỉ tiêu Nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn tăng từ 77,88% lên 81,99%.

+ Chỉ tiêu nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu giảm từ 0,3 lần xuống 0,22 lần.

+ Chỉ tiêu tài sản lưu động/Tổng tài sản tăng từ 49,17% lên 50,73%.

+ Chỉ tiêu tài sản cố định/Tổng tài sản giảm từ 50,83% xuống 49,27%.

**- Các chỉ tiêu về lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn so với cùng kỳ:**

+ Hệ số sinh lợi của Doanh thu giảm từ 3,86 % xuống 2,35%.

+ Hệ số sinh lợi của tài sản tăng giảm từ 5,64% xuống 3,71%.

+ Hệ số sinh lợi vốn chủ sở hữu giảm từ 7,34% xuống 4,52%

Các hệ số về tỷ suất sinh lời đều giảm so với cùng kỳ do lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ 183 tỷ đồng.

Đánh giá chung: tại ngày tại 31/12/2024, các chỉ tiêu tài chính của Công ty không có dấu hiệu mất an toàn tài chính. Tuy nhiên, các chỉ tiêu về suất sinh lợi đều giảm. Công ty cần tìm các biện pháp để đảm bảo an toàn và duy trì tăng trưởng ổn định.

**4. Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có khoản đầu tư tài chính như sau:

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng 15 tỷ đồng.

Công ty có khoản đầu tư tài chính 50.000 cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc tương ứng giá trị 500 triệu đồng. Trong năm 2024, Công ty ghi nhận doanh thu tài chính 32,5 triệu đồng do Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc phân phối lợi nhuận năm 2023 để chi trả cổ tức (tỷ lệ cổ tức 6,5%)

## **5. Công tác tham gia thị trường chứng khoán**

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường chứng khoán chưa niêm yết của Công ty đại chúng (Upcom) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HND.

## **II. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.**

### **1. Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.**

Năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 05 phiên họp. Các phiên họp được tổ chức với số lượng Thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung họp đã được các thành viên thảo luận, thống nhất biên bản cuộc họp và biểu quyết thông qua.

Hội đồng quản trị đã gửi 143 Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản tới các thành viên HĐQT và ban hành 226 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ theo điều lệ, quy chế quản lý nội bộ và các quy định của Pháp luật.

Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT chuyên trách tham gia các cuộc họp giao ban tuần, tháng và các cuộc họp khác, theo dõi và chỉ đạo kịp thời công tác sản xuất kinh doanh với ban điều hành.

Năm 2024 Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua. Sản lượng điện sản xuất năm 2024 của Công ty là 6.754,5 triệu Kwh, đạt 87,3% so với kế hoạch năm. Sản lượng điện thương phẩm là 6.122,17 triệu Kwh, đạt 87,2% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đã bao gồm chênh lệch tỷ giá của Công ty là 272,79 tỷ đồng, đạt 69,3% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 258,9 tỷ đồng, đạt 69,2% kế hoạch năm.

### **2. Đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc**

Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực, chủ động trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và các văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Ban tổng giám đốc phân công nhiệm vụ cho các thành viên, các đơn vị. Các thành viên trong ban tổng giám đốc, các đơn vị chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc theo lĩnh vực được phân công.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty năm 2024 theo nội dung của Nghị quyết giao, Tuy nhiên, năm 2024 Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHCĐ thông qua. Sản lượng điện sản xuất năm 2024 của Công ty là 6.754,5 triệu Kwh, đạt 87,3% so với kế hoạch năm. Sản lượng điện thương phẩm là 6.122,17 triệu Kwh, đạt 87,2% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đã bao gồm chênh lệch tỷ giá của Công ty là 272,79 tỷ đồng, đạt 69,3% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 258,9 tỷ đồng, đạt 69,2% kế hoạch năm.

### **3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc**

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát là phối hợp, theo điều lệ của Công ty, luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật và của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, vì lợi ích chung của Công ty và của các cổ đông, đảm bảo tính độc lập, thường xuyên.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; mời Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng và các cuộc họp khác của Công ty khi cần thiết.

Ban kiểm soát được cung cấp tài liệu để thực hiện công tác kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty.

## **II. Đánh giá kết quả hoạt động của ban kiểm soát.**

### **1. Cơ cấu thành viên ban kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty trong năm 2024 có 5 thành viên, nhân sự của Ban kiểm soát cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị Dung	Trưởng Ban
Ông Vũ Quang Huy	Thành viên
Bà Lê Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trần Minh Tâm	Thành viên

### **2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm**

Thực hiện kế hoạch hoạt động của ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, Ban kiểm soát luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật cũng như các quy định của Công ty.

Định kỳ, Ban kiểm soát tổ chức họp, kiểm soát trực tiếp tại Công ty. Các cuộc họp có sự tham gia của các thành viên theo quy định. Kết thúc các cuộc họp, ban kiểm soát

lập biên bản ghi nhận kết quả làm việc cũng như các đề xuất, kiến nghị gửi HĐQT, ban điều hành.

Ngoài ra, các thành viên ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để các hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất. Năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Lập báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024, báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024;
- Trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;
- Tổ chức các cuộc họp Ban kiểm soát định kỳ để đánh giá các hoạt động của Công ty bao gồm: hoạt động của Hội đồng quản trị, ban điều hành; thẩm tra báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm, có các ý kiến nhận xét và kiến nghị đối với Công ty về tình hình SXKD và các hoạt động khác;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty một cách độc lập khách quan;
- Xem xét việc ban hành, thực hiện các quy chế, quy định ban hành nội bộ trong công tác quản lý và điều hành Công ty;
- Phối hợp đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán giữa kỳ và kết thúc năm;
- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban tuần, tháng các cuộc họp khác khi cần thiết. Tại cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đối với Lãnh đạo Công ty để chỉ đạo các hoạt động đảm bảo lợi ích cho Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông.

### **3. Thù lao, chi phí của Ban kiểm soát năm 2024.**

Thù lao của BKS: Công ty thực hiện chi trả thù lao năm 2024 cho Ban kiểm soát theo kế hoạch thù lao ĐHCĐ thông qua và quyết toán quỹ tiền lương theo quy định.

### **4. Nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát**

#### **a) Thực hiện kế hoạch SXKD**

Về sản lượng điện, doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong năm của Công ty không đạt so với kế hoạch ĐHCĐ thông qua. Lợi nhuận không đạt nguyên nhân chủ yếu do sản lượng điện sản xuất, sản lượng điện thương phẩm của Công ty không đạt kế hoạch, sản lượng Qc giao thực tế thấp hơn so với sản lượng Qc lập kế hoạch, tỷ giá đồng USD thời điểm cuối kỳ tăng so với đầu kỳ dẫn đến Công ty phát sinh lỗ CLTG (16,8 tỷ đồng)...

Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật không đạt như: Suất hao nhiệt, suất sự cố...

Công ty cần tăng cường công tác quản lý kỹ thuật; giám sát chặt chẽ chất lượng than trong quá trình giao nhận theo hợp đồng, nâng cao chất lượng công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, tin cậy với hiệu suất cao; Xây dựng đề án tổng thể về cải tạo, nâng cấp các thiết bị dây chuyền Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2 nhằm mục tiêu không xảy ra sự cố chủ quan, sự cố lặp lại, không suy giảm công suất, hiệu suất, giảm suất hao nhiệt, điện tự dùng và nâng cao độ tin cậy cho các tổ máy.

#### **b) Công tác tài chính kế toán**

- Tại ngày 31/12/2024, công ty không có khoản phải thu khó đòi. Số dư khoản phải thu khách hàng là 2.541,47 tỷ đồng, chủ yếu khoản phải thu tiền bán điện cho Công ty mua bán điện (EPTC) thuộc tập đoàn điện lực Việt Nam. Đề nghị Công ty đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền nhằm đáp ứng kịp thời và chủ động hoạt động sản xuất kinh doanh; Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản trị dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng dòng tiền.

- Các công trình xây dựng dở dang: Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty có các công trình xây dựng cơ bản dở dang: Dự án nâng cấp hệ thống xử lý khí thải; Dự án số hóa hệ thống đo chất lượng than online; Lắp đặt hệ thống giám sát cảnh báo sớm và Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đề tài 8 tiết kiệm điện tự dùng và quạt tăng áp FGD với tổng giá trị là 9.639.610.518 đồng. Đề nghị Công ty rà soát từng hạng mục đầu tư xây dựng dở dang theo quy định hợp đồng, đánh giá khả năng tiếp tục thực hiện các công trình đầu tư, đẩy nhanh việc thi công và hoàn thành công trình, đưa công trình vào hoạt động để có thể ghi nhận tăng TSCĐ, trích khấu hao, thu hồi vốn kịp thời, tránh ứ đọng vốn.

#### **c) Công tác sửa chữa, bảo dưỡng.**

##### **- Công tác sửa chữa lớn:**

+ Công tác SCL năm 2024: Theo kế hoạch năm 2024, Công ty có 02 công trình SCL là Trung tu tổ máy S4 từ 01/10-30/10/2024 và Đại tu tổ máy S2 từ 01/8-29/9/2024. Tuy nhiên, do công tác LCNT được thực hiện chậm nên VTTB không đáp ứng theo tiến độ SCL đã được duyệt. Công ty đã phải điều chỉnh lịch trung tu S4 từ 21/8-20/8/2024 và đại tu S2 từ 15/10-14/12/2024.

Nhìn chung, tiến độ thực hiện SCL đã được Công ty nỗ lực thực hiện, đưa tổ máy vào vận hành theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên, đến thời điểm kết thúc đại tu tổ máy 2 vẫn còn 08/73 chưa được thực hiện theo PAKT SCL đã phê duyệt. Đối với các hạng mục chưa được thực hiện theo PAKT SCL đã phê duyệt, Công ty đã tự tổ chức thực hiện các nội dung công việc này.

Ban kiểm soát đề nghị Công ty tổ chức rà soát, xác định cụ thể nguyên nhân dẫn đến chậm trễ, đồng thời có giải pháp khắc phục, đảm bảo không để lặp lại trong công tác SCL năm 2025 và các năm tiếp theo đảm bảo đạt tiến độ và chất lượng.

+ Công tác SCL năm 2025: Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu SCL năm 2025, do đó, tiềm ẩn rủi ro chậm tiến độ SCL năm 2025. Để đảm bảo công tác SCL năm 2025 đạt tiến độ, chất lượng đúng theo PAKT được cấp thẩm quyền phê duyệt, Ban kiểm soát đề nghị Công ty đẩy nhanh quá trình phê duyệt KHLCNT và sớm triển khai công tác đấu thầu nhằm đảm bảo có đủ VTTB phục vụ SCL.

**- Công tác sửa chữa thường xuyên:**

Qua xem xét các sự cố ống áp lực trong năm 2024, các sự cố chủ yếu tập trung tại 02 khu vực bộ quá nhiệt trung gian và bộ quá nhiệt cấp 03 của các tổ máy. Đề nghị công ty rà soát lại hiện trạng các hệ thống ống áp lực tại các khu vực nêu trên, tăng cường việc bảo dưỡng sửa chữa, thay thế các phần ống không đảm bảo trong các kỳ tiêu tu để đảm bảo sự vận hành an toàn, tin cậy đối với tổ máy; Công ty cần chuẩn bị dự phòng đầy đủ VTTB để kịp thời thay thế khi có bất thường không để ảnh hưởng đến cung ứng điện trong thời gian tới, đặc biệt trong giai đoạn phát điện mùa khô năm 2025.

**PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	- Giám sát kiểm toán BCTC năm 2024; - Thẩm tra BCTC năm 2024; - Họp Ban kiểm soát quý I.	Quý I/2025
2	- Kiểm soát trực tiếp hoạt động SXKD, tình hình tài chính cả năm 2024 và quý I/2025; - Lập báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2024 trình ĐHĐCĐ; - Trình ĐHĐCĐ đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2025; - Họp Ban kiểm soát quý II.	Quý II/2025
3	- Giám sát soát xét BCTC bán niên 2025; - Thẩm tra BCTC bán niên 2025; - Kiểm soát trực tiếp hoạt động SXKD, tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2025 - Họp Ban kiểm soát quý III.	Quý III/2025

STT	Nội dung	Thời gian
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát, giám sát thường xuyên hoạt động SXKD, tình hình tài chính quý III;</li> <li>- Giám sát kiểm kê tài sản nguồn vốn 2025;</li> <li>- Hợp Ban kiểm soát quý IV.</li> </ul>	Quý IV/2025
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết/ quyết định HĐQT; việc chấp hành điều lệ, pháp luật của Công ty;</li> <li>- Tham dự các phiên họp HĐQT, các cuộc họp giao ban tuần/tháng và các cuộc họp khác khi cần thiết;</li> <li>- Theo dõi kết quả làm việc của đoàn thanh kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát theo quy định; giám sát kết quả khắc phục của Công ty đối với kiến nghị của các đoàn thanh kiểm tra;</li> <li>- Xem xét việc ban hành, thực hiện các quy chế, quy định ban hành nội bộ trong công tác quản lý và điều hành Công ty;</li> <li>- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.</li> </ul>	Thường xuyên

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng năm trong 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT HND;
- Ban TGD HND;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**Phạm Thị Dung**

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Căn cứ Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập: trong đó ý kiến của kiểm toán viên như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024.

3. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024.

5. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong đó, một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	Số tiền
1	Tổng Tài sản	Đồng	6.980.222.385.224
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	11.036.275.254.339
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	272.795.155.005
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	258.938.414.167

Nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính năm 2024 được được kiểm toán của Công ty Nhiệt điện Hải Phòng được công bố trên website công ty tại địa chỉ: *ndhp.com.vn*

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.



**Tạ Công Hoan**

**TỜ TRÌNH**  
**V/v Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025;

Căn cứ văn bản số 937/EVNGENCO2-KH ngày 12/03/2025 của Tổng công ty Phát điện 2 về giao chỉ tiêu kế hoạch sản lượng năm 2025 cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ văn bản số 1485/EVNGENCO2-KTSX+TH+KH ngày 15/04/2025 của Tổng Công ty Phát điện 2 về việc các chỉ tiêu KTKT năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ văn bản số 2077/EVNGENCO2-KH+TH ngày 31/05/2025 của HĐQT Tổng Công ty Phát điện 2 về việc thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh (KHSXKD) năm 2025 với những nội dung chính như sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024**

**1. Kết quả thực hiện SXKD năm 2024**

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	triệu kWh	7.740,34	6.754,50	87,26
2	Sản lượng điện thương phẩm	triệu kWh	7.020,49	6.122,17	87,20
3	Sản lượng điện Qc	triệu kWh	4.914,34	3.226,36	65,65
4	Tổng Doanh thu	tỷ đồng	12.278,68	11.041,64	89,93
5	Tổng Chi phí	tỷ đồng	11.884,78	10.768,84	90,61
6	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	393,90	272,80	69,25
7	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	374,20	258,94	69,19

**2. Cổ tức**

Với tổng giá trị lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 258,94 tỷ đồng, Công ty đề nghị mức chia cổ tức mức 4% vốn điều lệ, thành tiền 200 tỷ đồng.

**II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025**

Năm 2025 Công ty có kế hoạch sửa chữa lớn tổ máy số 3 và trung tu tổ máy số 1.

Căn cứ tình hình thực tế và kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2021-2025. Công ty dự kiến sản lượng phát trong năm 2025 như sau:

**1. Về sản lượng**

Điện năng sản xuất: 7.002,20 triệu kWh.

Điện năng thương phẩm: 6.325,09 triệu kWh.

## 2. Về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch
1	Tỷ lệ điện tự dùng	%	9,67
2	Suất tiêu hao nhiệt tinh	kJ/kWh	10.339 (quy về điều kiện thực tế là 10.918)
3	Hệ số đáp ứng	%	94,81
4	Suất sự cố	-	1
5	Suất hao dầu	g/kWh	2,24

## 3. Tổng hợp doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	Kế hoạch năm 2025		
	Doanh thu	Giá thành	Lãi lỗ
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.949.590</b>	<b>10.670.737</b>	<b>278.853</b>
Sản xuất điện	10.944.997	10.666.873	278.124
Hoạt động tài chính	500	0	500
Sản xuất khác	4.093	3.864	229

## 4. Cổ tức

Với kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 278,853 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 250,97 tỷ đồng, Công ty đề xuất kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt là 3% vốn điều lệ, thành tiền là 150 tỷ đồng.

(Chi tiết KHSXKD năm 2025 như phụ lục kèm theo).

## 5. Nội dung khác

Để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty được thực hiện liên tục giữa 2 kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên, Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung như sau: “ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch SXKD năm 2025 của HND, đồng thời giao HĐQT Công ty tổ chức triển khai thực hiện và quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua hoặc các vấn đề, nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD của năm 2026 và phải báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất”

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

### Nơi nhận:

- Như trên (bản giấy)<sup>15</sup>;
- HĐQT công ty;
- TGD công ty (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KHVT.



Tạ Công Hoan

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THUYẾT MINH  
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024-2025**

## **CĂN CỨ CHÍNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Điều lệ của Công ty;

Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ công thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024;

Thông báo số 1161/NSMO-PT ngày 11/12/2024 của Bộ công thương về việc thông báo kế hoạch sửa chữa năm 2025 đã được phê duyệt NMD Hải Phòng 1&2;

Quyết định số 3048/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ công thương về việc phê duyệt Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025;

Quyết định số 3621/QĐ-BCT ngày 27/12/2024 của Bộ công thương về việc phê duyệt Kế hoạch vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh năm 2025;

Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 16/01/2025 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 2 về việc ban hành Quy chế về công tác kế hoạch trong Tổng Công ty phát điện 2 - Công ty cổ phần

Văn bản số 3469/EVNGENCO2-KH ngày 29/8/2024 của Tổng công ty Phát điện 2 về lập kế hoạch năm 2025.

Công văn số 937/EVNGENCO2-KH ngày 12/03/2025 của Tổng công ty Phát điện 2 về giao chỉ tiêu kế hoạch sản lượng năm 2025 cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Căn cứ văn bản số 1485/EVNGENCO2-KTSX+TH+KH ngày 15/04/2025 của Tổng Công ty Phát điện 2 về việc các chỉ tiêu KTKT năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ văn bản số 6321/NĐHP-HĐQT ngày 30/08/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc lập kế hoạch năm 2025;

Quyết định số 1825/QĐ-NĐHP ngày 13/03/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng về việc ban hành qui trình lập, duyệt kế hoạch năm trong Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ tình hình, điều kiện thực tế SXKD của Công ty.

## TỔNG QUAN

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Trên cơ sở lịch vận hành và bảo dưỡng thiết bị, điều kiện thực tế và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 được cấp cấp thẩm quyền giao. Công ty lập kế hoạch, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2025 như sau:

#### I. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

##### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện 2024	Đánh giá (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	triệu kWh	7.740,34	6.754,50	87,26
2	Sản lượng điện thương phẩm	triệu kWh	7.020,49	6.122,17	87,20
3	Sản lượng điện Qc	triệu kWh	4.914,34	3.226,36	65,65
4	Tổng Doanh thu	tỷ đồng	12.278,68	11.041,64	89,93
5	Tổng Chi phí	tỷ đồng	11.884,78	10.768,84	90,61
6	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	393,90	272,80	69,25
7	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	374,20	258,94	69,19

*(Chi tiết tại biểu số 4 – Báo cáo kế hoạch tài chính năm 2024)*

##### Đánh giá:

Sản lượng điện thương phẩm đạt 6.122,17 triệu kWh, đạt 87,20% kế hoạch năm.

+Về doanh thu: Tổng doanh thu là 11.041,64 tỷ đồng, đạt 89,93% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Nguyên nhân doanh thu không đạt kế hoạch là do sản lượng điện thương phẩm giảm so với kế hoạch là 898,3 triệu kWh và sản lượng Qc giao thực tế thấp hơn kế hoạch là 1,69 tỷ kWh.

+ Về chi phí: Tổng chi phí là 10.768,84 tỷ đồng, đạt 90,61% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Nguyên nhân chi phí giảm so với kế hoạch là do sản lượng điện thương phẩm giảm so với kế hoạch 898,3 triệu kWh.

+ Lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế của Công ty là 272,80 tỷ đồng, đạt 69,25% so với kế hoạch

+ Lợi nhuận sau thuế là 258,94 tỷ đồng, đạt 69,19% kế hoạch.

##### 2. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện năm
1	Hệ số khả dụng	%	87,54	86,82
2	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	Không giao	2,65
3	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	Không giao	10,55
4	Tỷ lệ điện tự dùng	%	9,30	9,36
5	Suất tiêu hao nhiệt tinh	kJ/kWh	10.339	10.337 (Quy về điều kiện tiêu chuẩn)/(ở điều

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện năm
			(quy về điều kiện thực tế là 10.918)	<i>kiện vận hành thực tế là 11.320 kJ/kWh</i>
6	Hệ số đáp ứng	%	94,81	93,28
7	Suất sự cố	-	1	2,375
8	Suất hao dầu	g/kWh	2,24	1,66

**- Giải trình Tồn thất nhiệt do các yếu tố khách quan ảnh hưởng**

Đơn vị tính: kJ/kWh

Nội dung	Giao tại văn bản 930 (theo PPA ở điều kiện tiêu chuẩn)	Thực hiện ở điều kiện thực tế lũy kế 12 tháng năm 2024 (1)	Tổng tồn thất nhiệt do các yếu tố ảnh hưởng khách quan (2)	Giá trị quy về điều kiện tiêu chuẩn theo PPA lũy kế 12 tháng năm 2024 (3)=(1)-(2)	Đánh giá
Suất tiêu hao nhiệt tính	10.339	11.320	983	10.337	10.337/10.339 (Đạt)

**- Chi tiết các tồn thất nhiệt do các yếu tố khách quan ảnh hưởng**

Đơn vị tính: kJ/kWh

Suất hao nhiệt tăng do nhiệt độ nước tuần hoàn làm mát đầu vào tăng	Suất hao nhiệt tăng do hydro trong than thương mại tăng	Suất hao nhiệt tăng do độ tro trong than thương mại tăng	Suất hao nhiệt tăng do thay đổi công suất theo thị trường điện	Suất hao nhiệt tăng do thất thoát than trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và lưu trữ	Suất hao nhiệt tăng do độ ẩm trong than thương mại tăng	Suất hao nhiệt tăng do nhiệt độ khói thoát tăng	Suất hao nhiệt tăng do công suất phát thấp (dưới 85%RO)	Tổng
312	125	46	169	80	12	163	76	<b>983</b>

- Suất tiêu hao nhiệt thực hiện: Chỉ tiêu suất hao nhiệt tính của Công ty sau khi quy về điều kiện tiêu chuẩn theo PPA đánh giá là đạt chỉ tiêu EVNGENCO2 giao, các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến suất hao nhiệt tính như sau:

+ Hệ thống nước tuần hoàn

\* Nhiệt độ môi trường tăng cao đã làm cho nhiệt độ nước tuần hoàn đầu vào tăng (theo thiết kế kỹ thuật nhiệt độ nước tuần hoàn đầu vào thiết kế là 24,3°C, theo thống kê của Công ty, nhiệt độ nước tuần hoàn đầu vào bình quân năm 2024 là 27,21°C tăng 2,91°C) dẫn đến áp suất bình ngưng các tổ máy tăng, làm giảm hiệu suất turbine và hiệu suất tổ máy. Đây cũng là nguyên nhân chính làm tăng suất tiêu hao nhiệt của turbine và tổ máy;

\* Nhiệt độ nước tuần hoàn đầu vào ở 27,21°C, suất hao nhiệt turbine tăng thêm do nhiệt độ nước tuần hoàn đầu vào tăng là 312 kJ/kWh.

+ Than dùng để vận hành

\* Theo thiết kế than sử dụng cho nhà máy là than cám 5HG. Trong năm 2024, than cấp cho Nhiệt điện Hải Phòng là than cám 5a.14 và 6a.14, chất bốc tăng tới giá trị 14%,

cao nhất từ trước đến nay, cao hơn rất nhiều so với than thiết kế. Chất bốc tăng cao làm nhiệt độ bắt cháy thấp, tốc độ cháy than bột nhanh làm giảm chiều dài ngọn lửa theo thiết kế của lò, gây đóng xỉ buồng đốt và miệng vòi đốt. Kết hợp lượng than tiêu thụ lớn hơn so với thiết kế (công suất tổ máy 290MW lượng than tiêu thụ từ 130t/h đến 135t/h) ảnh hưởng xấu đến quá truyền nhiệt tại các dàn ống sinh hơi, dàn ống quá nhiệt làm nhiệt độ khói thoát tăng;

\* Do việc huy động công suất của các tổ máy thấp, dẫn đến nhiều thời điểm các tổ máy chỉ vận hành tại công suất min đặc biệt là các tháng mùa mưa (tháng 8, 9, 10) dẫn đến gia tăng suất hao nhiệt tăng cao.

\* Ngoài yếu tố chất bốc, than sử dụng trong năm 2024 có các thành phần như: độ ẩm, Hydro, độ tro...cao hơn thiết kế, hao hụt than trong quá trình bốc dỡ và lưu kho, thay đổi công suất theo thị trường điện cũng dẫn đến gia tăng suất hao nhiệt.

### 3. Cổ tức

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 258,94 tỷ đồng. Sau khi trích lập các quỹ theo quy định, Công ty thực hiện mức chi cổ tức là 4%.

## II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

### 1. Về sản lượng điện

Điện năng sản xuất: 7.002,20 triệu kWh.

Điện năng thương phẩm: 6.325,09 triệu kWh.

### 2. Về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch
1	Tỷ lệ điện tự dùng	%	9,67
2	Suất tiêu hao nhiệt tinh	kJ/kWh	10.339 (quy về điều kiện thực tế là 10.918)
3	Hệ số đáp ứng	%	94,81
4	Suất sự cố	-	1
5	Suất hao dầu	g/kWh	2,24

### 3. Tổng hợp doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	Kế hoạch năm 2025		
	Doanh thu	Giá thành	Lãi lỗ
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.949.590</b>	<b>10.670.737</b>	<b>278.853</b>
Sản xuất điện	10.944.997	10.666.873	278.124
Hoạt động tài chính	500	0	500
Sản xuất khác	4.093	3.864	229

(Đã bao gồm phần đầu tiết giảm 10% chi phí vật liệu, dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác và tiết giảm 20% chi phí sửa chữa lớn).

(Chi tiết tại biểu số 4 – Báo cáo kế hoạch tài chính năm 2024).

**4. Cổ tức**

Với kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 278,853 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 250,97 tỷ đồng, Công ty đề xuất kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt là 3% vốn điều lệ, thành tiền là 150 tỷ đồng.

**III. Chi tiết kế hoạch SXKD năm 2025**

Như tài liệu kèm theo.

## **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

## NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2025

### I. Kế hoạch sản xuất

#### 1. Kế hoạch sản lượng

Sản lượng điện được tính dựa trên lịch vận hành, lịch sửa chữa các tổ máy và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Theo đó tập trung phát điện vào mùa khô.

Dự kiến sản lượng điện sản xuất: **7.002,20 triệu kWh.**

Trong đó:

- + Tổ máy 1: 1.718,40 triệu kWh.
- + Tổ máy 2: 1.837,59 triệu kWh.
- + Tổ máy 3: 1.593,81 triệu kWh.
- + Tổ máy 4: 1.852,38 triệu kWh.

Dự kiến sản lượng điện thương phẩm: **6.325,08 triệu kWh.**

Trong đó:

- + Tổ máy 1: 1.407,88 triệu kWh.
- + Tổ máy 2: 1.505,52 triệu kWh.
- + Tổ máy 3: 1.305,79 triệu kWh.
- + Tổ máy 4: 1.517,64 triệu kWh.

#### 2. Lịch vận hành – sửa chữa

Lịch vận hành – sửa chữa năm 2025 được Công ty xây dựng trên cơ sở chu trình bảo dưỡng, đại tu, trung tu và tiểu tu thiết bị cũng như điều kiện vận hành tổ máy. Kế hoạch sửa chữa theo đề xuất của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia về việc thông báo kế hoạch sửa chữa Nhà máy điện Hải Phòng năm 2025.

### II. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Công ty xây dựng kế hoạch trên cơ sở các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo đề xuất của Công ty, đề xuất dự kiến của EVNGENCO2 và theo thực tế thực hiện năm 2025:

- Tỷ lệ điện tự dùng: 9,67%.
- Suất tiêu hao nhiệt (quy đổi về điều kiện thực tế): 10.918 kJ/kWh.
- Suất sự cố: 1.
- Hệ số đáp ứng: 94,81%.
- Suất tiêu hao nhiên liệu và vật liệu:
  - + Dầu FO (đốt kèm + khởi động) tại điểm giao nhận: 2,24 g/kWh.
  - + Đá vôi: 6 g/kWh.
  - + Bì nghiền than: 360 g/tấn than TN.
  - + Bì nghiền đá vôi: 0,00383 g/kWh.
  - + Nước thô: 480m<sup>3</sup>/giờ vận hành (tính theo sơ đồ cân bằng nước).

### III. Kế hoạch sửa chữa lớn

Năm 2025, Công ty có lịch đại tu, trung tu và tiểu tu các Tổ máy theo định kỳ, cụ thể (theo lịch sửa chữa A0 duyệt):

Tổ máy	Dạng sửa chữa		Thời gian	
			Từ	Đến
Tổ máy S1	S1	Tiểu tu	19/2/2025	28/2/2025
	<b>S1</b>	<b>Trung tu</b>	<b>6/11/2025</b>	<b>5/12/2025</b>
Tổ máy S2	S2	Tiểu tu	17/1/2025	26/1/2025
	S2	Tiểu tu	6/12/2025	15/12/2025
Tổ máy S3	S3	Tiểu tu	3/1/2025	12/1/2025
	<b>S3</b>	<b>Đại tu</b>	<b>7/9/2025</b>	<b>5/11/2025</b>
Tổ máy S4	S4	Tiểu tu	7/2/2025	16/2/2025
	S4	Tiểu tu	28/8/2025	6/9/2025

\* Ghi chú: Tiến độ ban đầu.

#### IV. Lao động tiền lương

Kế hoạch lao động theo định biên: Số lao động sản xuất điện bình quân năm là 700 người.

Kế hoạch quỹ lương: 233.153 triệu đồng.

Kế hoạch ăn ca: 6.132 triệu đồng.

Kế hoạch bảo hiểm: 31.493 triệu đồng.

#### V. Tài chính, chi phí giá thành

##### 1. Về chi phí

a) Dự kiến kế hoạch chi phí sản xuất điện năm 2025 là **10.666.873 triệu đồng** (Chi tiết tại Biểu số 5a và Biểu số 5b). Trong đó:

- i) *Chi phí nhiên liệu*: Kế hoạch chi phí nhiên liệu là **8.774.230** triệu đồng. Bao gồm các nhiên liệu than, dầu FO, dầu DO. Chi phí này được tính trên cơ sở suất tiêu hao, sản lượng và giá nguyên liệu theo các hợp đồng đã ký kết.
  - ii) *Chi phí vật liệu*: Kế hoạch chi phí vật liệu là **212.709** triệu đồng. Bao gồm vật liệu phụ, vật liệu sửa chữa thường xuyên, vật liệu phân xưởng, công cụ dụng cụ sản xuất, vật liệu văn phòng.
  - iii) *Lương và bảo hiểm xã hội*: Kế hoạch là **264.647** triệu đồng (bao gồm cả lương hoạt động khác).
  - iv) *Khấu hao tài sản cố định*: Kế hoạch là **484.185** triệu đồng.
  - v) *Các khoản dịch vụ mua ngoài*: Kế hoạch là **85.263** triệu đồng, bao gồm mua điện, Bảo hiểm tài sản, các chi phí dịch vụ mua ngoài khác.
  - vi) *Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định*: Kế hoạch là **549.314** triệu đồng phục vụ công tác đại tu tổ máy số 3, trung tu tổ máy số 1 (trong đó chi phí SCL năm 2025 đã ước tiết giảm 20%).
  - vii) *Chi phí bằng tiền khác*: Kế hoạch là **296.526** triệu đồng, bao gồm thuế tài nguyên, tiền thuê đất, tiền ăn ca và các khoản chi phí bằng tiền khác (không gồm lãi vay).
  - viii) *Chi phí lãi vay vốn*: Kế hoạch là **3.800** triệu đồng.
- b) Chi phí sản xuất khác là **3.864** triệu đồng.

→ **Tổng chi phí năm 2025: 10.670.737 triệu đồng**

\* *Nhận xét: Về chi phí cho KHSXKD năm 2025, công ty đã tính toán và tiết giảm một số hạng mục, cụ thể:*

- ✓ *Tiết giảm 20% đối với dầu FO và 15% đối với một số vật liệu phụ.*
- ✓ *Tiết giảm 20% đối với chi phí sửa chữa lớn.*
- ✓ *Tiết giảm 10% đối với các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác.*

c) Chi phí bổ sung mua vật tư chiến lược dự phòng

Công ty bổ sung thêm chi phí mua bổ sung vật tư dự phòng chiến lược (nằm trong danh mục vật tư dự phòng tối ưu), Công ty không ghi nhận chi phí này vào năm 2024, chỉ ghi nhận theo thực tế sử dụng.

**2. Về doanh thu năm 2025 là 10.949.590 triệu đồng.**

Trong đó:

- Doanh thu sản xuất điện: 10.932.261 triệu đồng.
- Doanh thu bán tro xỉ, thạch cao 12.736 triệu đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính: 500 triệu đồng.
- Doanh thu sản xuất khác: 4.093 triệu đồng.

**a) Doanh thu sản xuất điện được tính trên cơ sở sau:**

i) *Doanh thu từ hợp đồng*

Công ty cố gắng phát đảm bảo sản lượng điện hợp đồng Qc và được nhân với giá điện hợp đồng năm 2025 (1.794,07 đồng/kWh), sản lượng Qc là 3.654,91 triệu kWh (dựa theo Qcmin BCT giao và có xét đến Qc thực tế các tháng 1, 2, 3), doanh thu này ước đạt 6.557.164 triệu đồng.

ii) *Doanh thu từ thị trường điện*

Tính bằng sản lượng điện giao nhận theo kế hoạch trừ đi sản lượng điện Qc và nhân với giá thị trường điện toàn phần (giá thị trường toàn phần năm 2025 là 1.596 đ/kWh) doanh thu này ước đạt 4.261.603 triệu đồng.

iii) *Thuế phí được thanh toán qua giá điện*

Phần này ước tính đạt 113.493,69 triệu đồng. Doanh thu này cũng đã được cân bằng trong chi phí sản xuất tại mục thuế tài nguyên và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

(Chi tiết tính toán doanh thu theo Biểu số 4.1- tính doanh thu sản xuất điện)

\* **Nhận xét:** Với doanh thu, chi phí năm 2025 như trên lợi nhuận trước thuế đạt 278.853 triệu đồng.

**VI. Kế hoạch đào tạo**

Mục tiêu là tập trung triển khai các nội dung đào tạo phù hợp với ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty phát điện 2.

Ước tính chi phí khoảng: 5.845 triệu đồng (Chi tiết tại Biểu số 8).

**VII. Các nội dung khác**

**1. Kế hoạch vật tư**

a) *Kế hoạch vật tư cho sửa chữa thường xuyên + Dụng cụ các đơn vị*

Vật tư sử dụng thường xuyên gồm những mặt hàng thường dùng cho công tác sửa chữa thường xuyên của Công ty năm 2025, phần lớn có thể mua được trong nước.

Công ty đã tiến hành triển khai rà soát lên khối lượng vật tư và lập dự toán chi phí cho phần sửa chữa thường xuyên Công ty ước tính khoảng 137.520 triệu đồng sau tiết giảm.

*b) Kế hoạch dầu, mỡ, nhớt bôi trơn, hóa chất, bi nghiền*

Gồm các loại dầu, mỡ, nhớt bôi trơn, bi nghiền than, bi nghiền đá vôi, nước công nghiệp... cần thiết bổ sung cho công tác vận hành, ước tính giá trị đã tiết giảm khoảng 72.702 triệu đồng (chi tiết theo biểu số 5b.2). Công ty xây dựng trên cơ sở sản lượng, suất tiêu hao và cập nhật đơn giá vật tư mới nhất đã được Công ty ký kết hợp đồng.

**2. Kế hoạch trang bị an toàn vệ sinh lao động, phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn**

Kế hoạch trang bị an toàn vệ sinh lao động năm 2025 được Công ty lập theo Luật ATVSLĐ số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015, ước tính chi phí này trước tiết giảm là 33.313 triệu đồng (Chi tiết tại Biểu số 5b.4).

**3. Kế hoạch bảo hộ lao động**

Nhằm trang bị tốt cho người lao động khi tham gia vận hành tổ máy một cách an toàn, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo hộ lao động, ước tính chi phí này cho năm 2025 là 4.775,56 triệu đồng (Chi tiết tại Biểu số 5b.6).

**4. Kế hoạch mua sắm, đầu tư TSCĐ năm 2024**

Công ty dự kiến kế hoạch mua sắm, đầu tư tài sản cố định và đưa vào chi phí khấu hao hàng năm. Hiện tại có một số mục Công ty đã lập được khái toán, dự toán. Những mục chưa có dự toán, Công ty sẽ tiến hành lập và báo cáo cấp thẩm quyền theo qui định trước khi triển khai.

**5. Kế hoạch an ninh quốc phòng**

Tiếp tục phát huy những công việc đã đạt được trong năm 2024, nhận thức rõ được trách nhiệm của Công ty đối với An ninh quốc phòng. Năm 2025, Công ty tiếp tục có kế hoạch tăng cường các hoạt động huấn luyện, diễn tập, đóng góp quỹ an ninh quốc phòng... phối hợp với các đơn vị công an địa phương nhằm giữ gìn an ninh, trật tự khu vực hai Nhà máy.

Ước tính chi phí khoảng 2.402 triệu đồng (chi tiết tại Biểu số 5b.5).

**6. Kế hoạch nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, hợp lý hoá sản xuất**

Trong suốt quá trình vận hành, đến nay các thiết bị nhà máy đã xuất hiện một số hiện tượng không phù hợp, làm tăng chi phí vận hành. Đến nay Công ty đã tập hợp được nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đã và đang ứng dụng tốt cho nhà máy trong quá trình vận hành. Để khuyến khích động viên tinh thần làm việc, hăng say nghiên cứu sáng tạo của CBCNV, do quỹ KHCN vẫn còn, do đó không phát sinh thêm chi phí năm 2025 (Chi tiết tại biểu số 5b.3).

## **CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO**



## KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG NĂM 2025

Tháng	TỔ MÁY S3						TỔ MÁY S4						TỔNG S3+S4			
	Công suất đầu cực	Công suất giao nhận	Giờ KD	Giờ làm lưới dự kiến	SL điện phát tại đầu cực	SL điện tại điểm giao nhận	Công suất đầu cực	Công suất giao nhận	Giờ KD	Giờ làm lưới dự kiến	SL điện phát tại đầu cực	SL điện tại điểm giao nhận	Giờ KD	Giờ làm lưới dự kiến	SL điện phát tại đầu cực	SL điện tại điểm giao nhận
	MW	MW	Giờ	Giờ	KWh	KWh	MW	MW	Giờ	Giờ	KWh	KWh	Giờ	Giờ	KWh	KWh
1	234	212	744	744	173.661.538	157.157.524	234	212	744	744	173.661.538	157.157.524	1.488	1.488	347.953.077	314.315.047
2	225	204	456	456	102.702.917	92.771.545	225	204	456	456	102.702.917	92.771.545	912	912	305.425.933	185.543.069
3	230	208	744	744	170.750.000	154.238.475	230	208	744	744	170.750.000	154.238.475	1.488	1.488	341.500.000	308.476.950
Quý 1				0	447.434.455	404.167.543				0	447.434.455	404.167.543			894.868.910	808.335.067
4	230	208	720	720	165.240.000	149.261.292	230	208	720	720	165.240.000	149.261.292	1.440	1.440	330.480.000	296.022.584
5	230	208	744	744	170.750.000	154.238.475	230	208	744	744	170.750.000	154.238.475	1.488	1.488	341.500.000	308.476.950
6	229	208	720	720	164.995.000	149.039.984	229	208	720	720	164.995.000	149.039.984	1.440	1.440	329.990.000	296.079.967
Quý 2				0	500.985.000	452.539.751				0	500.985.000	452.539.751			1.001.970.000	905.079.501
7	202	184	744	744	150.805.000	136.041.497	202	184	744	744	150.805.000	136.041.497	1.488	1.488	301.210.000	272.082.993
8	201	182	744	744	149.821.500	135.153.101	201	182	848	848	130.315.920	117.713.951	1.392	1.392	279.037.000	252.867.062
9	211	191	144	144	30.338.667	27.454.919	211	191	576	576	121.354.687	109.619.670	720	720	151.693.333	137.024.568
Quý 3				0	330.565.167	298.599.515				0	402.275.167	363.376.158			732.840.333	681.974.673
10	#Q3/V01	#Q3/V01	0	0	0	0	209	190	744	744	159.680.000	140.625.744	744	744	155.680.000	140.625.744
11	203	236	600	600	155.925.000	140.847.053	260	236	720	720	197.110.000	169.016.483	1.320	1.320	343.035.000	309.803.516
12	214	194	744	744	153.902.553	143.536.465	214	194	744	744	159.902.353	143.536.495	1.488	1.488	317.804.706	287.072.991
Quý 4			1.344	1.344	314.827.353	294.383.548			2.208	2.208	501.632.333	453.178.702			816.519.706	737.562.250
Cả năm			7.104	7.104	1.993.811.975	1.439.690.357			8.304	8.304	1.832.366.975	1.673.261.154	15.408	15.408	3.846.196.949	3.112.951.515

Người lập



Nguyễn Minh Thắng

Phòng Kỹ Thuật



Nguyễn Chí Thành

BẢNG 1.1

QT-03-03/MB-02

LỊCH VẬN HÀNH SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG CÁC TỔ MÁY NĂM 2025

Tổ máy	Tháng											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số 1	-40-											
Số 2	-40-										25	5
Số 3		-40									-40	
Số 4		-40							24	31	5	
								4	6			

Nhà máy	Tổ máy	Công việc	Phê duyệt tại CV 1161		
			Bắt đầu	Kết thúc	Số ngày
HẢI PHÒNG 1	S1	Tiểu tu	17-1	26-1	10
	S1	Trung tu	6-11	5-12	10
	S2	Tiểu tu	3-1	12-1	10
	S2	Tiểu tu	6-12	15-12	10
	S3	Tiểu tu	7-2	16-2	10
HẢI PHÒNG 2	S3	Đại tu	7-9	5-11	60
	S4	Tiểu tu	19-2	28-2	10
	S4	Tiểu tu	28-8	6-9	10
	S4	Tiểu tu			

Số ngày, giờ vận hành các tổ máy các tháng

Tổ máy	Ngày, giờ	THANG											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Ngày		31	29	31	30	31	30	31	31	30	31	30	31
S1	Ngày ngừng SC	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	5
Số 1	Ngày lv	21	29	31	30	31	30	31	31	30	31	5	26
	Giờ KD	504	696	744	720	744	720	744	744	720	744	120	624
S2	Ngày ngừng SC	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	0
Số 2	Ngày lv	21	29	31	30	31	30	31	31	30	31	20	31
	Giờ KD	504	696	744	720	744	720	744	744	720	744	480	744

S3	Ngày ngừng SC	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Số 3	Ngày lv	31	19	31	30	31	30	31	30	31	30	31	30	31	6	0	25
	Giờ KD	744	456	744	720	744	720	744	720	744	720	744	720	744	144	0	600
S4	Ngày ngừng SC	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0	0
Số 4	Ngày lv	31	19	31	30	31	30	31	30	31	30	31	27	24	31	30	31
	Giờ KD	744	456	744	720	744	720	744	720	744	720	648	576	744	720	744	744

Người lập biểu



Nguyễn Minh Thắng

Phòng Kỹ thuật



Nguyễn Chí Thành

BẢNG 1.2

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH CÁC TỔ MÁY NĂM 2025

Thiết bị	Đơn vị tính	Các tháng trong năm																
		1	2	3	Quý 1	4	5	6	Quý 2	7	8	9	Quý 3	10	11	12	Quý 4	Cả năm
Tổ máy số 1	Ngày	21	29	31	81	30	31	30	91	31	31	30	92	1	30	31	62	326
	Giờ	504	696	744	1.944	720	744	720	2.184	744	744	720	2.208	24	720	744	1.488	7.824
Tổ máy số 2	Ngày	21	29	31	81	30	31	30	91	31	31	30	92	31	20	31	82	346
	Giờ	504	696	744	1.944	720	744	720	2.184	744	744	720	2.208	744	480	744	1.968	8.304
Tổ máy số 3	Ngày	31	19	31	81	30	31	30	91	31	0	1	32	31	30	31	92	296
	Giờ	744	456	744	1.944	720	744	720	2.184	744	0	24	768	744	720	744	2.208	7.104
Tổ máy số 4	Ngày	31	19	31	81	30	31	30	91	31	31	30	92	31	20	31	82	346
	Giờ	744	456	744	1.944	720	744	720	2.184	744	744	720	2.208	744	480	744	1.968	8.304

Dự kiến số lần khởi động tổ máy số 1, 2, 3, 4 trong năm 2025

Tổ máy số 1	Đơn vị tính	Trạng thái khởi động		
		Lạnh	Ấm	Rất nóng
Quý 1	Lần	1		
Quý 2	Lần			
Quý 3	Lần			
Quý 4	Lần	1		
Tổng cộng		2	0	0

Tổ máy số 2	Đơn vị tính	Trạng thái khởi động		
		Lạnh	Ấm	Rất nóng
Quý 1	Lần	1		
Quý 2	Lần			
Quý 3	Lần			
Quý 4	Lần	1		
Tổng cộng		2	0	0

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH CÁC TÔ MÁY NĂM 2025

Tổ máy số 3	Đơn vị tính	Trạng thái khởi động			
		Lạnh	Ấm	Nóng	Rất nóng
Quý 1	Lần	1			
Quý 2	Lần				
Quý 3	Lần				
Quý 4	Lần	1			
Tổng cộng		2	0	0	0

Người lập biểu



Nguyễn Minh Thắng

Tổ máy số 4	Đơn vị tính	Trạng thái khởi động			
		Lạnh	Ấm	Nóng	Rất nóng
Quý 1	Lần	1			
Quý 2	Lần				
Quý 3	Lần				
Quý 4	Lần	1			
Tổng cộng		2	0	0	0

Phòng Kỹ thuật



Nguyễn Chí Thành

BẢNG 2

## CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT NĂM 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch dự kiến năm 2025				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
1	Điện sản xuất	kWh	1.785.600.000	2.003.940.000	1.636.680.000	1.575.980.000	7.002.200.000
	- Tổ máy số 1	kWh	445.365.545	500.985.000	451.919.833	320.137.941	1.718.408.319
	- Tổ máy số 2	kWh	445.365.545	500.985.000	451.919.833	439.322.353	1.837.592.731
	- Tổ máy số 3	kWh	447.434.455	500.985.000	330.565.167	314.827.353	1.593.811.975
	- Tổ máy số 4	kWh	447.434.455	500.985.000	402.275.167	501.692.353	1.852.386.975
2	SL điện tại điểm giao nhận	kWh	1.612.932.480	1.810.159.002	1.478.413.044	1.423.582.734	6.325.087.260
	- Tổ máy số 1	kWh	402.298.697	452.539.751	408.219.185	289.180.602	1.552.238.235
	- Tổ máy số 2	kWh	402.298.697	452.539.751	408.219.185	396.839.881	1.659.897.514
	- Tổ máy số 3	kWh	404.167.543	452.539.751	298.599.515	284.383.548	1.439.680.357
	- Tổ máy số 4	kWh	404.167.543	452.539.751	363.375.158	451.178.702	1.673.261.154
3	Tỷ lệ điện tự dùng (bao gồm cả tổn thất MBA)						
	- Tổ máy số 1, 2, 3, 4	%	9,6700	9,6700	9,6700	9,6700	9,6700
4	Hệ số khả dụng	%			87,540		
5	Tỷ lệ dừng máy do sự cố	%			2,190		
6	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	%			10,270		
7	Suất hao nhiệt tính	kJ/kWh					10.918
8	Suất tiêu hao nhiệt thô	kJ/kWh					9.862
9	Số giờ vận hành của tổ máy						
	- Tổ máy số 1	Giờ	1.944	2.184	2.208	1.488	7.824
	- Tổ máy số 2	Giờ	1.944	2.184	2.208	1.968	8.304
	- Tổ máy số 3	Giờ	1.944	2.184	768	2.208	7.104
	- Tổ máy số 4	Giờ	1.944	2.184	2.208	1.968	8.304
10	Suất tiêu hao nhiên liệu						
	- Dầu FO (đốt kèm+khởi động) giao nhận	g/kWh	2.240	2.240	2.240	2.240	2.240
	- Suất tiêu hao than tính	g/kWh	494,13	494,13	494,13	494,13	494,13
	- Suất tiêu hao than thô	g/kWh	446,35	446,35	446,35	446,35	446,35
11	Khối lượng than tiêu chuẩn	tấn	882.317	990.205	808.731	778.737	3.459.989
12	Tổng khối lượng than dầu cặn	tấn	796.997	894.452	730.527	703.433	3.125.408
	- Tổ máy số 1	tấn	198.787	223.613	201.713	142.892	767.006
	- Tổ máy số 2	tấn	198.787	223.613	201.713	196.090	820.203
	- Tổ máy số 3	tấn	199.711	223.613	147.547	140.522	711.393
	- Tổ máy số 4	tấn	199.711	223.613	179.554	223.929	826.807
13	Tổng khối lượng dầu FO	tấn	3.613	4.055	3.312	3.189	14.168
14	Khối lượng dầu DO	tấn	6	6	6	6	24
	- Dầu DO cho lò hơi phụ + DC diesel	tấn	2	2	2	2	8
	- MF diesel tổ máy số 1 (140l/h)	tấn	1	1	1	1	4
	- MF diesel tổ máy số 2 (140l/h)	tấn	1	1	1	1	4
	- MF diesel tổ máy số 3 (140l/h)	tấn	1	1	1	1	4
	- MF diesel tổ máy số 4 (140l/h)	tấn	1	1	1	1	4
15	Suất sự cố (lần/quý/năm)/tổ máy		0,625	0,625	0,625	0,625	2,50
16	Suất tiêu hao bị nghiền than	g/tấn than TN	360	360	360	360	360
	Khối lượng bị máy nghiền	tấn	287	322	263	253	1.125
17	Suất tiêu hao đá vôi tính	g/kWh	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0
	Khối lượng đá vôi tiêu thụ	tấn	9.678	10.861	8.870	8.541	37.951
18	Suất tiêu hao bị nghiền đá vôi tính	g/kWh	0,00383	0,00383	0,00383	0,00383	0,00383
	Khối lượng bị máy nghiền	tấn	6,2	6,9	5,7	5,5	24,2
19	Khối lượng nước kỹ thuật định mức	m <sup>3</sup> /h	480	480	480	480	480
	Khối lượng nước kỹ thuật sử dụng	m <sup>3</sup>	2.096.640	2.096.640	2.119.680	2.119.680	8.432.640

Người lập biểu

Phòng Kỹ thuật

  
 Nguyễn Minh Thắng

  
 Nguyễn Chi Thành

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG 1&2**

Stt	Đặc tính vận hành	Hải Phòng 1	Hải Phòng 2
1	Số tổ máy phát điện	2	2
2	Công suất phát định mức MW	300	300
3	Công suất phát tổ máy định mức MVA	354,5	354,5
4	Công suất tác dụng tải tự dùng MW	58,02	58,02
5	Công suất phản kháng tải tự dùng MVar	18	18
6	Điện áp đầu cực kV	21	21
7	Dải công suất tác dụng MW-MW	24+300	24+300
8	Công suất phản kháng phát tại mức công suất tác dụng định mức MVar	150	150
9	Công suất phản kháng nhận phát tại mức công suất tác dụng định mức MVar	-90	-90
10	Hệ số ngắn mạch	0,6	0,6
11	Dòng Stator định mức	9.746	9.746
12	Dòng rotor định mức tại dòng đầu ra định mức (Công suất tác dụng định mức, Hệ số mang tải định mức, điện áp đầu cực định mức, Tốc độ roto định mức)	2.431	2.431
13	Điện áp ro to định mức (kV)	0,41	0,41
14	Dải vận hành của tổ máy phát bao gồm giới hạn nhiệt và kích từ	230+300	230+300
15	Đồ thị từ hóa hờ mạch	Đính kèm CV	Đính kèm CV
16	Đồ thị thành phần công suất không tải		
17	Đồ thị điện áp	Đính kèm CV	Đính kèm CV
18	Thời gian vận hành tối thiểu	240 giờ	240 giờ
19	Thời gian dừng tối thiểu	0 giờ	0 giờ
20	Tốc độ tăng, giảm tải, thời gian khởi động	Phụ lục 2	Phụ lục 2
21	Loại nhiên liệu khởi động	Than, dầu FO	Than, dầu FO
22	Khả năng thay đổi nhiên liệu khi có tải		
23	Các chế độ sẵn sàng		
24	Thời gian thay đổi chế độ tải		
25	Dải điều khiển cho hệ thống điều chỉnh tần số thứ cấp (SFRS) vận hành (MW)		
22	Suất tiêu hao nhiên liệu	Phụ lục 3	Phụ lục 3

Người lập biểu



Nguyễn Minh Thắng

Phòng Kỹ thuật



Nguyễn Chí Thành

KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2025

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Dự toán (chưa gồm VAT)		Ghi chú
		Giá trị dự toán	Giá trị dự kiến thực hiện	
A	Công trình chuyển tiếp năm 2024 sang năm 2025		90.388,38	Bao gồm cả phần thiết bị và xây dựng
I	Phần đã ký hợp đồng (VTTB)		51.852,74	Một số hạng mục thời gian hoàn thành (hoàn thành chạy thử 72h) sang năm 2025 nên ghi nhận vào 2025 theo hướng dẫn của EVN về việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn hoàn thành.
II	Phần chưa ký hợp đồng (Xây dựng)		38.535,63	
1	Tường rào nhà máy Hải Phòng 1	5.903,355		
2	Tường rào nhà máy Hải Phòng 2	4.450,823		
3	Đài tu nhà Tuabin HP1	10.047,00		TTR 8334 ngày 14/11/2024
4	Đài tu kho than kín - kho than bờ HP1	3.736,47		
5	Đài tu hàng rào nhà ở khu QLVH&SC	2.162,02		
6	Nạo vét vùng nước trước bến nhập than		29.201,685	Ghi nhận HD9684: Thi công; HD6052: Giám sát
7	Nạo vét khu vực trạm bơm tuần hoàn		9.333,950	
B	Công trình kế hoạch năm 2025		575.991,09	Không bao gồm dự phòng
I	Công trình thiết bị + Nhân công		568.991,09	
1	Phần công nghệ + Nhân công		568.991,09	

STT	Danh mục công trình	Dự toán (chưa gồm VAT)		Ghi chú
		Giá trị dự toán	Giá trị dự kiến thực hiện	
<b>II</b>	<b>Công trình xây dựng</b>		<b>7.000,00</b>	
1	Trung tu nhà điều khiển nhiên liệu HP2			Chuyển 2026
2	Đại tu phòng làm việc PXSCCN, PX ĐTD			Chuyển 2026
3	Đại tu cầu tàu		7.000,00	Chuyển từ SCTX sang
	<b>Tổng cộng (A + B)</b>		<b>666.379,47</b>	

Người lập biểu



Phùng Mạnh Vinh

Phòng KHVT



Trần Thanh Huy

## BÁO CÁO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2025

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024 (sau kiểm toán)	Kế hoạch năm 2025 chưa tất giảm	Kế hoạch năm 2025 sau tất giảm một số hạng mục
1	Sản lượng điện sản xuất	kWh	7.740.340,000	6.754.503,075	7.002.290.000,00	7.002.290.000,00
2	Tư dùng, tổn thất	kWh	719.851,620	632.333,570	677.112.740,00	677.112.740,00
3	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	7.020.488,380	6.122.169,505	6.325.087.260,00	6.325.087.260,00
4	Giá bán điện		0			-
	- Giá Pz	đ/kWh	1.799,41	1.819	1.794,07	1.794,07
	- Giá bán điện bình quân	đ/kWh	1.740,01	1.800	1.728,40	1.728,40
5	Doanh thu		12.274,913	11.876,764	10.945.496,99	10.945.496,99
	- Doanh thu hoạt động SXKD điện	Triệu đồng	12.257,852	11.822.186	10.932.260,99	10.932.260,99
	- Doanh thu HĐTC (bãi sản phẩm)	Triệu đồng	3.000	493	600,00	600,00
	- Doanh thu bán phế liệu (bơ xỉ, khác...)	Triệu đồng	14,061	14,089	12.736,00	12.736,00
6	Chi phí	Triệu đồng	11.881,454	10.747,680	10.896.121,96	10.896.872,90
	Nhiên liệu	Triệu đồng	9.987,669	9.163,667	8.916.168,53	8.774.229,71
	Vật liệu	Triệu đồng	237,883	165,572	233.207,93	212.708,73
	Lương và BH	Triệu đồng	290,956	248,538	264.646,58	264.646,58
	- Tiền lương	Triệu đồng	267,387	223,963	233.153,26	233.153,26
	- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Triệu đồng	23,568	24,575	31.493,31	31.493,31
	Khấu hao TSCĐ	Triệu đồng	552,207	545,795	484.184,77	484.184,77
	Dịch vụ mua ngoài	Triệu đồng	186,755	74,998	91.578,71	85.262,89
	- Chi phí mua điện	Triệu đồng	26,000	32,105	26.000,00	26.000,00
	- Các khoản DVMT khác	Triệu đồng	14,755	42,893	65.578,71	59.262,89
	Chi phí SCL	Triệu đồng	588,143	293,787	898.379,47	549.314,48
	Chi phí bằng tiền	Triệu đồng	271,832	252,375	309.956,00	296.525,77
	- Thuế tài nguyên	Triệu đồng	107,739	113,629	104.077,10	104.077,10
	- Phí dịch vụ môi trường rừng	Triệu đồng	-	-	445,89	445,89
	- Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Triệu đồng	8,971	8,978	14.798,00	14.798,00
	- Thuế đất	Triệu đồng	14,342	16,488	16.557,00	16.557,00
	- Lãi tiền vay	Triệu đồng	8,673	11,544	3.800,00	3.800,00
	- An ninh	Triệu đồng	6,202	7,064	6.132,00	6.132,00
	- Dự phòng TCMV	Triệu đồng	0	-	-	-
	- Chi phí bằng tiền khác	Triệu đồng	125,504	92,716	164.146,02	150.315,78
7	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay hạch toán chi phí SXKD điện)	Triệu đồng	393,459	199,141	79.375,91	278.624,99
8	Các khoản tăng, giảm giá thành điện	Triệu đồng	-	16,853	-	-
	Chênh lệch tỷ giá	Triệu đồng	-	16,853	-	-
	Chênh lệch tỷ giá thực hiện	Triệu đồng	-	16,853	-	-
	Chênh lệch tỷ giá định giá tại cuối năm	Triệu đồng	-	-	-	-
	Chênh lệch tỷ giá phân bổ	Triệu đồng	-	-	-	-
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi	Triệu đồng	-	-	-	-
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	Triệu đồng	-	-	-	-
9	Lợi nhuận SXKD điện (sau tăng, giảm các khoản trên)	Triệu đồng	393,459	172,388	79.375,91	278.624,99
10	Lợi nhuận SXKD điện (không bao gồm chênh lệch tỷ giá)	Triệu đồng	393,459	172,388	79.375,91	278.624,99
11	Giá thành điện bình quân	Triệu đồng	-	-	-	-
12	HD Tài chính (không lãi vay)	Triệu đồng	-	33	-	-
	Doanh Thu	Triệu đồng	-	33	-	-
	Thu LN từ Công ty cổ phần	Triệu đồng	-	33	-	-
	Lãi tiền gửi (ngoài phần đưa mục 5, nếu có)	Triệu đồng	-	-	-	-
	Lãi và phí cho vay lại	Triệu đồng	-	-	-	-
	Khác	Triệu đồng	-	-	-	-
	Chi phí	Triệu đồng	-	-	-	-
	Lợi nhuận	Triệu đồng	-	33	-	-
13	HD Sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)	Triệu đồng	441	435	228,79	228,79
	Doanh thu	Triệu đồng	3.765	4.345	4.002,74	4.002,74
	Chi phí	Triệu đồng	3.324	4.790	3.863,95	3.863,95
	Lợi nhuận	Triệu đồng	441	435	228,79	228,79
14	Tổng cộng lợi nhuận	Triệu đồng	393,899	172,795	79.603,90	278.852,98
15	Tổng cộng lợi nhuận (không bao gồm chênh lệch tỷ giá)	Triệu đồng	393,899	199,548	79.603,90	278.852,98

Phòng TCKT

Người lập biểu

  
 Bùi Thu Trang

Trưởng phòng

  
 Phạm Quốc Toàn

CB theo dõi

  
 Phùng Mạnh Vinh

Phòng KINH

Trưởng phòng

  
 Trần Thanh Hay

# TÍNH DOANH THU SẢN XUẤT ĐIỆN

Tính giá PC theo Nhiệt trị

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
<b>A</b>	<b>Tính giá Pc năm 2024</b>		
1	Giá cố định (FCTT <sub>J</sub> )	đồng/kWh	410,17
2	Giá biến đổi ước tính 2024 (VCTT <sub>J</sub> )	đồng/kWh	1.383,90
a	Giá biến đổi than	đồng/kWh	1.282,81
	Suất tiêu hao nhiệt tính (kcal/kWh)		2.469,40
	Giá than/ triệu trị (đồng/kcal)		0,52
b	Giá biến đổi dầu	đồng/kWh	38,83
	Giá nhiên liệu dầu năm cơ sở		17.190.000,00
	Giá nhiên liệu dầu năm 2024		14.782.155,00
c	Giá biến đổi đặc thù		
	Giá đặc thù năm cơ sở		
	Giá đặc thù của năm 2024		
d	Giá biến đổi chi phí khác	đồng/kWh	51,60
	Tỷ lệ trượt giá chi phí O&M		2,5%
	Số thứ tự năm tính giá điện (k)		12
	<b>Giá Pc 2025 ước tính</b>	<b>đồng/kWh</b>	<b>1.794,07</b>
<b>B</b>	<b>Ước tính giá thị trường toàn phần năm 2025</b>		
	Ước tính giá SMP + CAN năm 2025		1.596,00
<b>C</b>	<b>Sản lượng</b>		
	Sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch	triệu kWh	6.325,09
	Sản lượng hợp đồng năm 2025 (Qc)	triệu kWh	3.654,91
	Chênh lệch sản lượng điện kế hoạch và Qc	triệu kWh	2.670,18
<b>D</b>	<b>Doanh thu</b>		
	Doanh thu theo sản lượng điện hợp đồng và giá hợp đồng	triệu đồng	6.557.164,4
	Doanh thu theo sản lượng phát vượt Qc	triệu đồng	4.261.602,9
	<b>Ước doanh thu sản xuất điện năm 2025</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>10.818.767,3</b>
<b>E</b>	<b>Thuế phí được thanh toán qua giá điện</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>113.493,69</b>
<b>F</b>	<b>Điều chỉnh giảm doanh thu theo Nhiệt trị thực nhận</b>	<b>triệu đồng</b>	
	<b>Tổng doanh thu ước tính</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>10.932.260,99</b>

Phòng TCKT

Người lập biểu



Bùi Thu Trang

Trưởng phòng CB theo dõi



Phạm Quốc Toàn Phụng Mạnh Vinh

Phòng KHVT

Trưởng phòng



Trần Thanh Huy

DOANH THU BÁN TRO XỈ, THẠCH CAO

Stt	Chi tiêu	ĐVT	Ước Năm 2024	Giá trị 2025
1	Sản lượng điện phát	triệu kWh	6.122,2	6.325
2	Khối lượng than tiêu thụ	Tấn	3.513.448	3.137.910
3	Khối lượng tro bay	Tấn	470.219	485.804
	Khối lượng xỉ	Tấn	55.320	57.154
4	Đơn giá tro bay	đồng/ tấn	23.000	25.000
	Đơn giá xỉ	đồng/ tấn	19.500	19.500
5	Khối lượng thạch cao	Tấn	25.000	25.000
	Đơn giá thạch cao	đồng/ tấn	30.000	30.000
7	Doanh thu tro xỉ, thạch cao	đồng	14.946.987.602	14.009.605.200
	Doanh thu chưa bao gồm thuế	đồng	14.088.904.015	12.736.004.727
	Thuế VAT đầu ra	đồng	858.083.587	1.273.600.473

Người lập biểu



Bùi Thu Trang

Trưởng phòng TCKT



Phạm Quốc Toàn

## KẾ HOẠCH THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

STT	Nội dung	11 tháng 2024	1 tháng còn lại 2024	Ước Thực hiện 2024 (VNĐ)	Ước KH năm 2025 (VNĐ)
I.	<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.186.254.112</b>	<b>380.568.556</b>	<b>4.566.822.668</b>	<b>4.092.742.869</b>
	- Cho thuê nhà ở CBCNV, điện nước	3.446.173.556	313.288.505	3.759.462.061	3.692.742.869
	- Cho thuê nhà điện nước NPS,	217.383.337	19.762.122	237.145.459	200.000.000
	- Tiền điện, nước, trường mầm non và khác	44.253.358	4.023.033	48.276.401	50.000.000
	- Các khoản khác	478.443.851	43.494.896	521.938.747	150.000.000
	- Thanh lý TS				
	- Điều chỉnh theo KTN				
II.	<b>Chi phí khác</b>	<b>3.991.308.170</b>	<b>282.070.804</b>	<b>4.273.378.974</b>	<b>3.863.951.612</b>
	- Khấu hao nhà trong khu QL.VH	883.622.311	80.329.301	963.951.612	963.951.612
	- Tiền điện, nước	2.219.156.531	201.741.503	2.420.898.034	2.300.000.000
	- Các khoản chi phí khác	888.529.328	0	888.529.328	600.000.000
	- Chi phí thanh lý				
III.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>194.945.942</b>	<b>98.497.752</b>	<b>293.443.694</b>	<b>228.791.257</b>

Người lập biểu



Bùi Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Quốc Toàn

KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ  
VÀ KẾ HOẠCH CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NĂM 2024-2025

Đơn vị tính: triệu đồng

Diễn giải	Kế hoạch năm 2024	KH năm 2024 sau tiết kiệm một số hạng mục	Thực hiện năm 2024	KH năm 2025	KH năm 2025 sau tiết kiệm một số hạng mục
<b>I. CHI PHÍ SẢN XUẤT ĐIỆN</b>					
1. Nhiên liệu	9.909.473	9.867.669	9.165.667	8.816.169	8.774.230
2. Vật liệu	260.673	237.893	165.532	233.208	212.709
3. Lương và BHXH	290.955	290.955	249.530	264.647	264.647
- Lương CNV	267.397	267.397	223.903	233.153	233.153
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, BHTT	23.558	23.558	25.627	31.493	31.493
4. Khấu hao TSCĐ	552.207	552.207	545.795	484.185	484.185
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	108.697	100.755	74.998	91.579	85.263
- Điện mua của EVN cho tự dùng	26.000	26.000	32.105	26.000	26.000
- Điện nước	-	-	-	-	-
- Bảo hiểm tài sản	3.276	3.276	3.216	3.590	3.473
- CP dịch vụ mua ngoài khác	79.421	71.479	39.677	61.988	55.789
6. Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	685.981	560.143	293.707	666.379	549.314
- SCL thuê ngoài	541.422	444.496	231.390	657.869	542.506
- SCL tự làm	144.560	115.648	62.327	8.511	6.808
7. Chi phí khác bằng tiền	276.516	263.158	240.831	306.156	292.726
- Thuê tài nguyên	116.710	116.710	124.590	119.321	119.321
- Thuê đất	14.342	14.342	16.401	16.557	16.557
- Tiền ăn giữa ca	6.202	6.202	7.064	6.132	6.132
- Chi phí dự phòng	-	-	-	-	-
- Chi phí bằng tiền khác	139.262	125.904	92.776	164.146	150.716
8. Chi phí lãi vay vốn	8.673	8.673	11.544	3.800	3.800
<b>Cộng CP SX điện</b>	<b>12.093.175</b>	<b>11.881.454</b>	<b>10.747.603</b>	<b>10.866.122,0</b>	<b>10.666.873</b>
<b>II - CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
- Lãi vay vốn (đã ở mục 8)	-	-	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá phân bổ	-	-	-	-	-
- Chi phí hoạt động khác	-	-	-	-	-
<b>Cộng CP hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.093.175</b>	<b>11.881.454</b>	<b>10.747.603</b>	<b>10.866.122</b>	<b>10.666.873</b>

Người lập biểu

TP. Tài chính - Kế toán

P. Kế hoạch - Vật tư

Phùng Mạnh Vinh

Phạm Quốc Toàn

Trần Thanh Huy

KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DIỆN THEO KHOẢN MỤC NĂM 2024-2025  
Đơn vị tính: triệu đồng

6.122.169,503

Sr	Diễn giải	Kế hoạch năm 2024 (sau tiết giảm một số hạng mục)	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 chưa tiết giảm	Kế hoạch năm 2025 (sau tiết giảm một số hạng mục)	Chi chú
	1	3	4	5		
I	CHI PHÍ SẢN XUẤT ĐIỆN					
1	Nhiên liệu	9.867.669	9.165.667	8.816.169	8.774.230	
	Than	9.630.310	9.014.942	8.606.126	8.606.126	
	Dầu DO	473	-	348	348	Bảng 5b.1 NL(Chi phí đầu FO tiết kiệm 20%)
	Dầu FO	230.807	150.725	209.694	167.755	
	Khi đốt	-	-	-	-	
	Khác	-	-	-	-	
2	Vật liệu phụ	86.290	66.033	77.845	72.702	
	Dầu tua tìn	1.000	-	-	-	
	Dầu máy biến thế	-	-	-	-	
	Dầu mỡ bôi trơn	10.267	9.756	10.482	8.910	Bảng 5b.2-VLP (Công ty tiết kiệm 15% các mục: Dầu mỡ bôi trơn, Hóa chất tẩy rửa)
	Hóa chất dùng trong SX	13.758	11.196	11.807	10.038	
	Nước công nghiệp	7.889	8.026	7.889	7.889	
	Bi nghiền than, bi nghiền đá vôi	44.068	32.663	37.103	37.103	
	Sa vôi	9.656	4.392	10.664	9.064	
3	Chi phí nhân công	290.955	349.539	264.647	264.647	
	Tiền lương SXĐ	263.348	219.365	229.241	229.241	Bảng 12. F23 + Bảng 13. K24
	Tiền lương SX khác (vô sĩ)	4.049	4.037	3.911.86	3.912	Bảng 12. F30
	BHXH, BHYT, KPCĐ, BHYT, BHTN	23.558	25.637	31.483	31.483	Bảng 12. F28 + F29
4	Điện mua (không đồng và tự dùng)	26.090	32.105	26.090	26.090	Ước
5	Chi phí giải quyết sự cố	-	-	-	-	
6	Chi phí sản xuất chung	1.541.817	1.158.920	1.405.063	1.456.875	
6.1	CP nhân viên phân xưởng	-	-	-	-	
	- Lương nhân viên	-	-	-	-	Đã bao gồm trong mục 3 ở trên
	- BHXH, BHYT, KPCĐ	-	-	-	-	
6.2	Vật liệu phân xưởng	-	-	-	-	
6.3	Công cụ, dụng cụ SX	16.209	7.767	7.800	7.020	
6.4	CP khấu hao TSCĐ	947.803	541.251	480.026,28	480.026,25	Bảng 6. Khấu hao-C20
6.5	Thuế tài nguyên (nước), phí cấp quyền, dịch vụ môi trường rừng	116.710	124.390	119.320,987	119.320,986	Bảng 14 Nộp ngân sách
6.6	Chi phí sửa chữa TSCĐ	751.747	426.215	699.170	769.987	

## KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN THEO KHOẢN MỤC NĂM 2024-2025

6.122.169.505

Đơn vị tính: triệu đồng

Số	Diễn giải	Kế hoạch năm 2024 (sau tiết giảm một số hạng mục)	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 chưa tiết giảm	Kế hoạch năm 2025 (sau tiết giảm một số hạng mục)	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6
	- Sửa chữa lớn	560.143	293.797	666.379	545.314	Bảng 3. SCL
	+ Thuê ngoài (vật tư, thiết bị...)	346.455	169.122	404.192	323.353	Bảng 3. SCL tiết giảm 20%
	+ Thuê ngoài (nhân công)	115.648	62.327	163.289	130.631	Bảng 3. SCL tiết giảm 20%
	+ Tự làm (nhân công, vật tư, thiết bị)	7.778	9.496	8.511	6.808	Bảng 3. SCL tiết giảm 20%
	+ Khối lượng công việc SCL chuyển tiếp từ năm 2024 sang 2025	90.263	52.761	90.388	88.521.585	Bảng 3. SCL (không tiết giảm phần kỳ H0; tiết giảm phần chưa kỳ H0)
	- Sửa chữa thường xuyên	191.604	232.508	232.791	211.672	
	+ Vật liệu (thiết bị, vật tư, chi phí khác...)	132.338	88.707	145.000	130.500	Bảng 15 SCTX (tiết giảm 10%)
	+ Nhân công và thuê nhân công ngoài khác	51.248	35.259	78.803.095	72.264.50	Bảng 15 SCTX (tiết giảm 10%)
	+ CP khác (thuế nhân công lao động phục vụ, phụ trợ 3 năm x 8.908 tỷ/năm = 28.724 tỷ (đã kỳ họp đồng không tiết giảm)	8.017	8.542	8.908	8.908	Chu kỳ thuế nhân công lao động phục vụ, phụ trợ 3 năm x 8.908 tỷ/năm = 28.724 tỷ (đã kỳ họp đồng không tiết giảm)
6.7	CP dịch vụ mua ngoài	66.067.71	35.271	54.600	49.140	
	- Điện nước	-	-	-	-	
	- Điện thoại, bưu phí, Công nghệ thông tin...	2.766	-	2.456	2.213	Bảng 5b.7 D/VN (G10 + G18)/2. Tiết giảm 10%
	- Dịch vụ mua, thuê ngoài khác	62.032	35.271	52.141	46.927	Bảng 5b.7 D/VN (tiết giảm 10%)
	- Chi phí bảo trì khác	270	-	-	-	Bảng 5b.8 BTK
	- Chi phí khác tự thực hiện	-	-	-	-	
6.8	Chi phí trực tiếp khác	44.429	23.825	44.142	40.378	
	- Bảo hộ, an toàn lao động	4.500	2.245	4.776	4.298	Bảng 5b.8 BTK (tiết giảm 10%)
	- KQ thuế, An toàn, VSCN,	24.344	6.621	16.307	16.476.40	Bảng 5b.4 AT (tiết giảm 10%)
	- An ninh, Quáo phòng	2.477	2.202	2.402	2.162	Bảng 5b.5-ANQP (tiết giảm 10%)
	- Hao hụt nhiên liệu	-	-	-	-	
	- Ăn ca	6.202	7.064	6.132	6.132	Tính theo quy định
	- Bảo vệ, phòng cháy, chống bão lụt	6.771	5.694	12.375	11.174.72	Bảng 5b.4 AT (tiết giảm 10%)

## KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN THEO KHOẢN MỤC NĂM 2024-2025

6.122.169.505

Đơn vị tính: triệu đồng

Sst	Diễn giải	Kế hoạch năm 2024 (sau tiết giảm một số hạng mục)	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 chưa tiết giảm	Kế hoạch năm 2025 (sau tiết giảm một số hạng mục)	Ghi chú
	3			4		5
	- CP trực tiếp khác, dụng cụ y tế, phòng dịch	135	-	150	135	Bảng 5b.8 BTK (tiết giảm 10%)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.049	63.803	72.799	68.619	
7.1	Chi phí nhân viên quản lý	-	-	-	-	
	- Tiền lương	-	-	-	-	
	- BHXH, BHYT, KPCĐ	-	-	-	-	Chi tạo gồm trong mục 3
7.2	Vật liệu văn phòng, công tác lưu trữ	3.065	3.024	1.381	1.243	Bảng 5b.8 BTK (tiết giảm 10%)
7.3	Dụng cụ, đồ dùng văn phòng	-	-	1.381	1.243	Bảng 5b.8 BTK (tiết giảm 10%)
7.4	CP Khấu hao tài sản cố định	4.544	4.544	4.156	4.156	Bảng 6 khấu hao (C21)
7.5	Thuế, phí, lệ phí	20.022	22.573	24.427	24.427	
	- Thuế đất	14.342	16.401	16.557	16.557	Bảng 14 - Nộp NS (O16)
	- CP đến từ UBND phường/bổ, Thuế nhà thầu, các thuế, phí, lệ phí khác	5.680	6.172	7.870	7.870	Bảng 5b.9 Phí khác (C09)
7.6	Chi phí dự phòng (trích lập dự phòng)	-	-	-	-	
7.7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.807	7.622	10.979	10.123	
	- Điện mua của EVN cho tự dùng	-	-	-	-	Chi tạo gồm trong mục 4 ở trên
	- Điện nước	-	-	-	-	
	- Điện thoại, bưu phí, công nghệ thông tin	2.766	745	2.458	2.213	Bảng 5b.7 DVNN / 2 (tiết giảm 10%)
	- Bảo hiểm tài sản	3.276	3.216	3.950	3.473,46	Bảng 5b.7 DVNN (không tiết giảm do đã ký hợp đồng)
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.915	3.660	4.830	4.437	Bảng 5b.7 DVNN (tiết giảm 10%)
7.8	Chi phí bán hàng khác	22.461	26.047	30.475	27.428	
	- CP hội nghị, tiếp khách	6.669	9.047	8.670	7.583	Bảng 5b.8 BTK (tiết giảm 10%)
	- CP đào tạo bồi dưỡng	4.245	6.269	5.845	5.261	Bảng 8-DT (tiết giảm 10%)
	- Chi phí Chuẩn bị sản xuất phân bố sau khi có ý kiến thẩm tra của EVN	-	-	-	-	
	- Công tác phí, đi phép	2.700	3.427	3.000	2.700	Bảng 5b.8 BTK (không tiết giảm)
	- CP trả tiền mua C/s (điện năng) phân phối	-	-	-	-	
	- Chi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu khoa học	-	-	-	-	(chi phí NCKH lấy quỹ NCKH)

KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DIỆN THEO KHOẢN MỤC NĂM 2024-2025

6.122.169,505

Đơn vị tính: triệu đồng

Sst	Diễn giải	Kế hoạch năm 2024 (sau tiết giảm một số hàng mục)	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 chưa tiết giảm	Kế hoạch năm 2025 (sau tiết giảm một số hàng mục)	Giải chú
	1	3	4	5		
	- Chi phí bằng tiền khác	7.983	6.292	11.980	10.764	Đáng 5b 8 BTK (tiết giảm 10%)
	- Thực hiện chủ đề và ấn phẩm truyền thông		-			(tiết giảm 10%)
	- Công tác truyền thông	864	986	800	720	Đáng 5b 8 BTK (tiết giảm 10%)
8	CHI PHÍ Lãi vay vốn	8.873	11.544	3.890	3.890	Đáng 5b 10-Lãi vay (124)
	Cộng CP SX điện (Triệu đồng)	11.881.454	16.747.603	10.868.122	10.866.872,90	

Người lập biểu

TP. Tài chính - Kế toán

P. Kế hoạch - Vật tư

Phùng Mạnh Vĩnh

Phạm Quốc Toàn

Trần Thanh Huy

## KẾ HOẠCH CHI PHÍ NHIÊN LIỆU NĂM 2025

0.7

STT	Tên Vật liệu	ĐVT	Kế hoạch					Ghi chú
			Quý 1 (7)	Quý 2 (8)	Quý 3 (9)	Quý 4 (10)	Cộng (11)	
(1)	(2)	(3)						(12)
1	Sản lượng điện sản xuất	tr.kwh	1.785,60	2.003,94	1.636,68	1.575,98	7.002,20	
2	Điện thương phẩm	tr.kwh	1.612,93	1.810,16	1.478,41	1.423,58	6.325,09	
3	Suất tiêu hao tại điểm giao nhận							
	- Than thiên nhiên	g/kwh	446,35	446,35	446,35	446,35		
	- Dầu FO (đốt kèm+khởi động)	g/kwh	2,240	2,240	2,240	2,240		
	+ Tổ máy 1,2,3,4	g/kwh	2,240	2,240	2,240	2,240		
4	Giá nhiên liệu							
	- Than Cám 5a1 (70%) và 6a1 (30%)	đ/gam	2,743	2,743	2,743	2,743		
	- Dầu FO	đ/gam	14,78	14,78	14,78	14,78		
	- Dầu DO	đ/lít	14.501,600	14.501,600	14.501,600	14.501,600		
5	Tổng khối lượng nhiên liệu tiêu thụ							
	- Than Cám 5a1 và 6a1	tấn	800,185	898,030	733,449	706,247	3.137,910	Cộng 0,4% hao hụt
	- Dầu FO	tấn	3.617,4	4.059,7	3.315,7	3.192,7	14.185,6	Cộng 0,123% hao hụt
	- Dầu DO	tấn	6,00	6,0	6,0	6,0	24,0	
6	Tổng chi phí nhiên liệu	tr.đồng	2.248,170	2.523,062	2.060,679	1.984,257	8.816,168,5	
	- Than Cám 5a1 (70%) và 6a1 (30%)	tr.đồng	2.194,610	2.462,963	2.011,579	1.936,975	8.606,126	
	- Dầu FO	tr.đồng	53,473	60,012	49,013	47,196	209,694	
	+ Dầu FO đốt kèm	tr.đồng	33	33	33	33	132	
	+ Dầu FO cho khởi động	tr.đồng	33	33	33	33	132	
	- Dầu DO	tr.đồng	87	87	87	87	348	

Ghi chú: Giá than, giá dầu lấy từ các hợp đồng cung cấp than, dầu của Công ty hoặc tham khảo báo giá mới nhất.

Người lập biểu

Phòng Kế hoạch - Vật tư

Phùng Mạnh Vinh

Trần Thanh Huy

## KẾ HOẠCH CHI PHÍ VẬT LIỆU PHỤ NẠM 2025

Đơn vị: đồng

TT	Số liệu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Ghi chú
I	Sản lượng điện giao nhận với EVN	kWh	6.325.087.260,0	
II	Tổng chi phí VLP	đồng	77.644.961.379,18	
1	Dầu tuabin	tấn		
		Chi phí		
2	Dầu biến thế	tấn		
		Chi phí		
3	Dầu mỡ bôi trơn	tấn		
		Chi phí	10.481.868.900,00	
4	Hóa chất dùng trong sản xuất, thí nghiệm	tấn		
		Chi phí	11.806.713.760,00	
5	Nước công nghiệp	m3	8.432.640,00	
		Chi phí	7.589.376.000,00	
6	Bỉ nghiền (than, đá vôi...)	tấn	1.149,37	
		Chi phí	37.102.905.599	
7	Khác (đá vôi,...)	tấn	37.950,52	
		Chi phí	10.664.097.120	

Người lập biểu



Phùng Mạnh Vĩnh

Phòng KH - VT



Trần Thanh Huy

## KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CẢI TIẾN, HỢP LÝ HÓA SẢN XUẤT NĂM 2025

TT	Tên đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, hợp lý hóa sản xuất	Kinh phí nhân công (tr.đồng)	Chi phí vật tư (tr.đồng)	Tổng chi phí (tr.đồng)	Ghi chú
1	Sáng kiến (thủ lao + thưởng)	2.072	4.963	7.035	
1.1	Thủ lao sáng kiến (2025)	2.072	4.963	7.035	
1	Thiết kế thanh đầm tăng cứng chống cong lười quay bơm tuần hoàn 3A do chênh áp	20	10	30	px.SCCN
2	Đầu nối đường nước phục vụ vào quạt hút chân không	30	70	100	px.Hoà
3	Sản thao tác đầu vào máy nghiền tinh	20	30	50	px.Hoà
4	Đầu nối liên thông đường ống bơm bùn với FGD1 và FGD2	15	15	30	px.Hoà
5	Mái che các bơm và máy khuấy thuộc phần chung và bơm hồ gom FGD1 và FGD2	150	250	400	px.Hoà
6	Thiết kế phân lọc đường nước rửa giàn khử ẩm FGD	15	35	50	- Hệ thống nước phun rửa giàn khử ẩm có tác dụng rất quan trọng trong việc làm sạch bề mặt giàn khử ẩm để đảm bảo việc tách ẩm ra khỏi khói và ngăn chặn cao ra đường khói; - Các béc phun có vai trò quan trọng trong việc làm sạch bề mặt giàn khử ẩm. Tác các béc phun sẽ làm mất tác dụng của rửa giàn khử ẩm.
7	Lắp thêm xả khí đường nước tuần hoàn cấp vào bình ngưng khối 3, 4	10	20	30	- Hệ thống nước tuần hoàn vận hành vào mức thủy triều thấp trong nước chứa nhiều khí làm mất áp lực nước
8	Nâng cấp HT điều khiển giám sát HT bơm khí si lô	250	1.500	1.750	Áp dụng cho 1 tổ máy
9	Thiết lập mạch giám sát tình trạng cách điện máy phát điện và mạch giám sát rò khí H2 khu vực máy phát điện trên hệ thống DCS	10	59	69	Áp dụng cho 1 tổ máy
10	Thiết lập mạch giám sát thông số máy nén khí trên HT DCS và di chuyển tủ điều khiển máy nén khí	50	100	150	Áp dụng cho 1 máy nén khí
11	Di chuyển các bộ vận chuyển gió hệ thống điều hòa Trung tâm Hải phòng 1, ( phòng điện PC turbine khối 1, khối 2, phòng điện 16AB, 26AB (04 bộ)), tạo thuận lợi, rút ngắn thời gian, nhân lực thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa và công tác an toàn cho đội công tác bảo dưỡng, sửa chữa				Hiện tại các bộ vận chuyển gió phòng 16AB; 26AB; PC 0,4 kV turbine khối 1, khối 2 thiết kế treo trên độ cao hơn 6 mét vị trí áp sát trần, không gian chật hẹp rất khó khăn cho công tác vệ sinh bảo dưỡng, sửa chữa và nguy cơ mất an toàn khi làm việc trên cao.
12	Di chuyển phần điều khiển của các van đầu đẩy quạt nghiên	10	55	65,00	-
13	Di chuyển tủ điều khiển của bộ bốc hơi clo	50	150	200,00	Đây là giải pháp năm 2023, do năm 2024 thực hiện đại tu hệ thống điều hoà trung tâm HP1 và thực hiện di chuyển 04 bộ vận chuyển gió trên. Nên giải pháp này đăng ký sang 2025.
14	Chuyển đổi công nghệ điều khiển và vận hành của bước cảnh động quạt tăng áp FGD tổ máy số 1&2	30	370	400,00	
15	Thiết kế ,di chuyển vị trí tủ điều khiển tới cho các động cơ khu vực Máy Nghiền	55	405	460,00	
16	Thiết kế ,di chuyển vị trí búa ,cảm biến của các cây dỡ tải ,băng tải 1A,B 1X,Y	10	10	20,00	
17	Đưa tín hiệu giám sát dòng điện của động cơ Sàng rung BX.8Y lên DCS	7	-	7,00	
18	Di chuyển các bộ vận chuyển gió hệ thống điều hòa Trung tâm Hải phòng 1, ( phòng điện PC turbine khối 1, khối 2, phòng điện 16AB, 26AB)	80	400	480,00	
19	Thiết lập mạch giám sát tình trạng cách điện máy phát điện và mạch giám sát rò khí H2 khu vực máy phát điện trên HT DCS	80	120	200,00	
20	Chuyển đổi tách riêng nguồn điều khiển cho các tủ của hệ thống với dầu	10	70	80,00	
21	Thay đổi chế độ làm việc của bộ đánh lửa với dầu	15	-	15,00	
22	Khắc phục sự cố trip Tổ máy do lỗi tín hiệu hệ thống kích từ	500	-	500,00	

23	Thiết kế, xây dựng mạch tính toán hiệu suất lò hơi, tuabin online	200	-	200,00	
24	Thiết kế, xây dựng mạch giám sát chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho các ca vận hành	50	-	50,00	
23	Giải pháp chống xả than từ cầu than xuống băng không chảy	10	40	50,00	
24	Chống sự cố máy biến áp chính khi đóng dao tiếp địa phía 21kV	10	10	20,00	
25	Rút ngắn thời gian bơm dầu bôi trơn Tuabin dự phòng liên động làm việc và khắc phục hiện tượng bơm dầu bôi trơn Tuabin dự phòng không liên động làm việc khi chuyển nguồn MCC khẩn cấp Tuabin (BMD)	120	360	480,00	
26	Cải tiến thiết kế bộ con lăn xích máy phá đông	10	15	25,00	
27	Cải tiến thiết kế điểm chắn than máy phá đông	8	12	20,00	
28	Thiết kế ống bổ sung mở online bộ truyền động trục vít bánh vít gỏi phin lọc tinh	5	3	8,00	
29	Thiết kế thanh dầm tăng cường chống cong lượn quay tuần hoàn do chênh áp	5	5	10,00	
30	Thay giãn nở gió cấp 1 với than bằng giãn nở với than	5	15	20,00	
31	Thiết kế phin chống lọt hạt nhựa bể dầu chén	2	3	5,00	
32	Thiết kế hộp phòng xi cắt cong đường hút tro lên silo	3	3	6,00	
33	Thiết kế van chặn trước đường xả rửa các bơm thải thạch cao, bơm sản phẩm nghiền và bơm bùn	2	8	10,00	
34	Hiệu chỉnh, thay thế đầu hút bơm nước sinh hoạt, bơm nước cứu hỏa tại bể chứa nước tổng khu nhà	10	20	30,00	
35	Lắp đặt ejector mương chứa ống thải xi	80	200	280,00	
36	Cải tiến đường ống hệ thống nghiền than	10	40	50,00	
37	Tối ưu HT ESP lò 1, 2	10	-	10,00	
38	Tối ưu: Thông gió và HT các bộ làm khô của HT khi nén HP1	20	20	40,00	
39	Tối ưu HT với đốt than Lò trong dịp Trung tu	10	10	20,00	
40	Thiết kế, lắp đặt lưới lọc đường cấp rửa giàn khử ẩm thấp hấp thụ FGD	15	50	65,00	
41	Lắp đặt van xả khí tự động dọc tuyến ống nước Tuần hoàn đầu vào Hải Phòng 2	20	40	60,00	
42	Phương án cấp nước làm sạch nước lò nhanh	5	-	5,00	
43	Đưa BGN6 vào vận hành trước thời điểm so với quy trình vận hành, nâng nhiệt độ nước cấp lò hơi	5	-	5,00	
44	Thiết kế nguồn điều khiển tách riêng cho các vòi thổi bụi của hệ thống Thổi Bụi nhà máy Nhiệt Điện	10	40	50,00	
45	Lắp đặt bổ sung đường nước từ bể lắng kho than HP1 và Bể điều hòa nước bề mặt nhà máy HP2	30	400	430,00	
II	Nghiên cứu khoa học	1.000	20.000	21.000	
1	Nghiên cứu Nâng cao hiệu quả làm việc của hệ thống hút khí bình ngưng trong Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 & 2	1.000	20.000	21.000	
	Cộng (I+II)	3.072,00	24.963,00	28.035,00	
	Số dư quỹ KHCN	6.010,49			
	Ghi nhận chi phí năm 2025	0,00			Do số dư quỹ KHCN lớn hơn số dự kiến nên ghi nhận vào chi phí năm nay bằng 0

\*) Ghi chú: Chi thường sáng kiến cải tiến, hợp lý hóa sản xuất

\*) Chi bằng quỹ khoa học công nghệ

Người lập biểu



Dương Văn Thắng

Phòng Kỹ thuật



Nguyễn Chí Thành

KẾ HOẠCH AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG NĂM 2025

TT	Tên trang bị	Đơn vị	Quy cách	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
7	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Biện pháp KTAT, phòng, chống yếu tố nguy hiểm và ngăn ngừa tai nạn					2.090.000.000	2.090	11
6	Kiểm định các thiết bị có yếu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động năm 2025	TB	Theo Hợp đồng trọn gói	1		490.000.000	490	Theo HĐ năm 2024; 490.592.592
7	Kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị điện, dụng cụ an toàn điện năm 2025	TB	Theo Hợp đồng trọn gói	1		1.600.000.000	1.600	ước tính
II	Biện pháp về kỹ thuật VSLĐ, phòng chống yếu tố có hại và cải thiện ĐKLĐ					280.000.000	280	
2	Quan trắc môi trường lao động năm 2025	Đợt	Theo Hợp đồng trọn gói	1	280.000.000	280.000.000	280	Theo Dự toán năm 2024 (giá trị áp dụng thông tư Thông tư 240/2016/TT-BTC)
III	Trang cấp trang thiết bị an toàn cho NLD					1.000.000.000	1.000	
1	Cung cấp vật tư trang thiết bị an toàn cho người lao động	Đợt	Theo hợp đồng trọn gói	1		1.000.000.000	1.000	ước tính Theo HĐ năm 2024
IV	Chăm sóc sức khỏe người lao động					6.030.510.800	6.031	Giá trị áp dụng thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 về hướng dẫn luật khám bệnh, chữa bệnh do bộ Y tế ban hành (mỗi Nữ CBCNV làm thêm nội dung khám Phụ khoa theo thông tư tăng 1.500.000/người)
1	Khám sức khỏe định kỳ, khám sức cho người lao động làm công việc nặng nhọc độc hại	Đợt	Theo hợp đồng trọn gói			629.271.300	629	
2	Khám sức khỏe cho Lãnh đạo và cán bộ quản lý	Đợt	Theo hợp đồng trọn gói			141.239.500	141	
3	Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV	Đợt	Theo hợp đồng trọn gói			1.300.000.000	1.300	
4	Bồi dưỡng bằng hiện vật	Đợt	Theo hợp đồng trọn gói			3.400.000.000	3.400	
5	Điều dưỡng và phục hồi chức năng cho người lao động	Đợt	36 người/đợt			560.000.000	560	
V	Văn hóa an toàn					260.000.000	260	
1	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về văn hóa an toàn cho người lao động	Đợt	Theo KH	1		260.000.000	260	ước tính
3	Khảo sát, đánh giá VHAAT	Theo KH					-	
VI	An toàn giao thông						-	
1	Tuyên truyền, phổ biến về ATGT cho người lao động	Theo KH	Theo hợp đồng trọn gói	1			-	ước tính
2	Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng lái xe, kỹ năng phòng tránh tai nạn	ước tính					-	
VII	Công tác PCCC&CNCH						-	
1		Đợt	Theo hợp đồng trọn gói	1		7.500.000.000	7.500	
2	Bảo dưỡng và mua bổ sung phương tiện PCCC năm 2025			1	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500	
3	Kiểm tra chất lượng các vật tư, phương tiện PCCC tại các đơn vị trong Công ty	Theo KH	12 đợt/năm	12			-	
4	Sửa chữa, kiểm tra, thay thế, bảo dưỡng ống nước cứu hỏa				3.000.000.000	3.000.000.000	3.000	
VIII	Công tác PCTT&TKCN					4.675.350.731	4.675	
1	Vật tư, dụng cụ phục vụ công tác PCTT&TKCN năm 2025	Đợt	Theo hợp đồng trọn gói	1		839.187.260	839	
2	Sửa chữa nhà xưởng công trình thiết bị do thiên tai gây ra	Đợt	Thuê đơn vị ngoài thực hiện	1		1.200.000.000	1.200	

TT	Tên trang bị	Đơn vị	Quy cách	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
3	Khởi công, nạo vét hệ thống thoát nước bề mặt, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, bể, hồ chứa của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1&2 năm 2025	Đợt	Thuê đơn vị ngoài thực hiện	1		1.841.163.471	1.841	Ước tính
4	Xây mới nhà thoát nước cạnh đường 359 đoạn từ đầu Nhiệt điện Hải Phòng 2 đến đường thoát nước xã Tam Hưng			1		369.000.000	369	Chuyến 2025
5	Khởi công, nạo vét, gia cố tấm đan bê tông đáy đường thoát nước đoạn từ lô cốt chân bồng lái than đường 359 đến ngõ bà Thôn – tổ dân phố số 6 Phường Tam Hưng					426.000.000	426	
6							-	
IX	Thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện					2.147.109.500	2.147	
1	Tổ chức Hội thảo về ATVSLĐ - PCCC	Đợt	40 người/đợt	0	10.000.000		-	Ước tính
2	Tổ chức thi an toàn vệ sinh viên giỏi	Đợt	65 người	0	70.000.000		-	
3	Phụ cấp trách nhiệm mạng lưới an toàn, vệ sinh viên	Tháng	65 người	12	34.450.000	413.400.000	413	Ước tính
4	Huấn luyện kiến thức nghiệp vụ cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên	Đợt	Hợp đồng trọn gói	1		80.000.000	80	Ước tính
5	Huấn luyện, sát hạch quy trình an toàn thủy, cơ, nhiệt, hóa năm 2025	Đợt	420 người/đợt	1		157.680.000	158	Ước tính
6	Huấn luyện an toàn hóa chất	Đợt	Hợp đồng trọn gói	1		260.000.000	260	
7	Bồi huấn nghiệp vụ và diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu	Đợt	Hợp đồng trọn gói	1		300.000.000	300	Ước tính
8	Huấn luyện ATVSLĐ định kỳ nhóm 4 năm 2025	Đợt	Hợp đồng trọn gói	1		180.000.000	180	Ước tính
9	Huấn luyện, sát hạch quy trình an toàn điện năm 2025	Đợt	Hợp đồng trọn gói	1		167.029.500	167	Đã lập khai toán
10	Huấn luyện kiến thức sơ cấp cứu cho đội ứng phó khẩn cấp tại nơi làm việc	Đợt	Hợp đồng trọn gói	1		240.000.000	240	Ước tính
11	Tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ công tác PCCC	Đợt	Hợp đồng trọn gói	1		300.000.000	300	Ước tính
12	Trào băng rôn, khẩu hiệu hướng ứng tuyên truyền Tháng hành động ATVSLĐ năm 2025	Đợt	Hợp đồng trọn gói	1		29.000.000	29	Ước tính
13	Phản, áp phích, khẩu hiệu, tranh, áp chí tài liệu tuyên truyền về ATVSLĐ	Theo KH	Hợp đồng trọn gói	1		20.000.000	20	Ước tính
14	Tổng kết, khen thưởng công tác ATVSLĐ, PCCC&CHCN, PCTT&TKCN	Theo KH		0		-	-	Ước tính
15	Tham quan, học hỏi kinh nghiệm về công tác ATVSLĐ, PCCC	Theo KH		0			-	Công tác phí
16							-	Ước tính
17							-	Ước tính
18							-	Ước tính
19							-	Ước tính
20							-	Ước tính
21							-	Ước tính
22							-	
23							-	
X	Xây dựng và diễn tập quản lý rủi ro, ứng cứu khẩn cấp, phương án PCTT&TKCN, phương án PCCC&CHCN					200.000.000	200	
1	Xây dựng phương án và tổ chức diễn tập PCTT&TKCN tại đơn vị	Đợt	20 người/đợt				-	Các đơn vị tự tổ chức

TT	Tên trang bị	Đơn vị	Quy cách	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
2	Xây dựng phương án và tổ chức thực tập PCCC&CNCH tại đơn vị	Đợt	20 người/đợt		-	-	-	Các đơn vị tự tổ chức
3	Thực tập phương án PCCC&CNCH Công ty	Đợt	150 người/đợt	1		150.000.000	150	HE đào tạo hoặc tư vấn
4	Thực tập PCCC&CNCH tại khu nhà ở CBCN phục vụ VH&SC	Đợt	100 người/đợt	1		50.000.000	50	HE đào tạo hoặc tư vấn
5	Xây dựng phương án và tổ chức diễn tập PCTT&TKCN Công ty	Đợt	100 người/đợt	1		-	-	HE đào tạo hoặc tư vấn
XI	<b>Bảo vệ môi trường</b>					<b>9.130.000.000</b>	<b>9.130</b>	
1	Quan trắc môi trường các hạng mục: quan trắc tiếng ồn, môi trường không khí, môi trường nước tại các vị trí xả thải của Nhà máy; quan trắc nước thải, nước nguồn tiếp nhận xả nước thải vào công trình thủy lợi tại Khu nhà ở CBCNV phục vụ VH&SC.	Đợt	Theo cam kết tại ĐTM, cam kết tại giấy phép xả thải vào CTTL	4	135.000.000	540.000.000	540	Quan trắc theo quý
2	Quan trắc khí thải ống khói theo QCVN và quan trắc nước thải, nước mặt nguồn khai thác và nguồn tiếp nhận nước thải làm mát của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1& Nhiệt điện Hải Phòng 2	Đợt	Theo QCVN và theo giấy phép xả thải			900.000.000	900	
3	Quan trắc nước thải theo QCVN và quan trắc khí thải sau các thiết bị lọc bụi tại theo QCVN tại Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 & Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2	Đợt	Theo QCVN	4		950.000.000	950	Quan trắc theo quý
4	Thực hiện quan trắc theo quy định đối với khí thải, nước thải làm mát trong trường hợp hệ thống quan trắc tự động, liên tục ngừng hoạt động (Dự kiến cho trường hợp sự cố nhiều nhất là 365 ngày thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động (365 ngày - 04 ngày quan trắc định kỳ tại mục 2))					250.000.000	250	(Chỉ tính dự phòng quan trắc 10% số ngày phát sinh theo tính toán của Đơn vị tương ứng với 36 ngày dừng)
5	Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị quan trắc môi trường tự động (khí thải, nước thải, nước khai thác) năm 2025	Lần	Theo quy định về kiểm định, hiệu chuẩn	1		480.000.000	480	(ES) tham khảo các Hợp đồng đầu thầu năm 2022, 2023)
6	Thực hiện kiểm soát chất lượng của hệ thống quan trắc môi trường tự động (khí thải, nước thải, nước khai thác) định kỳ năm 2025 bởi một đơn vị độc lập có năng lực	Lần	Theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 và Khoản 6 Điều 38 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	1		450.000.000	450	Thực hiện 01 lần/năm theo quy định và thực hiện lại sau khi sửa chữa, bảo dưỡng
7	Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và thông thường (Trừ tro xỉ thạch cao)					3.700.000.000	3.700	Tham khảo Hợp đồng đầu thầu năm 2024
8	Lập phương án thiết kế, điều chỉnh Bãi chứa tro xỉ cho 02 năm sử dụng	Lần	Theo quy định tại Quyết định 452 của Thủ tướng Chính phủ	1		700.000.000	700	ước tính

TT	Tên trang bị	Đơn vị	Quy cách	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
9	"Thực hiện đo đạc, báo cáo và thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 và Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2"				800.000.000	800.000.000	800	Chuyến 2025
10	Thực hiện thuê đơn vị có chức năng ứng trực thống tin ứng phó sự cố tràn dầu và thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải từ tàu thuyền.					360.000.000	360	Chuyến 2025
	Tổng giá trị					33.312.971.031	33.313	

PHÒNG AN TOÀN MÔI TRƯỜNG

Người lập biểu



Tạ Quốc Tuấn

Trưởng phòng ATMT



Đặng Anh Huy

Cán bộ theo dõi



Phùng Mạnh Vinh

PHÒNG KẾ HOẠCH VẬT TƯ

Trưởng phòng KHVT



Trần Thanh Huy

TM. BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN  
CHỦ TỊCH

Dương Thị Định

**KẾ HOẠCH AN NINH QUỐC PHÒNG NĂM 2025**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2025
1	Chi phí công tác ANQP, DQTV, NVBV, Công tác tuyên truyền	150
2	Khen thưởng công tác QS, thăm hỏi động viên ngày quân đội NDVN, ngày thương binh liệt sĩ...	50
3	Chi phí thuê bảo vệ	2.202
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>2.402</b>

Người lập biểu

  
Phạm Văn Hiệp

P. Hành chính - Lao động

  
Hồ Văn Thuận

KẾ HOẠCH BẢO HỘ LAO ĐỘNG NĂM 2025

ĐVT: đồng

TT	Danh mục	ĐVT	Kế hoạch năm 2025		
			Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Giày BHLĐ	đôi	680	850.000	578.000.000
2	Mũ BHLĐ	cái	380	250.000	95.000.000
3	Khẩu trang lọc độc	cái	10.000	32.000	320.000.000
4	Khẩu trang lọc độc (lọc được 100%)	cái	11.000	65.000	715.000.000
5	Găng tay BHLĐ trắng cao su	đôi	14.500	26.000	377.000.000
6	Xà phòng bột	kg	5.000	60.000	300.000.000
7	Bịt tai chống ồn	cái	924	31.000	28.644.000
8	Quần áo mưa BHLĐ	bộ	70	395.000	27.650.000
9	Áo phao	cái	30	290.000	8.700.000
10	Ủng cao su	đôi	200	95.000	19.000.000
11	Kính bảo hộ	cái	75	35.000	2.625.000
12	Găng tay cao su	đôi	590	48.000	28.320.000
13	Giày vải	đôi	11	290.000	3.190.000
14	Giày da văn phòng nam (bảo vệ)	đôi	40	420.000	16.800.000
15	Quần áo BHLĐ	bộ	900	550.000	495.000.000
16	Áo khoác BLD mùa đông	cái	480	495.000	237.600.000
17	Quần áo nhân viên y tế, nhà bếp	bộ	26	430.000	11.180.000
18	Mũ vải tổ nhà ăn + logo	cái	6	42.000	252.000
19	Tạp dề	cái	12	50.000	600.000
20	Áo sơ mi nam dài tay	cái	40	300.000	12.000.000
21	Quần áo bảo vệ (xuân hè) + ký hiệu	Bộ	80	510.000	40.800.000
22	Quần áo bảo vệ (thu đông) + ký hiệu	Bộ	40	700.000	28.000.000
23	Áo ấm + Ký hiệu	Cái	40	495.000	19.800.000
24	Tất vớ BHLĐ (bảo vệ)	đôi	80	30.000	2.400.000
25	Đong phục mùa hè, mùa đông cho tất cả nhân viên	Người	176	8.000.000	1.408.000.000
26					-
	Cộng				4.775.561.000

Đơn giá tạm tính theo giá kế hoạch năm 2024 và giá dự toán năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Thị Nguyệt Minh

PHÓ PHÒNG HCLĐ

Đào Văn Kiên

## KẾ HOẠCH CHI PHÍ DỊCH VỤ NỮA NGÔI KHÁC NĂM 2023

STT	Nội dung	ĐVT	Khả lượng/ Số lượng	Đơn vị	Thước tiêu (đồng)	Thước tiêu (tr. đồng)	Điều giải cơ sở dự toán kế hoạch
1	Chi phí khác			HCLĐ		-	
2	Chi phí điện thoại, báo chí, nước CPP, in phông bô + tem thư...			HCLĐ	2.206.800.000	2.206,80	
3	Chi phí CNTT			HCLĐ	2.718.000.000	2.719	
a	Chi phí mua phần mềm diệt Virus Kaspersky				60.000.000	60,000	Ước tính
	Sửa chữa trang, thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, máy photocopy, máy fax, máy scan...)				200.000.000	200,000	
b	Khi quá mức định lệ thông máy chủ, máy chủ gửi, máy trạm...						Bỏ (Thực hiện năm 2025)
c	Bảo dưỡng phần mềm diệt virus AVG				500.000.000	500,000	Còn cơ sở và số lượng tài khoản, các tài khoản thường tăng theo nhu cầu sử dụng. Người ra đây là ghi chi định toán của EVNCT của gói in HD đã được tài khoản HD theo quy định. Do vậy áp dụng gói HD 2024 sẽ không được báo được chất lượng bảo dưỡng phần mềm do phải thay đổi số lượng người dùng khi lập DT
	Thiết bị dụng, bảo dưỡng sửa chữa kính truyền, thiết bị hosting và domain Website, hosting Webmail, dịch vụ SSL, thông tin kỹ thuật...				700.000.000	700,000	Còn cơ sở năm 2025
c	Mua các phần mềm bản quyền				250.000.000	250,000	Ước tính
	Mua sắm trang, thiết bị máy văn phòng (máy in, máy tính, máy photocopy, máy scan, điện thoại...)				1.000.000.000	1.000,000	Ước tính
4	Chi phí thuê đất			HCLĐ	3.868.800.800	3.869,00	
5	Bảo hiểm tài sản			KHVT	3.599.458.871	3.599,46	
	Bảo hiểm cháy nổ tài sản				2.432.454.871	2.432,46	
	Bảo hiểm xe ô tô văn phòng				120.000.000	120,00	
	Bảo hiểm vật chất xe công vụ				50.000.000	50,00	
	Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường			KHVT	1.000.000.000	1.000,00	Quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP thuộc diện số công mẫu làm từ bản hoặc phải mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường.
6	Thu mua các thiết bị tại nhà máy HP 1&2 và kho nhà ở CBCN phục vụ VH&SC	m3	5.246	SXP	1.200.000.000	1.200,00	Gửi trị giá được phê duyệt 2024 là 300tr, bổ sung giá trị 400tr cho việc thu mua, vận chuyển, xử lý các thiết bị hư hỏng trước và các cơ sở được phê duyệt của Công ty.
7	Ấm thanh, thanh tiết			SXP	800.000.000	800,00	Lấy theo giá trị năm 2024
8	Chi phí điện trợ tại HP1 và HP2			SXP	8.800.000.000	8.800,00	
9	Chiếm các vườn hoa, cây cảnh, các cơ sở tại hai nhà máy HP 1&2, có 2 bên đường mặt đường 359 và một số hàng ngoại khác...			SXP	2.900.000.000	2.900,00	Gửi nhân chi 2024
10	Ngoi với nương dân nước hồ tại tại hai nhà máy			SXP	300.000.000	300,00	
11	Mua sắm trang thiết bị dụng cụ thí nghiệm và sản xuất - Phòng nước nóng			FXH			Chuyển sang (SCTX)
12	Cấp phát duyệt mua thiết bị đo lường TI, TĐ đo điện áp ứng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1	Gia	1		2.000.000.000	2.000,00	Chuyển 2024
13	Thiết bị nghiệm mua đầu máy kéo đầu đầu thủy lực	Gia			1.500.000.000	1.500,00	
14	Ba đầu máy kéo đầu 3 neo đặt tại	Gia			800.000.000	800,00	
15	Kiểm định định kỳ, công nghiệp than và phân bón, phân bón khác	Gia			399.513.903	399,51	
16	Chi phí kiểm toán				1.070.000.000	1.070,00	
17	Chi phí mua sắm chất phục vụ cho người lao động (thành phẩm 1 (thông hàng))				6.000.000.000	6.000,00	
18	Kế toán theo tài khoản				1.359.450.909	1.359,45	06 tháng thực hiện theo HD cũ và 06 tháng theo KĐ mới
19	Thiết bị phương tiện chở người trên sông				422.592.291	422,95	
20	Thiết bị bảo hộ lao động năm 2025	gđ			118.000.000	118,00	
21	Đánh giá chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy các sản phẩm tre hay, si dây là, tre si tại hai nhà máy, thực địa khảo sát tại NMDN Hải Phòng	gđ		SXP	500.000.000	500,00	
22	Hàng chuẩn, kiểm định	gđ			1.500.000.000	1.500,00	
23	Công cụ bổ trợ ANTT			HCLĐ	100.000.000	100,00	
24	Chi phí sửa chữa công cụ bảo hộ lao động (C1) nhà máy NMDN1	chi	1	30.000.000	30.000.000	30,00	Ước tính
25	Thay thế đầu bơm Dabco (chưa 12.000 PPU) bởi bơm và tại công trình NMDN2 (công H7) và công Khu VT (công A1)	chi	2	25.000.000	50.000.000	50,00	Ước tính
26	Thiết bị vận chuyển hàng phục vụ công tác, khai thác biển công dân			KT	700.000.000	700,00	
27	Thiết bị vận chuyển hàng phục vụ công tác, khai thác biển công dân	chi	3				KTTN cấp mới
28	Giám định than	Gia			5.493.953.925	5.493,954	6 tháng đầu năm theo HD cũ kỹ
29	Thiết bị vận chuyển hàng phục vụ công tác, khai thác biển công dân	Gia	3		90.000.000	90,000	
30	Chi phí bảo vệ chính lý và giám sát lao động				9.945.072.311	9.945,072	HĐ 264 ngày 09/01/2025 và HĐ 6297 ngày 28/9/2024
31	Chi phí mua sắm vườn hoa cây cảnh khu nhà ở CBCNV				400.000.000	400,000	
32	Chi phí thuê vận chuyển phục vụ công tác và bảo vệ các tài sản Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng					-	
33	Thiết bị vận chuyển hàng phục vụ công tác, khai thác biển công dân				460.760.928	460,761	
34	Dự phòng định vụ mua người khác				5.000.000.000	5.000,00	
35	Cộng				63.408.963.025	63.408,963	

News: like India

Phong KHVT

### Primer Search: Viterbi

**Trân Thanh Huyền**

**Bảng chi tiết chi phí Đền bù GPMB, chi phí thuế Nhà thầu lãi vay,  
thuế và lệ phí khác**

Stt	Khoản mục thuế	Số tiền (triệu đồng)
1	Chi phí đền bù GPMB phân bổ	5.370
2	Chi phí thuế Nhà thầu lãi vay	-
3	Thuế, phí và lệ phí khác	2.500
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.870</b>

Người lập biểu



Bùi Thu Trang

Phòng TCKT



Phạm Quốc Toàn

KẾ HOẠCH TRẢ LÃI VAY, CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ NĂM 2025

TT	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày tính lãi	Tiền gốc	Tiền lãi và phí vay phải trả		
					JPY/USD	Tỷ giá	VND
I	Thực hiện năm 2024						
VND	Ngân hàng BIDV	31/12/2024					
	Ngân hàng Hoàn Kiếm	31/12/2024					-
	Vốn lưu động	31/12/2024					3.839.611.754
	Ngân hàng JBIC	31/12/2024					
JPY	Ngân hàng JBIC	31/12/2024					
USD	Ngân hàng CEXIM	31/12/2024					7.704.614.286
	Chênh lệch tỷ giá phát sinh						-
	Cộng I						11.544.226.040
II	Kế hoạch năm 2025						
VND	Ngân hàng BIDV	31/12/2025					-
	Ngân hàng Hoàn Kiếm	31/12/2025					-
	Vốn lưu động	31/12/2025					3.800.000.000
	Ngân hàng Quân đội; Liên Việt; VIB						-
JPY	Ngân hàng JBIC	31/12/2025					-
USD	Ngân hàng CEXIM	31/12/2025					-
	Chênh lệch tỷ giá	CLTG trong quá trình XD					-
		CLTG do đánh giá lại					-
	Cộng II						3.800.000.000

Người lập biểu

Bùi Thu Trang

Phòng TC-KT

Phạm Quốc Toàn

**KẾ HOẠCH KHẤU HAO**

Đơn vị: đồng

STT	Chi tiêu	Giá trị
1	Nguyên giá 31/12/năm n-1	22.165.676.220.329
2	Nguyên giá đã hết KH lũy kế đến 31/12/năm n-1	7.046.919.080.328
3	Dự kiến nguyên giá đã hết KH lũy kế năm n	11.480.125.537.270
4	Nguyên giá tăng trong năm	3.512.477.890
5	Nguyên giá giảm trong năm	0
6	Nguyên giá cuối kỳ năm n	22.169.188.698.219
7	Nguyên giá bình quân tính khấu hao năm n	22.169.188.698.219
8	Khấu hao năm n-1	546.758.488.769
	SXKD điện	545.794.537.157
	SXKD khác	963.951.612
	Khấu hao cơ bản do đánh giá lại tài sản	0
9	Tỉ lệ bình quân tính khấu hao năm n-1	0,0247
10	Dự kiến tỉ lệ bình quân tính khấu hao năm n	0,0219
11	<b>Dự kiến khấu hao năm n</b>	<b>485.148.718.432</b>
	- SXKD điện	484.184.766.820
	+ CP khấu hao TSCĐ của Chi phí SX chung	480.029.250.112
	+ CP khấu hao TSCĐ của Chi phí Quản lý doanh nghiệp	4.155.516.708
	- SXKD khác	963.951.612
	Khấu hao cơ bản do đánh giá lại tài sản	0

**Ghi chú:** Năm n: năm lập kế hoạch**NGƯỜI LẬP BIỂU**
  
**Bùi Thu Trang**
**PHÒNG TCKT**
  
**Phạm Quốc Toàn**

KẾ HOẠCH CHI PHÍ BẢNG TIỀN KHÁC NĂM 2025

TT	Nội dung công việc hình thành chi phí năm 2022	Đơn vị	Khối lượng/ Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (tr. đồng)	Diễn giải cơ sở dự kiến kế hoạch
1	Công tác lễ tân				3.050.000.000	3.050	
	Nước uống, chè, hoa quả... phục vụ họp, tiếp khách hàng tháng	60.000.000/tháng	12 tháng		720.000.000	720	
	Chuẩn bị đồ dùng, vật phẩm lễ, sắm lễ phòng thờ và nhà tưởng niệm hàng tháng	Đợt	12 tháng		480.000.000	480	
	Chuẩn bị đồ dùng, vật phẩm lễ tết niên, lễ đầu năm, lễ rằm tháng 7...	Đợt	12 tháng		600.000.000	600	
	Trang trí đầu xuân sơn nhà Hành chính, sảnh nhà Hành chính và chùa cây phòng Lãnh đạo và trang trí nhà tưởng niệm công ty...	Đợt	1 lần/năm		650.000.000	650	
	Tiệc đón tiếp khách và tiệc gặp mặt đầu xuân.	Đợt	1 lần/năm		150.000.000	150	
2	Mua sắm các thiết bị phục vụ công tác Lễ tân Công ty (thường xuyên)				450.000.000	450	
	Phục vụ Công tác nhà ăn ca và tiếp khách				8.300.000.000	8.300	Lấy theo giá trị năm 2024
	Tiếp khách	Đợt	1		8.000.000.000	8.000	
	Chi phí chất đốt phục vụ bữa ăn ca cho CBCNV	kg	10080		300.000.000	300	
	Công tác phí				3.000.000.000	3.000	
	Chi phí mua vé máy bay, phòng khách sạn, công tác phí...				3.000.000.000	3.000	Ước tính
4	Chi phí cho công tác y tế				150.000.000	150	
	Phun thuốc diệt muỗi côn trùng phòng dịch bệnh				60.000.000	60.000	Ước tính
	Mua vật tư, thiết bị y tế phục vụ sơ cấp cứu ban đầu				90.000.000	90.000	Ước tính
	Chi phí cho công tác văn phòng, lưu trữ, vệ sinh				2.762.966.000	2.763	
	Chi phí mua Hộp tài liệu, Bìa hồ sơ, Giấy tài liệu				66.000.000	66	Ước tính
	Mua mực in				900.000.000	900	Ước tính
5	Mua sắm bàn ghế làm việc cho các đơn vị (không bao gồm bàn ghế các phòng họp và phòng lãnh đạo Công ty)				500.000.000	500	Tiết giảm
	Thay thế máy lọc RO, thay thế lõi lọc máy lọc RO				350.000.000	350	Ước tính
	Văn phòng phẩm				946.966.000	947	Ước tính
	Mua sắm trang thiết bị vệ sinh, đồ dùng phục vụ công tác vệ sinh tạp vụ và vệ sinh công nghiệp các đơn vị trong Công ty					-	
	Chi phí quản trị				1.580.000.000	1.580	
	Chi phí truyền thông				500.000.000	500.000	Tiết giảm
6	Các dịch vụ liên quan đến quản lý cơ sở				60.000.000	60.000	Ước tính
	Thực hiện các phòng sự				300.000.000	300.000	Ước tính
	Trồng cây đầu xuân và thuê cây đào, quất tết nguyên đán (khu nhà hành chính và các vị trí sân xuất...)				200.000.000	200.000	Ước tính
	Trồng cây xanh khu vực nhà ở CBCN phục vụ VH&SC khu vực mở rộng				400.000.000	400.000	
	Trang trí Tết tại khu nhà ở CBCN phục vụ VH&SC 2025				120.000.000	120	

TT	Nội dung công việc hình thành chi phí năm 2022	Đơn vị	Khối lượng/ Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (tr. đồng)	Diện giải cơ sở dự kiến kế hoạch
7	Chi phí khác				8.700.000.000	8.700	
	Chi liên quan đến hoạt động đầu thầu				3.500.000.000	3.500	
	Biên soạn hiệu đính quy trình				200.000.000	200	
	Chi phí bằng tiền khác				5.000.000.000	5.000	
	<b>Cộng</b>				<b>27.542.966.000</b>	<b>27.543</b>	

Người lập biểu



Phùng Mạnh Vĩnh

Phòng KHT



Trần Thanh Huy

KẾ HOẠCH MUA SẮM, ĐẦU TƯ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG NĂM 2025

STT	Hạng mục	Giá trị (tr. đồng)	Nguồn vốn	Thời gian dự kiến khấu hao	Thời điểm hoàn thành	Thời gian KH (ngày)	Giá trị dự kiến trích khấu hao trong năm....	Ghi chú
I	Máy móc, thiết bị	15.590						
A	Hạng mục chuyển tiếp từ năm 2024	2.880						
1	Nâng cấp hệ thống thiết bị kho 01 tủ máy	-	ĐTPT	10	30-Apr-25	245,00	-	Bộ
2	Nâng cấp hệ thống bởi tron máy nghiên cho 1 tủ máy	-	ĐTPT	10	30-Apr-25	245,00	-	Bộ
3	Thiết bị xử tải ác quy Torkiel 930	380	ĐTPT	10	30-Apr-25	245,00	25,51	
4	Máy hiệu chuẩn thiết bị đo áp suất	2.500	ĐTPT	10	15-Jun-25	199,00	136,30	
B	Hạng mục mua sắm mới năm 2025	12.710						
1	Trang bị máy giặt công nghiệp cơ 15kg cho tổ SC HP1 và HP2	60	ĐTPT	10	01/12/2025	30,00	0,49	
3	Mua xe điện phục vụ công tác ANTT	250	ĐTPT	10	01/12/2025			
4	Mua xe ô tô 7 chỗ	-	ĐTPT	10	15-Jun-25	199,00	-	Bộ
5	Bộ tạo nung mẫu TMS- 9100D (bao gồm các phụ kiện kèm theo: phần mềm hiệu chuẩn độ rung: 9100-MNKTUT&3500 rack configuration software (PC), 9105C, 9100-MPPAC1, 9100-PPAD1, 9100-PPA02, 9100-PS01, 9100-BAT01)). Model:102M0254P0005	1.000	ĐTPT	10	20-Jul-25	164,00	44,93	
6	Xe điện chở hàng LVTONG LT-S2.B.HP	2.000	ĐTPT	10	15-Jun-25	199,00	109,04	
7	Xe nâng điện 5,0 tấn Model 50B-9 Hyundai	3.000	ĐTPT	10	15-Mar-25	291,00	239,18	
8	Lắp mới hệ thống tưới phun tác hệ thống đầu hút bơm tuần hoàn	4.900	ĐTPT	10	01/05/2025	244,00	327,66	
14	Cung cấp lắp đặt màn hình Led hội trường Công ty		ĐTPT	10	01/12/2025	30,00	-	
15	Cung cấp lắp đặt máy lọc nước điện giải ION Kiểm phục vụ nhu cầu sử dụng cho CBCNV Công ty	1.500	ĐTPT	10	01/12/2025	30,00	12,33	Lắp đặt hệ thống lọc nước điện giải ion kiềm công nghiệp công suất lớn
II	Nhà cửa, công trình xây dựng	40.950						
A	Hạng mục chuyển tiếp từ năm 2024	18.200						
1	Hệ thống Camera giám sát vận hành PXNL Hải phòng 2	4.000	ĐTPT	10	30-Mar-25	276,00	300,99	
2	Nâng cấp camera giám sát ngọn lửa buồng đốt lò hơi số 3	4.000	ĐTPT	10	10-Mar-25	296,00	324,38	
3	Nâng cấp hệ thống camera hỗ trợ công tác giám sát an toàn tại vị trí làm việc của người lao động (gọi đoạn 1)	4.000	ĐTPT	10	26-Mar-25	280,00	306,85	

STT	Hạng mục	Giá trị (tr. đồng)	Nguồn vốn	Thời gian dự kiến khẩu hao	Thời điểm hoàn thành	Thời gian KH (ngày)	Giá trị dự kiến trích khấu hao trong năm....	Ghi chú
4	Nâng cấp các tạo hệ thống camera giám sát an ninh Công ty CPND Hải Phòng	5.500	ĐTPT	10	27-Mar-25	279,00	420,41	
5	Cung cấp, lắp đặt camera giám sát các khu vực tại khu nhà ở CBCNV phục vụ VH&SC	700	ĐTPT	10	27-Mar-25	279,00	53,51	
B	Hạng mục mua sắm mới năm 2025	22.750						
1	Lắp bổ sung quét thông gió gian Tuabin khối 3, 4	350	ĐTPT	10	31-Aug-25	122,00	11,70	
2	Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất trong Công ty.		ĐTPT	10	31-Oct-25	61,00		Theo VB số 267/EVNGENCO2-KDTTB ngày 16/01/2025
3	Trang bị phần mềm "Phần mềm quản lý phiếu công tác, phiếu thao tác"	900	ĐTPT	10	31-Oct-25	61,00	15,04	
4	Xây dựng bể chứa cạnh bể nước thải bể một HP1 với mục đích gom xỉ, rác thải, nước vệ bể nước thải bể một là nước xả rửa đã được giữ lại xỉ, rác	5.000	ĐTPT	10	31-Oct-25	61,00	83,56	Hiện tại, bể nước thải bể một Hải Phòng 1 có rất nhiều xỉ, tro, rác bể một theo hệ thống thoát nước bể một về bể, trực tiếp ảnh hưởng đến các bơm nước thải bể một gây hư hỏng bơm rất nhanh và với tần suất lớn (trong 1 năm qua đã hư hỏng cả 4 bơm). Giải pháp: Xây dựng một bể chứa nằm cạnh bể nước thải bể một (kích thước Dài x Rộng x Sâu: 28m x 14m x 3,9m), đưa rãnh nước thải bể một về bể xây mới này, tại thành bể giữa 2 bể sẽ lắp đặt tấm lưới thép có kích thước mắt lưới 10x10mm để ngăn xỉ và rác thải có kích thước lớn. Mục đích: Bảo vệ bơm nước thải bể một, để đảm bảo xử lý các rác thải và xỉ chảy về bể
5	Bổ sung tín hiệu giám sát bảo vệ của 4 tủ máy lên hệ thống SCADA	1.500	ĐTPT	10	31-Oct-25	61,00	25,07	
6	Lắp đặt hệ thống giám sát khi online cho Máy biến áp chính	15.000	ĐTPT	10	31-Oct-25	61,00	250,68	
III	Khác							
	<b>Tổng cộng</b>	<b>56.540</b>					<b>2.786,20</b>	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Thu Trang

PHÒNG TCKT



Phạm Quốc Toàn

BẢNG ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NĂM 2025

TT	Nội dung/chương trình DT	Đối tượng	Số lượng (người)	Đơn giá (tr.đồng)	Giá trị (tr.đồng)	Thời lượng	Thời gian	Đối tác	Địa điểm
I	ĐÀO TẠO DÀI HẠN								
II	ĐÀO TẠO NGẮN HẠN								
II.1	Đào tạo cán bộ quản lý								
I	Đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ quản trị, trao đổi kinh nghiệm năng cao năng lực quản lý; Văn hóa doanh nghiệp và thực thi VHDN, đào tạo các chương trình tại nước ngoài...	CBQL cấp 3, cấp 4	50		400	5 ngày	Quý 3		Công ty
II.2	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ								
II.2.1	Quản lý kỹ thuật								
I	Chương trình đào tạo Vận hành và bảo dưỡng hệ thống BN350/Chương trình đào tạo phân tích rung động ISO CAT II hoặc các chương trình phát sinh khác	KTV, cán bộ làm việc với hệ thống giám sát rung động, phụ trách giám sát tình trạng (condition monitoring) hoặc bảo trì phòng ngừa (preventive maintenance), Kỹ sư, cán bộ phụ trách phân tích đánh giá ngưỡng lỗi tính thiết bị	8		650		Quý 4	Chuyên gia nước ngoài hãng Bentley Nevada	Công ty
2	Đào tạo thợ hàn cao áp	CNKT PX,SCUN	6			30 ngày/lớp	Quý 2	Phatco	Công ty
3	Đào tạo thợ hàn điện, hàn hơi	CNKT tổ SCDTD	17		350	45 ngày	Quý 1	Phatco	Công ty
4	Chuyên để đào tạo nâng cao tay nghề cho lực lượng sửa chữa: Sửa chữa bo mạch điện tử, quản lý động cơ điện, sửa chữa và hiệu chuẩn máy cắt 110/220kV và các chương trình cho CNKT sửa chữa ĐTD	CNKT	50	10	200	10 ngày	Quý 2	Thuê ngoài	Công ty
5	Đào tạo sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị đo trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	CNKT	20		400	10 ngày	Quý 1	VATCOM	Công ty
II.2.2	Quản lý đầu tư xây dựng								
I	1. Đầu thầu chuyên sâu; 2. Bồi huấn thi cấp chứng chỉ đầu thầu theo quy định mới	CB, CNV làm công tác đầu thầu	65	7	250	2 ngày/lớp * 3 lớp	Quý 3	Thuê ngoài (giảng viên Bộ KH&ĐT)	Công ty
II.2.3	Quản trị tài chính/kế toán								
II.2.4	Công nghệ thông tin								

BẢNG ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NĂM 2025

TT	Nội dung/chương trình ĐT	Đối tượng	Số lượng (người)	Đơn giá (tr.đồng)	Giá trị (tr.đồng)	Thời lượng	Thời gian	Đối tác	Địa điểm
1	Đào tạo kỹ năng xây dựng bài giảng E-learning, microlearning, áp dụng AI trong đào tạo. Chương trình đào tạo giảng viên nội bộ	Nhân viên IT, KTV	50		200		Quý 3	EVNICT/Tự thực hiện	Công ty
II.2.5	Kỹ năng mềm								
II.2.6	Các khóa đào tạo khác								
1	Đào tạo chuyển sâu 5S	CBCNV	200		515		Quý 2	Chuyên gia	Công ty
2	Tư vấn, đánh giá, cấp chứng nhận thực hiện 5S	CBCNV	200		200		Quý 4	Chuyên gia	Công ty
3	Tư vấn và cung cấp dịch vụ thực hiện pháp điển quy chế quản lý nội bộ	CBCNV			430		Quý 2	Thuê ngoài	Công ty
4	Chương trình đào tạo theo nhu cầu (thay đổi quy trình, quy định, cập nhật kiến thức, đào tạo đáp ứng nguồn nhân lực trong thời kỳ chuyển đổi số...)	CBCNV			150		Cả năm	Thuê ngoài	Công ty
5	Chương trình đào tạo AI - bứt phá hiệu suất công việc	CBQL, CV, KTV	200		300		Cả năm	Thuê ngoài	Công ty
6	Đào tạo bồi trồn cấp độ 1	KTV	20		600		Cả năm	Thuê ngoài	Công ty
II.3	Đào tạo chuyển giao								
II.4	Đào tạo thường xuyên								
II.4.1	ATLD - VSLD	(trong KH ATBHLĐ)							
II.4.2	Đào tạo nâng cao tay nghề								Công ty
1	Bồi dưỡng, kiểm tra sát hạch nghề CNKT, thi nâng bậc, giữ bậc, đào tạo và thi công nhận chức danh, thẩm định biên tập ngân hàng câu hỏi (thực hiện đào tạo nội bộ)	CNKT	600		1.200		cả năm	Tự thực hiện	Công ty
	Tổng cộng:				5.845				

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Kiều

P. TRƯỞNG PHÒNG HCLĐ



Đào Văn Hiến

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM HIỆN TẠI VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TIẾP THEO**  
(Theo loại và trình độ lao động)

Đơn vị tính: Người

TT	Tổng số lao động	Tình hình sử dụng lao động năm trước						Kế hoạch sử dụng lao động năm 2025			
		Tổng số lao động kế hoạch	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12	Trong đó			Tổng số lao động sử dụng bình quân	Số lao động thời việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động kế hoạch	Trong đó	
				Số LĐ năm trước chuyển sang	Số phải đào tạo lại trong năm	Số tuyển mới trong năm				Số LĐ năm trước chuyển sang	Số lao động tuyển dụng mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Người quản lý	8	7	8			8	1	7	7	
2	Lao động chuyên môn nghiệp vụ	82	80	82			81	2	80	80	
3	Lao động trực tiếp SXKD	657	653	657			654	4	653	653	
4	Lao động thừa hành phục vụ	85	84	85			85	1	84	84	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>832</b>	<b>824</b>	<b>832</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>828</b>	<b>8</b>	<b>824</b>	<b>824</b>	<b>0</b>
											<b>1</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Công Thiện

P. PHÒNG HCLĐ



Đào Văn Hiến

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM HIỆN TẠI VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TIẾP THEO**  
(Theo đơn vị quản lý)

		Tình hình sử dụng LĐ năm hiện tại						Kế hoạch sử dụng lao động năm tiếp theo (Người bình quân)									Ghi chú	
STT	Đơn vị quản lý	Tổng số LĐ kế hoạch	Tổng số lao động có mặt ngày 01/01	Tổng số lao động giảm trong năm	Tổng số lao động tăng trong năm	Tổng số LĐ có mặt đến 31/12	LĐ thực tế sử dụng bình quân	Tổng số	Trong đó:							Y tế		
									SXKD điện	SX và sửa chữa cơ khí	Tư vấn KS-TK	Xây lắp	SX khác	Quản lý dự án	Chuyển bị SX			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	832	832	8	0	826	828	824	700				124					
	Tổng cộng	832	832	8	0	826	828	824	700				124					

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Công Thiện

PHÒNG HCLĐ

Đào Văn Hiến

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	CHỈ TIÊU SXKD				
1	Sản lượng điện thương phẩm, truyền tải	Triệu KWh	7.020,488	6.122	6.324,910
2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	12.264.616,026	11.041.641	10.949.590
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr. đồng	11.617.381,016	10.519.318	10.428.918
4	Tổng DT - Tổng CP (chưa có lương)	Tr. đồng	647.235,010	522.323	520.672
5	Lợi nhuận SXKD điện	Tr. đồng	384.016,063	272.794	291.431
6	Tổng các khoản nộp NSNN	Tr. đồng			
II	TIỀN LƯƠNG				
1	Lao động sử dụng bình quân	Người	698	703	696
2	Mức tiền lương bình quân theo HDLĐ	103đ/tháng	11,766	11,766	15,954
3	Mức tiền lương bình quân	103đ/tháng	27,392	25,767	26,888
4	Năng suất lao động		10,058	8,709	9,088
5	Tiền lương tối thiểu doanh nghiệp	103đ/tháng	2,650	2,650	3,180
6	Phản chỉnh lệch tiền lương của CB chuyên trách đoàn thể	Triệu đồng	124,230	67,314	63,931
7	Quỹ tiền lương SXKD điện	Triệu đồng	229.435,392	191.517,852	224.568,576
8	Quỹ tiền thưởng an toàn điện	Triệu đồng	26.359,875	25.783,214	
9	Tổng quỹ tiền lương SXKD điện (7 + 8)	Triệu đồng	255.919,497	217.368,380	224.632,507
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng			
11	Tiền lương bình quân	103đ/tháng	27,392	25,767	26,888
12	Thu nhập bình quân	103đ/tháng	30,554	25,767	26,896
III	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ				
1	BHXH, BHYT, BHTN	Tr. đồng	21.765,453	21.650,772	28.813,032
2	KPCĐ	Tr. đồng	2.024,693	2.000,424	2.680,282
IV	Lương SXKD khác (tro, xỉ, thạch cao)	Tr. đồng		4.037,21	3.911,86

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Công Thiện

PHÒNG HCLĐ

Đào Văn Kiên

## KẾ HOẠCH THƯỞNG ATLĐ VÀ TIỀN LƯƠNG CHÊNH LỆCH ĐOÀN THỂ

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
<b>I. PHÂN CHÊNH LỆCH TIỀN LƯƠNG CỦA CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH ĐOÀN THỂ</b>			
1	Số người	Người	1
2	Hệ số lương cơ bản		6,78
3	Phần chênh lệch	Đồng	63.931.000
	<b>Tổng số tiền</b>	<b>Đồng</b>	<b>63.931.000</b>
<b>II. QUỸ PHỤ CẤP, CHÊ ĐỘ KHÁC KHÔNG TÍNH TRONG ĐƠN GIÁ (THƯỞNG AN TOÀN)</b>			
Căn cứ quyết định số 435/QĐ-GENCO2 ngày 29/8/2014 của Tổng Công ty Phát điện 2			
Đối tượng được thưởng an toàn điện: là CN, NV, VC quản lý vận hành, CN sửa chữa, hiệu chỉnh, TMTBD trong công ty			
1	Hệ số lương SXKD điện bình quân		
2	Hệ số phụ cấp bình quân		
3	Số người được thưởng an toàn điện	Người	
4	Lương tối thiểu xét thưởng ATLĐ	Đồng/người/tháng	
5	% thưởng	%	
	<b>Tổng số tiền</b>	<b>Đồng</b>	

Người lập biểu



Vũ Công Thiện

Phòng HCLĐ

  
 Đào Văn Kiên

BIỂU CHI TIẾT TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

TT	Họ và tên	Chức vụ	HSL	Số tháng làm việc	Mức lương cơ bản (đồng/tháng)	Quy định theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP	Tiền lương/thủ lao bình quân tháng	Tiền lương, thủ lao (đồng)		
								Quỹ tiền lương	Quỹ thủ lao	Thưởng an toàn điện
1	HDQT, BKS chuyển trách							3.915.560.000		194.846.000
1	Tạ Công Hoàn	Chủ tịch HDQT	8,38	12	42.000.000	2	84.000.000	1.008.000.000		62.975.000
2	Lê Minh Tuấn	TV HDQT chuyển trách	7,18	12	34.000.000	2	68.000.000	816.000.000		53.957.000
3	Phạm Thị Dung	Trưởng Ban kiểm soát	7,447	12	35.000.000	2	70.000.000	840.000.000		55.963.000
4	Vũ Quang Huy	TV BKS chuyển trách	6,78	5,17	34.000.000	2	68.000.000	351.560.000		21.951.000
II	HDQT, BKS không chuyển trách								1.398.488.000	
1	Dương Sơn Bá	Thành viên HDQT		12			13.600.000		163.200.000	
2	Nguyễn Xuân Chiến	Thành viên HDQT		12			13.600.000		163.200.000	
3	Lê Văn Chính	Thành viên HDQT		12			13.600.000		163.200.000	
4	Chu Thái Hoàng	Thành viên HDQT		12			13.600.000		163.200.000	
	Trần Anh Duy	Thành viên HDQT		12			13.600.000		163.200.000	
5	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên BKS		12			13.600.000		163.200.000	
6	Trần Minh Tâm	Thành viên BKS		12			13.600.000		163.200.000	
7	Nguyễn Thị Huyền Hoa	Thành viên BKS		6,83			13.600.000		92.888.000	
8	Lê Thị Thủy	Thành viên BKS		12			13.600.000		163.200.000	
	Cộng							3.015.560.000	1.398.488.000	194.846.000
										4.608.894.000

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Công Thiện

PHÒNG HCLĐ

Đào Văn Kiên

KẾ HOẠCH THU NỘP NGÂN SÁCH NĂM 2024-2025

Sản lượng

6.754.503.075

6.325.087.260

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Diễn giải	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	Thuế giá trị gia tăng	9	-	
	- Sản xuất kinh doanh điện	9	-	
	- Sản xuất kinh doanh khác	-	-	
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.115	24.528	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	
5	Thuế xuất nhập khẩu	-		
6	Thuế thu nhập cá nhân	8.494	8.500	
7	Thuế tài nguyên nước	110.690	104.077	
8	Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	9.848	14.798	Năm 2024 nộp bổ sung theo QĐ của BTNMT
9	Phí chất thải rắn (xử), phí môi trường rừng	-	446	Theo VB số 136/NEHP-HĐQT ngày 06/01/2025 về việc ký HĐ ủy thác chỉ trả dịch vụ môi trường rừng
10	Thuế nhà đất, tiền thuế đất	16.401	16.557	
11	Các loại thuế, phí khác	3,0	300	
	Tổng cộng	168.358,83	169.205,8326	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Thu Trang

PHÒNG TCKT



Phạm Quốc Toàn

KẾ HOẠCH CHI PHÍ SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025

Stt	Nội dung	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (tr.đồng)	Ghi chú
I	Phần vật tư, thiết bị SCTX		152.800.000.000	152.800,00	
1	Vật tư, thiết bị		100.000.000.000	100.000,00	
2	Công cụ dụng cụ SCTX		7.800.000.000	7.800,00	
3	Mua đường ống thải xử chống mài mòn (3.500 m)		35.000.000.000	35.000,00	
4	Dự phòng phí sinh vật tư SCTX ngoài kế hoạch		10.000.000.000	10.000,00	
II	Sửa chữa thường xuyên		68.608.305.903	68.608	
1	SCTX đáp ứng vận hành mùa khô		2.422.393.569	2.422,39	Đợt 1 đến 31/3
2	Thay thế tấm trần nhôm tại nhà Hành chính			Bỏ	
3	Chi phí SCTX số máy số 1&2				
4	Vệ sinh các tắc nước tại khu nhà A,B,C, bể nước sinh hoạt		16.650.132.628	16.650,13	HD 1611 ngày 6/3/2025 cho phần thuê ngoài
5	Chống chống cây xanh, hạ thấp tán, giải tỏa cây chết trước mùa mưa bão; 2. Vệ sinh, nạo vét hệ thống nước thải sinh hoạt, công thoát nước mưa, xử lý bể phốt các khu nhà A,B,C		100.000.000	100,00	Giá trị đã đề ghi nhận 2024
6	Sửa chữa hư hỏng, thay thế thiết bị các công trình công cộng				
7	Sửa chữa những hư hỏng bất thường của các khu nhà (các đường ống nước bị bục, hỏng...)		720.000.000	720,00	Giá trị đã đề ghi nhận 2024
8	Mua vật tư tiêu hao cho hệ thống xử lý nước sinh hoạt và xử lý nước thải sinh hoạt		200.000.000	200,00	Giá trị đã đề ghi nhận 2024
9	Thay thế, sửa chữa các thiết bị nhà vệ sinh nhà Hành chính Công ty (thường xuyên)		100.000.000	100,00	
10	Sửa chữa các hư hỏng, thay thế các dụng cụ, thiết bị nhà để xe máy Công ty (thường xuyên)		100.000.000	100,00	
11	Sửa chữa, thay thế Hệ thống nước tưới tiêu Nhà máy HP1 (Hiện tại đang không sử dụng được)		1.000.000.000	1.000,00	Hệ thống các đường cấp nước tưới tiêu cho toàn bộ mặt bằng nhà máy HP1&2 qua quá trình sử dụng lâu dài, công với việc sửa chữa kiểm tra của các hạng mục nằm trên phạm vi mặt bằng làm cho hệ thống các đường cấp nước bị bục ngầm, hỏng hóc dẫn đến không sử dụng được, mặc dù đã được các đơn vị liên quan phối hợp kiểm tra để khắc phục nhưng không có kết quả. Kiến nghị cho cải tạo lại.
12	Sửa chữa, thay thế các thiết bị phòng Lành đạo Công ty (thường xuyên)		300.000.000	300,00	Tiết giảm
13	Sửa chữa, thay thế các thiết bị phòng họp Công ty (thường xuyên)		300.000.000	300,00	Tiết giảm
14	Sửa chữa hệ thống nước khu vực trạm bơm Tuấn hoàn		950.000.000	950,00	Ước tính (khu mẫu thử)
15	Cải tạo nhà ăn ca Công ty và thay thế thiết bị		1.000.000.000	1.000,00	Khu vực phòng ăn, bếp nấu, kho lưu trữ, hệ thống điều hòa... đã xuống cấp cần cải tạo thay thế thiết bị để đảm bảo an toàn vệ sinh, đảm bảo sức khỏe....
16	Thay thế, lắp đặt cửa kính chống ồn tại trung tâm vận hành HP1&2				Bỏ Chuyển 2026

Stt	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (tr.đồng)	Ghi chú
17	Xoay đường ống thải xỉ				1.500.000.000	1.500,00	
18	Thay thế đường ống thải xỉ hàn áp các ống thải xỉ bị mòn tục				1.500.000.000	1.500,00	
19	Thuê ca máy (máy phát điện di động, xe cầu tự hành....) sửa chữa đường ống thải xỉ, nước ngược ngoài nhà máy				180.000.000	180,00	
20	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục thuộc PXNL					-	Nằm trong mục sửa chữa công trình HP1 và HP2 (6 tỷ)
21	Sửa chữa kho, xưởng sửa chữa thiết bị điện khu vực nhà máy Hải Phòng 2				3.000.000.000	3.000,00	
22	Sửa chữa các công trình xây dựng thuộc PXH						Nằm trong mục sửa chữa công trình HP1 và HP2 (55 tỷ)
23	Bảo dưỡng phương tiện phục vụ sản xuất				500.000.000	500,00	
24	Sửa chữa, thay thế tương đương để Đường ray cầu trục Cảng bốc dỡ than (Bulong chân dưới nền bê tông đúng độ bệch có định đường ray bị hạn chế, ăn mòn đứt, phải khoan nút lõi nền bê tông và đổ lại, khối lượng phân xây dựng nhiều) và sửa chữa cầu cảng.						sau khi khảo sát và tính toán lại khối lượng cụ thể thực hiện. Công ty nhận thấy do tính chất đặc thù đường ray để vận hành các cầu trục, Công ty đề xuất thực hiện thuê đơn vị tư vấn lập khảo sát, đánh giá lắp DT thi công. Tuy nhiên hiện tại Công ty chưa thuê đơn vị tư vấn nên giá trị tạm tính để có chi phí thực hiện năm 2025 là 7 tỷ đồng
25	Thay thế tấm chống va đập cầu cảng				600.000.000	600,00	
26	Khắc phục các điểm bụi than thấp hấp thụ FGD các tổ máy (khối lượng thi công 75m2)				3.611.111.111	3.611,11	HND để negli giữ nhân giá trị với đơn giá theo HĐ đã ký cho khối lượng 75m²
27	Sửa chữa quần mối động cơ điện	Gói	1		4.500.000.000	4.500,00	
28	Sửa chữa thiết bị sản phẩm phôi				2.000.000.000	2.000,00	
29	Sửa chữa công trình xây dựng HP1&2				6.000.000.000	6.000,00	
30	Bảo dưỡng thiết bị phòng thí nghiệm - Phân xưởng Hoà				1.000.000.000	1.000,00	TT xây dựng tiền lương, dự toán tạm tính.
31	Vệ sinh bình ngưng cho 01 tổ máy						Bảo giá
32	Công tác vệ sinh bộ sấy không khí cho 01 tổ máy				1.980.000.000	1.980,00	Bảo giá
33	Thuê đơn vị ngoài thực hiện các gói thầu kiểm tra, thay thế ống áp lực lò hơi số 1, 2, 3, 4 khi có sự cố hoặc tiêu tu				1.680.000.000	1.680,00	
34	Thuê đơn vị ngoài thực hiện các gói thầu xử lý rò của hệ thống nghiên than, với than các tổ máy						
35	Sửa chữa hư hỏng gian tuabin máy phát tại HP1				12.500.000.000	12.500,00	
36	Cải tạo sửa chữa nhà tạm tại khu nhà ở thành nhà kho và một số chức năng khác				500.000.000	500,00	Chuyển tiếp từ 2024 sang 2025
37	Sửa chữa các hư hỏng tại nhà tổng giữ xe máy và nhà để xe ở tổ CBCNV nhà máy HP2				1.200.000.000	1.200,00	Chuyển tiếp từ 2024 sang 2025
38	Bảo trì phần mềm Chuyển đổi số các Quy trình nội bộ				300.000.000	300,00	
39	Bảo trì hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác Thị trường điện				300.000.000	300,00	
40	Sửa chữa hệ thống chiếu sáng nhà nền luyện thể chất				450.000.000	450,00	Chuyển tiếp từ 2024 sang 2025

Số	Nội dung	DVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (tr.đồng)	Ghi chú
41	Bảo dưỡng các kích thủy lực và súng siết bu lông thủy lực hãng Hi Force của Tổ SC HP1, HP2 và Nhiên liệu				100.000.000	100,00	
III	Chi phí xử lý sự cố				10.274.789.427	10.274,79	
	Cộng				231.683.895.329,7568	231.683,0953	

Người lập biểu



Phùng Mạnh Vĩnh

Phòng KHYT



Trần Thanh Huy

# KẾ HOẠCH VÀ TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN VỐN CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Hạng mục chuyển đổi số	Ước tổng dự toán (chưa thuế GTGT)	Tiến độ giải ngân		
			KH năm 2024	Thực hiện giải ngân năm 2024	KH giải ngân 2025
I	Các đề tài 4.0				
3	Đề tài số 6: Số hoá hệ thống đo chất lượng than Online (giai đoạn 1)	35.268	-	-	35.268
5	Thiết kế, lắp đặt hệ thống giám sát và cảnh báo sớm tình trạng vận hành điện một chiều	15.000,0			15.000
II	Chuyển đổi số theo chỉ đạo của EVNGENCO2 tại văn bản 901/EVNGENCO2 ngày 26/3/2021		-		
III	Chuyển đổi số theo đề án công ty xây dựng				
a	Giai đoạn 1 (2021-2022)				
b	Giai đoạn 2 (2023-2025)				
IV	Khác				
	Cộng	50.268	13.877,00		50.268,00

Người lập biểu



Phùng Mạnh Vinh

Phòng KHVT



Trần Thanh Huy

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1485/EVNGENCO2-KTSX+TH+KH

Cần Thơ, ngày 15 tháng 4 năm 2025

V/v các chỉ tiêu KTKT năm 2025  
của Công ty CPNĐ Hải Phòng

Kính gửi: Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (Người đại diện)

Căn cứ văn bản số 1773/EVN-KTSX ngày 20/3/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thông qua các chỉ tiêu Quản lý kỹ thuật năm 2025 của Tổng công ty Phát điện 2 – CTCP (EVNGENCO2).

Căn cứ Nghị quyết số 163/NQ-HĐQT ngày 11/4/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc giao chỉ tiêu KTKT năm 2025 cho các Đơn vị thành viên, Tổng công ty có ý kiến như sau:

1. Thông qua các chỉ tiêu KTKT năm 2025 cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) chi tiết như Phụ lục đính kèm.

2. Yêu cầu Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại HND:

- Căn cứ theo các giá trị giao, nghiêm túc tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp về vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, cải tiến áp dụng khoa học công nghệ,... phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu giao.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Tổng công ty về kết quả thực hiện các chỉ tiêu KTKT của Đơn vị trong năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Ban KTGS;
- Lưu: VT, KTSX, KH, TH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Phú Thái**

**Phụ lục:**  
**CHỈ TIÊU KTKT NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CPNĐ HẢI PHÒNG**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>KH 2025</b>
1	Tỷ lệ điện tự dùng	(%)	9,67
2	Suất hao nhiệt	(kJ/kWh)	10.339
3	Hệ số đáp ứng	(%)	94,81
4	Suất sự cố	(lần/TBC)	1,00

V/v Chỉ tiêu kế hoạch sản lượng năm 2025  
của CTCP Nhiệt điện Hải Phòng

Kính gửi: Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2  
tại CTCP Nhiệt điện Hải Phòng.

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2024 của HĐQT EVNGENCO2 về việc ban hành Quy chế về công tác sản xuất kinh doanh điện trong Tổng công ty Phát điện 2 - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ Công Thương v/v phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện Quốc gia năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3300/QĐ-BCT ngày 15/12/2024 của Bộ Công Thương v/v phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện Quốc gia năm 2025;

Căn cứ văn bản số 6912/EVN-KH+TCKT ngày 02/12/2024 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam v/v các chỉ tiêu kế hoạch SXKD - ĐTXD năm 2025 của EVNGENCO2;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-HĐQT ngày 10/3/2025 của Hội đồng Quản trị EVNGENCO2 về việc phiên họp 06 năm 2025 - HĐQT EVNGENCO2;

Tổng công ty giao Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (sau đây gọi tắt là NĐDPV) phối hợp với HĐQT chỉ đạo Đơn vị thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2025 với những chỉ tiêu chính như sau:

**1. Sản lượng điện sản xuất: 7.002 triệu kWh**

Xây dựng, chuẩn bị sẵn sàng các phương án đảm bảo cung ứng điện trong trường hợp nhu cầu điện tăng trưởng cao theo kế hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và phương thức vận hành của Công ty Vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia.

**2. Các hạng mục chi phí, thu nhập cần hiệu chỉnh**

- Các nội dung chi phí, thu nhập đề nghị rà soát, hiệu chỉnh khi lập lại Kế hoạch năm 2025 trình Tổng công ty như phụ lục đính kèm.

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch sản lượng được giao, Tổng công ty yêu cầu NĐDPV thông qua HĐQT chỉ đạo Đơn vị lập lại Kế hoạch SXKD - ĐTXD năm

2025 và trình Tổng công ty **trước ngày 14/3/2025** để làm cơ sở thông qua Kế hoạch năm của Đơn vị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Tổng công ty yêu cầu NĐDPV triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban TGD;
- Văn phòng và các Ban chức năng;
- Lưu: VT; TH; KH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Phú Thái**

## **PHỤ LỤC**

### **CÁC HẠNG MỤC CHI PHÍ, THU NHẬP CẦN HIỆU CHỈNH CỦA CTCP NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**

#### **A. Ý kiến chung**

Đề nghị HND rà soát, kiểm tra đảm bảo các đầu mục chi phí ở các biểu kế hoạch thành phần (Dịch vụ mua ngoài, Bằng tiền khác, Sửa chữa thường xuyên...) được tổng hợp, ghi nhận đầy đủ tại biểu kế hoạch tài chính và không trùng lặp chi phí.

Trên cơ sở KH chi phí năm 2024 và BCTC sau kiểm toán năm 2024, liệt kê cụ thể giá trị thực hiện từng hạng mục chi phí năm 2024, loại trừ các nội dung chi phí VL, DVMN, BTK... phát sinh mới đối chiếu với kết quả thực hiện trong năm 2024 trên cùng một mặt bằng để đảm bảo chi phí trong kế hoạch năm 2025 không tăng thêm quá 10%.

#### **B. Ý kiến cụ thể**

##### **1. Kế hoạch doanh thu**

- Đối với doanh thu sản xuất điện: Đề nghị Đơn vị tính toán và cập nhật phù hợp với kế hoạch sản lượng được giao, Kế hoạch vận hành Thị trường điện năm 2025 (các thông số giá CAN, SMPCap, tỷ lệ alpha...) và sản lượng Qc được phân bổ.

- Đối với doanh thu bán tro xỉ, thạch cao: Đề nghị cập nhật khối lượng phù hợp với sản lượng kế hoạch được giao và lượng than tiêu thụ; Rà soát, cập nhật đơn giá phù hợp với quy định.

##### **2. Kế hoạch chi phí SXKD**

###### **a) Chi phí Nhiên liệu, Vật liệu phụ**

- Tính toán lại khối lượng, chi phí nhiên liệu than, vật liệu phụ và các chi phí liên quan khác theo sản lượng điện được Tổng công ty thông qua; Cập nhật lại đơn giá than, cước phí vận chuyển, đơn giá dầu, vật liệu phụ... phù hợp với các hợp đồng đã ký kết hoặc dự toán đã phê duyệt.

###### **b) Chi phí Sửa chữa lớn**

- Đề nghị HND thực hiện các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty tại Chỉ thị số 21/CT-EVNGENCO2 ngày 02/01/2025 và Thông báo số 4557/TB-EVNGENCO2 ngày 15/11/2024.

- Đối với Biểu số 3 - kế hoạch SCL: Đề nghị Đơn vị lập chi tiết cho từng danh mục SCL năm 2025 tương ứng với danh mục SCL 2025 đã được Tổng công ty thông qua.

- Cập nhật danh mục, giá trị sửa chữa lớn năm 2025 phù hợp với dự toán đã được phê duyệt/thông qua hoặc hợp đồng đã ký kết, đề nghị đính kèm chi tiết danh mục, giá trị chi tiết tương ứng và các hồ sơ liên quan.

**c) Chi phí Sửa chữa thường xuyên (SCTX)**

- Hạng mục “Thay thế tấm trần nhôm tại nhà Hành chính”: Đề nghị rà soát lại sự cần thiết thực hiện hạng mục này khi Kế hoạch SXKD năm 2024 đã thông qua hạng mục “Sửa chữa nhà hành chính, các khu vực phòng HCLĐ quản lý” đã bao gồm khối lượng thay các tấm trần nhôm.

- Hạng mục “Sửa chữa, thay thế bulong chân đế Đường ray cầu trục Cảng bốc dỡ than (Bulong chôn dưới nền bê tông dùng để bắt cố định đường ray bị han gỉ, ăn mòn đứt, phải khoan rút lõi nền bê tông và đổ lại, khối lượng phần xây dựng nhiều)”: Đề nghị Đơn vị rà soát lại sự cần thiết thực hiện hạng mục này do trùng lặp khối lượng với danh mục SCL năm 2025 phần xây dựng.

- Hạng mục “Sửa chữa thiết bị sân phân phối”: Đề nghị Đơn vị rà soát, tiết giảm, chỉ ghi nhận phần khối lượng dịch vụ nhân công sửa chữa. Đối với phần khối lượng VTTB đã có đầu mục chi phí trong SCTX.

- Hạng mục “Sửa chữa công trình xây dựng Hải Phòng 1&2”: Đề nghị Đơn vị rà soát lại sự trùng lặp khối lượng với hạng mục “Sửa chữa các công trình xây dựng thuộc phân xưởng Hóa” và hiệu chỉnh giảm chi phí phù hợp tương ứng.

- Các hạng mục “Vệ sinh các téc nước tại khu nhà A,B,C, bể nước sinh hoạt”; “Sửa chữa hư hỏng, thay thế thiết bị các công trình công cộng”; “Thay thế, sửa chữa các thiết bị nhà vệ sinh nhà Hành chính Công ty (thường xuyên)”; “Cải tạo, thay thế hệ thống nước tưới tiêu Nhà máy Hải Phòng 1 (hiện tại đang không sử dụng được)”; “Cải tạo, sửa chữa hệ thống nước khu vực trạm bơm tuần hoàn”; “Cải tạo nhà ăn ca Công ty và thay thế thiết bị”; “Sửa chữa kho, xưởng sửa chữa thiết bị điện khu vực Nhà máy Hải Phòng 2”; “Sửa chữa các công trình xây dựng thuộc phân xưởng Hóa”; “Sửa chữa công trình xây dựng Hải Phòng 1&2”: Đề nghị Đơn vị cung cấp các biên bản khảo sát hiện trường để Tổng công ty có cơ sở xem xét.

**d) Chi phí Dịch vụ mua ngoài**

- Rà quét mã độc hệ thống máy chủ, máy chào giá, máy trạm: Đề nghị Đơn vị xem xét lại tính cần thiết do vừa thực hiện trong năm 2024.

- Bảo dưỡng phần mềm dùng chung EVN: Đề nghị Đơn vị rà soát, hiệu chỉnh tương đương giá trị hợp đồng bảo dưỡng phần mềm dùng chung năm 2024 đã ký kết với EVNICT.

- Chi phí dọn tro xỉ NMNĐ Hải Phòng 1 và Hải Phòng 2: Đề nghị Đơn vị rà soát, hiệu chỉnh tương đương giá trị thực hiện năm 2024.

- Đối với các hạng mục Công cụ hỗ trợ an ninh trật tự (Chi phí sửa chữa cổng tự hành cổng phụ C2 nhà máy NĐ Hải Phòng 1; Thay thế điều hoà Daikyn (hai chiều 12.000 PTU) bảo vệ tại cổng phụ NĐ Hải Phòng 2 (cổng B7) và cổng

Kho vật tư (cổng A1)); Khắc phục xử lý các đường nước đục ngầm): Đề nghị Đơn vị cung cấp biên bản khảo sát hiện trường.

***e) Chi phí Bằng tiền khác***

- Sửa chữa nhà xưởng công trình thiệt hại do thiên tai gây ra: Đề nghị Đơn vị cung cấp biên bản khảo sát hiện trường kèm theo mô tả các thiệt hại và khối lượng công việc cần xử lý.

- Các hạng mục “Quan trắc môi trường các hạng mục: theo cam kết tại ĐTM; quan trắc phục vụ báo cáo JBIC; quan trắc nước thải, nước nguồn tiếp nhận theo yêu cầu giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi”; “Quan trắc khí thải theo QCVN và quan trắc nước thải, nước mặt đáp ứng yêu cầu giấy phép xả thải của NMNĐ Hải Phòng 1&2”; “Quan trắc nước thải theo QCVN NMNĐ Hải Phòng 1&2”: Đề nghị rà soát và chuẩn xác lại khối lượng quan trắc (môi trường, tài nguyên nước) theo các Giấy phép môi trường và Giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước đang đề xuất cấp phép.

- Hạng mục “Thực hiện đo đạc, báo cáo và thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính (MRV) tại NMNĐ Hải Phòng 1 và NMNĐ Hải Phòng 2”: Đề nghị Đơn vị làm rõ sự cần thiết thực hiện hạng mục này do công tác đo đạc, kiểm kê, xây dựng báo cáo đã được thực hiện trong năm 2024.

- Hạng mục “Lập phương án thiết kế, điều chỉnh Bãi chứa tro xỉ cho 02 năm sử dụng”: Đề nghị cung cấp cơ sở thực hiện hạng mục công việc này do hiện tại HND tiêu thụ hết khối lượng tro xỉ phát sinh.

***f) Các khoản mục chi phí khác:***

- Cập nhật hiệu chỉnh Kế hoạch tiền lương; chi phí BHXH, BHYT, KPCD, BHTT, BHTN; chi phí ăn ca phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh và kế hoạch sử dụng lao động. Trong đó, đề nghị HND cần thống nhất trong phương pháp tính lương giữa các năm.

- Cập nhật hiệu chỉnh các khoản chi phí khác trong Kế hoạch SXKD năm 2025 theo hợp đồng/dự toán, các quyết định/ văn bản đã phê duyệt/ thông qua.

Đề nghị Đơn vị rà soát, cập nhật vào kế hoạch SXKD đối với các hạng mục đã được Tổng công ty thông qua chủ trương triển khai sớm.

**3. Kế hoạch mua sắm, đầu tư TSCĐ**

- Đề nghị HND rà soát, đánh giá về sự cần thiết và hiệu quả của các tài sản dự kiến mua sắm, từ đó đề xuất danh mục mua sắm TSCĐ phù hợp, kịp thời đáp ứng cho nhu cầu SXKD; đồng thời đề xuất nguồn vốn dự kiến sử dụng mua sắm phù hợp và thuyết minh rõ khả năng bố trí vốn. Các danh mục mua sắm TSCĐ phải chuyển tiếp qua nhiều năm nhưng vẫn chưa hoàn tất mua sắm, cần xem xét lại tính cấp thiết của việc mua sắm.

- Đề nghị Đơn vị trình bày biểu mẫu thể hiện 02 mục: (A) Hạng mục chuyển tiếp từ năm 2024 và (B) Hạng mục mua sắm mới năm 2025, trong đó có rà soát, đánh giá tiến độ những hạng mục đã thực hiện trong năm 2024 nhưng chưa hoàn thành phải chuyển sang năm 2025.

- Hạng mục “Mua xe điện phục vụ công tác ANTT”: Đề nghị cập nhật theo giá trị dự toán đã được phê duyệt (Quyết định số 4852/QĐ-NĐHP ngày 08/7/2024).

#### **4. Kế hoạch nghiên cứu khoa học**

Đề nghị HND thực hiện tuân thủ theo các quy định tại Quy chế Quản lý hoạt động khoa học công nghệ trong EVNGENCO2 và các quy định hiện hành. Riêng đối với sáng kiến “Di chuyển các bộ vận chuyển gió hệ thống điều hòa trung tâm Hải Phòng 1”: Đề nghị rà soát lại sự cần thiết thực hiện do có sự trùng lặp khối lượng với phạm vi gói thầu SCL năm 2024.

#### **5. Kế hoạch thực hiện Chuyển đổi số và các đề tài 4.0:**

Đối với Mục III Chuyển đổi số theo đề án HND xây dựng: Đề nghị Đơn vị rà soát, cập nhật lại giá trị phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi đang trình Tổng công ty xem xét tại văn bản số 6640/NĐHP-NĐDPV ngày 11/9/2024 v/v báo cáo nghiên cứu khả thi cho các giải pháp chuyển đổi số Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2 (giai đoạn 1).

#### **6. Kế hoạch ĐTXD**

Trong tờ trình số 6896/NĐHP-NĐDPV ngày 19/9/2024 của Người đại diện chưa đăng ký kế hoạch ĐTXD. Đề nghị Đơn vị báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD năm 2024 theo nội dung Tổng công ty đã thông qua tại văn bản số 1783/EVNGENCO2-KH+TH ngày 07/5/2024 của EVNGENCO2 v/v thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 - HND, lập kế hoạch ĐTXD năm 2025 của HND theo các biểu mẫu quy định về ĐTXD để theo dõi, tổng hợp, trong đó có đánh giá tiến độ và phân bổ vốn phù hợp với tiến độ thực hiện, ghi rõ nguồn vốn dự kiến sử dụng cho kế hoạch ĐTXD năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch vận hành thị trường  
bán buôn điện cạnh tranh năm 2025**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các Luật sửa đổi, bổ sung liên quan;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BCT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh;

Căn cứ Quyết định số 3300/QĐ-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia tại Văn bản số 1438/NSMO-TTĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc báo cáo bổ sung kế hoạch vận hành thị trường điện năm 2025 (lần 3); Văn bản số 1067/NSMO-TTĐ ngày 5 tháng 12 năm 2024 báo cáo kế hoạch vận hành thị trường điện năm 2025 (lần 2);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt kế hoạch vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh năm 2025 với các nội dung chính như sau:**

1. Hệ số hiệu chỉnh sản lượng năm:  $a = 0,6$ .

2. Giá trần thị trường điện (SMP cap) áp dụng trong năm 2025 là 1.682,6 (đồng/kWh).

3. Nhà máy điện mới tốt nhất năm 2025 là nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4&4 MR.

4. Giá công suất thị trường (CAN) từng chu kỳ giao dịch áp dụng trong thị trường bán buôn điện cạnh tranh năm 2025 được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

5. Tỷ lệ sản lượng điện năng thanh toán theo giá hợp đồng (tỷ lệ alpha) trong năm 2025:

a) Trường hợp Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện đã thỏa thuận, thống nhất trong hợp đồng mua bán điện: áp dụng tỷ lệ được quy định trong hợp đồng mua bán điện đã ký;

b) Trường hợp Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện chưa thỏa thuận, thống nhất: tạm thời áp dụng phương án tỷ lệ alpha bằng 80% đối với nhà máy nhiệt điện và 98% đối với nhà máy thủy điện. Trong giai đoạn tạm thời áp dụng tỷ lệ trên, Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện có trách nhiệm tiếp tục đàm phán, thống nhất về tỷ lệ sản lượng điện năng thanh toán theo giá hợp đồng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia có trách nhiệm:

a) Công bố trên Trang thông tin điện tử thị trường điện các nội dung của Kế hoạch vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh năm 2025 theo quy định;

b) Tính toán và công bố riêng về sản lượng điện hợp đồng tối thiểu năm, sản lượng điện hợp đồng tối thiểu của 12 tháng trong năm 2025 của các nhà máy nhiệt điện trực tiếp tham gia thị trường điện theo quy định tại Thông tư số 21/2024/TT-BCT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh;

c) Tính toán và công bố riêng về sản lượng điện hợp đồng tháng, sản lượng điện hợp đồng chu kỳ giao dịch của các nhà máy điện theo quy định tại Thông tư số 21/2024/TT-BCT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

2. Trường hợp Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện chưa thống nhất về tỷ lệ sản lượng điện năng thanh toán theo giá hợp đồng: hai bên có trách nhiệm tiếp tục đàm phán, thống nhất và thông báo cho Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia để tính toán sản lượng điện hợp đồng theo quy định tại Thông tư số 21/2024/TT-BCT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực, Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như khoản 2 Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Nguyễn Hoàng Long;
- Lưu: VT, ĐTĐL (TTĐ).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trương Thanh Hoài**

Phụ lục

**GIÁ CÔNG SUẤT THỊ TRƯỜNG (CAN) ÁP DỤNG TRONG THỊ TRƯỜNG BÁN BUỒN ĐIỆN CẠNH TRANH NĂM 2025**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 362/QĐ-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị: đồng/kWh

Chưa ký	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Tháng 1	Ngày IV	35,4	34,4	33,8	33,5	33,3	33,2	33,2	33,6	33,9	35,1	36,3	38,1	40,0	42,0	44,0	45,1	46,1	45,8	45,4	45,3	45,2	43,2	41,2
	Thứ 7	39,3	38,3	37,8	37,6	37,4	37,2	37,3	37,6	38,0	38,8	39,7	41,3	42,8	45,2	47,6	48,9	50,1	49,9	49,6	49,7	49,8	47,5	45,1
	Chủ nhật	38,1	37,3	36,8	36,6	36,4	36,2	36,2	36,3	36,5	36,6	36,8	37,6	38,4	39,5	40,5	40,9	41,2	41,5	41,7	42,1	42,4	40,7	39,0
Tháng 2	Ngày IV	42,1	41,3	40,9	40,3	40,0	39,6	39,7	40,1	40,6	41,8	43,0	44,9	46,8	48,8	50,8	52,0	53,2	53,1	53,0	53,0	53,0	51,1	49,3
	Thứ 7	37,2	35,7	35,3	34,8	34,5	34,2	34,2	34,5	34,8	35,8	36,7	38,3	39,8	41,4	43,1	43,9	44,7	44,5	44,2	44,1	43,9	42,6	41,3
	Chủ nhật	36,7	35,7	35,2	34,6	34,3	34,0	34,0	34,3	34,6	35,4	36,2	37,5	38,9	40,5	42,0	42,8	43,5	43,6	43,7	43,6	43,5	42,2	41,0
Tháng 3	Ngày IV	39,3	38,4	38,0	37,5	37,2	36,9	36,9	37,1	37,4	38,6	39,8	41,2	42,6	44,8	47,0	48,6	50,1	49,9	49,6	49,7	49,7	47,5	45,4
	Thứ 7	39,6	38,7	38,3	37,8	37,6	37,3	37,3	37,4	37,6	38,4	39,2	40,4	41,6	43,6	45,7	47,1	48,4	48,1	47,7	47,4	47,0	45,3	43,6
	Chủ nhật	39,3	38,3	38,0	37,5	37,2	36,8	36,7	36,6	36,6	36,8	36,9	37,5	38,0	38,8	39,6	40,0	40,4	40,5	40,7	40,8	40,9	39,8	38,7
Tháng 4	Ngày IV	46,5	45,6	45,1	44,5	44,1	43,8	43,6	43,4	43,5	44,1	44,6	45,1	45,6	47,5	49,5	50,6	51,8	51,9	52,0	52,3	52,6	51,8	51,1
	Thứ 7	48,3	47,5	47,0	46,5	46,0	45,6	45,3	45,1	45,1	45,5	45,9	46,3	46,7	48,9	51,0	52,2	53,3	53,5	53,7	54,0	54,2	53,5	52,8
	Chủ nhật	47,8	46,8	46,3	45,8	45,3	44,8	44,6	44,3	44,1	43,9	43,6	43,6	43,6	44,3	45,1	45,8	46,4	47,1	47,8	48,0	48,2	47,6	47,0
Tháng 5	Ngày IV	45,4	44,5	43,9	43,3	42,8	42,3	42,1	41,9	42,0	42,4	42,9	43,3	43,7	46,2	48,7	50,5	52,3	52,6	52,9	53,2	53,6	52,5	51,5
	Thứ 7	45,2	44,1	43,5	43,0	42,5	42,1	41,9	41,8	41,9	42,1	42,3	42,6	42,8	45,1	47,3	49,0	50,6	50,8	51,1	51,7	52,3	51,2	50,1
	Chủ nhật	45,8	44,7	44,1	43,5	43,0	42,4	42,1	41,8	41,7	41,5	41,1	40,8	40,5	40,1	40,7	41,4	42,1	42,8	43,7	44,7	45,2	45,1	44,4
Tháng 6	Ngày IV	50,0	48,7	47,9	47,1	46,5	45,9	45,6	45,2	45,0	44,9	45,1	45,7	46,4	49,3	52,3	54,1	56,0	56,2	56,5	57,0	57,5	56,7	55,9
	Thứ 7	51,3	50,0	49,1	48,3	47,8	47,2	46,8	46,4	46,1	45,8	45,4	45,7	46,0	48,2	50,5	51,9	53,3	53,7	54,0	54,6	55,2	54,4	53,6
	Chủ nhật	50,0	48,8	48,0	47,2	46,4	45,7	45,3	44,9	44,4	43,9	43,3	42,6	41,4	41,9	42,3	43,0	43,7	44,6	45,5	46,0	46,6	46,5	46,4
Tháng 7	Ngày IV	45,5	44,5	43,9	43,2	42,8	42,3	42,0	41,6	41,4	41,3	41,4	41,5	42,8	44,1	47,3	50,6	51,8	53,0	53,7	53,9	53,6	53,3	53,1
	Thứ 7	47,5	46,3	45,6	44,9	44,4	43,9	43,4	42,9	42,0	41,9	41,7	43,0	44,2	46,9	49,7	50,7	51,7	52,4	53,2	53,4	53,6	53,6	53,6
	Chủ nhật	48,7	48,0	47,0	46,0	45,4	44,7	44,1	43,4	42,8	42,2	41,3	40,5	40,8	41,0	42,2	43,5	44,1	44,6	45,5	46,7	46,8	46,9	46,9
Tháng 8	Ngày IV	46,3	45,4	44,7	44,0	43,4	42,8	42,4	41,9	41,6	41,2	41,2	41,2	42,0	44,8	46,8	48,0	49,1	50,0	50,9	51,3	51,7	52,4	53,1
	Thứ 7	50,3	49,6	48,7	47,9	47,1	46,3	45,7	45,0	44,3	43,5	43,0	42,5	42,8	43,0	44,0	45,0	45,7	46,3	47,6	49,4	50,0	50,5	50,9
	Chủ nhật	43,3	41,5	41,1	40,7	40,4	40,1	39,9	39,7	39,5	39,4	39,4	39,4	39,9	40,5	41,7	42,9	43,6	44,2	45,1	46,0	46,4	46,5	46,2

Chu kỳ		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Tháng 9	Ngày lễ	45,0	44,3	43,7	43,1	42,6	42,1	41,7	41,4	41,0	40,7	40,6	40,6	41,5	42,5	44,7	46,9	47,9	48,9	49,5	50,0	50,2	50,4	50,6	50,8
	Thứ 7	49,2	48,7	48,0	47,4	46,8	46,2	45,7	45,2	44,6	44,0	43,3	42,6	42,8	43,0	44,1	45,2	45,9	46,7	48,0	49,4	49,8	50,2	50,4	50,5
	Chủ nhật	41,8	38,5	38,1	37,8	37,6	37,3	37,2	37,1	37,0	36,9	37,2	37,6	38,4	39,3	41,0	42,7	43,6	44,4	45,5	46,6	46,7	46,9	46,1	45,2
Tháng 10	Ngày lễ	40,0	39,6	39,3	39,1	39,0	38,8	38,8	38,9	39,2	39,5	40,4	41,4	42,5	43,7	46,2	48,8	49,5	50,3	50,8	51,4	51,3	51,2	49,4	47,5
	Thứ 7	41,1	40,8	40,4	40,0	39,9	39,8	39,8	39,8	39,9	40,0	40,6	41,1	42,2	43,3	45,7	48,0	48,3	48,7	49,1	49,6	49,6	49,6	47,9	46,3
	Chủ nhật	39,1	38,3	38,0	37,8	37,6	37,5	37,4	37,3	37,3	37,3	37,3	37,3	37,9	38,5	39,2	39,9	40,2	40,6	42,0	43,4	43,2	43,1	41,8	40,5
Tháng 11	Ngày lễ	41,4	41,0	40,8	40,6	40,5	40,4	40,5	40,5	40,9	41,3	42,4	43,5	44,6	45,9	48,1	50,2	50,9	51,6	52,1	52,5	52,3	52,1	50,5	49,0
	Thứ 7	42,2	41,9	41,7	41,5	41,4	41,3	41,3	41,2	41,6	41,9	42,6	43,2	44,6	45,9	48,1	50,2	50,9	51,6	52,1	52,5	52,3	52,1	50,5	49,0
	Chủ nhật	41,1	40,7	40,4	40,2	40,1	40,1	40,1	40,1	40,2	40,2	40,2	40,2	40,8	41,4	42,2	42,9	43,7	44,5	45,4	46,3	46,2	46,0	44,6	43,3
Tháng 12	Ngày lễ	39,8	39,5	39,3	39,1	39,0	38,9	38,9	39,0	39,4	39,9	41,1	42,2	44,0	45,9	48,3	50,6	51,1	51,6	52,1	52,5	52,5	52,5	50,1	47,6
	Thứ 7	40,5	40,2	40,1	39,9	39,7	39,6	39,6	39,6	40,0	40,5	41,1	41,7	43,2	44,8	47,1	49,4	50,0	50,6	50,5	50,5	50,5	50,5	48,3	46,1
	Chủ nhật	39,7	39,4	39,0	38,7	38,6	38,5	38,5	38,4	38,6	38,7	38,8	38,8	39,6	40,5	41,3	42,0	42,5	43,0	43,9	44,7	44,7	44,7	43,0	41,2

Chu kỳ		25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
Tháng 1	Ngày lễ	41,3	41,4	43,4	45,4	46,5	47,5	48,6	49,8	50,8	51,7	52,7	53,8	53,2	52,6	50,3	48,0	47,4	46,9	45,3	43,8	42,0	40,2	38,7	37,1
	Thứ 7	45,3	45,4	47,7	50,1	51,1	52,0	53,0	54,0	54,2	54,5	55,1	55,6	54,5	53,4	51,0	48,5	48,3	48,1	46,9	45,7	44,1	42,6	40,9	39,3
	Chủ nhật	38,4	37,9	38,9	40,0	41,0	42,1	43,6	45,1	46,8	48,4	50,3	52,2	51,6	50,9	48,7	46,4	45,5	44,6	43,3	41,9	40,3	38,6	37,3	36,0
Tháng 2	Ngày lễ	49,4	49,5	51,8	54,0	54,9	55,9	56,6	57,3	57,8	58,3	59,1	59,9	60,0	60,0	57,6	55,1	54,8	54,4	52,9	51,5	49,6	47,7	45,9	44,1
	Thứ 7	41,2	41,2	42,8	44,4	45,2	46,0	47,0	48,0	48,8	49,6	50,3	50,9	51,0	51,1	49,0	46,8	46,5	46,2	45,0	43,8	42,2	40,7	39,1	37,6
	Chủ nhật	41,0	41,1	42,3	43,6	44,4	45,1	46,0	46,9	47,9	48,8	49,4	50,0	50,0	50,0	48,0	46,0	45,7	45,3	44,2	43,2	41,7	40,3	38,8	37,3
Tháng 3	Ngày lễ	46,2	47,1	49,3	51,6	52,2	52,9	53,3	53,7	53,7	53,7	53,5	53,2	53,6	53,9	51,9	49,9	50,0	50,1	48,8	47,5	45,9	44,3	42,8	41,2
	Thứ 7	44,1	44,6	47,2	49,9	50,5	51,1	51,3	51,6	51,4	51,2	50,7	50,2	50,5	50,7	48,8	46,9	46,9	47,0	46,2	45,3	44,2	43,1	41,6	40,1
	Chủ nhật	38,4	38,1	39,0	39,9	40,9	41,9	42,8	43,8	44,7	45,5	46,5	47,4	47,8	48,3	46,8	45,4	44,8	44,3	43,4	42,4	41,1	39,7	38,4	37,1
Tháng 4	Ngày lễ	51,6	52,2	53,4	54,6	54,9	55,2	55,2	55,2	55,0	54,8	54,4	54,0	54,2	54,5	53,3	52,1	52,7	53,2	52,7	52,3	51,3	50,4	49,0	47,7
	Thứ 7	53,7	54,6	55,6	56,6	56,7	56,8	56,6	56,3	55,8	55,3	54,2	53,2	53,4	53,6	52,6	51,6	52,3	53,0	52,8	52,6	52,0	51,3	50,0	48,8
	Chủ nhật	47,4	47,8	49,2	50,5	50,7	51,0	50,9	50,9	50,8	50,8	50,8	50,8	50,8	51,2	50,8	50,1	50,4	50,7	50,5	50,4	49,5	48,7	47,5	46,3
Tháng 5	Ngày lễ	52,1	52,8	54,1	55,5	56,0	56,4	56,5	56,5	55,8	55,0	54,2	53,5	54,1	54,7	53,6	52,4	53,1	53,8	53,2	52,6	51,4	50,1	48,5	46,9
	Thứ 7	50,8	51,6	53,3	54,9	55,1	55,4	55,2	55,0	53,9	52,7	51,6	50,6	51,2	51,9	51,0	50,1	51,0	51,9	51,8	51,7	50,8	49,9	48,3	46,7



Chu kỳ		25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
Tháng 6	Chủ nhật	45,0	45,6	46,3	46,9	47,1	47,2	46,9	46,7	46,7	46,7	46,9	47,1	47,9	48,7	48,3	47,8	48,2	48,5	48,3	48,1	47,0	45,9	44,6	43,3
	Ngày IV	56,7	57,6	59,0	60,3	60,4	60,4	60,1	59,8	58,6	57,3	56,2	55,1	55,6	56,0	55,7	55,4	56,4	57,4	57,4	57,4	56,5	55,6	53,9	52,2
	Thứ 7	55,1	56,6	57,9	59,3	59,1	58,9	58,3	57,6	56,2	54,8	53,5	52,2	52,7	53,3	53,1	52,9	54,2	55,4	55,8	56,1	55,5	55,0	53,5	51,9
Tháng 7	Chủ nhật	47,1	47,9	48,6	49,2	49,1	49,0	48,6	48,2	47,9	47,5	47,5	47,5	48,5	49,6	49,7	49,8	50,4	51,1	51,4	51,7	51,1	50,4	49,1	47,7
	Ngày IV	55,1	57,2	58,4	59,5	59,3	59,0	58,2	57,4	54,9	52,4	51,0	49,7	50,3	51,0	50,8	50,6	51,9	53,1	52,9	52,7	51,7	50,7	49,2	47,6
	Thứ 7	55,5	57,3	58,0	58,8	58,1	57,5	56,3	55,2	52,6	50,1	48,9	47,6	48,9	50,2	50,6	51,0	52,6	54,2	54,3	54,4	53,4	52,5	50,9	49,4
Tháng 8	Chủ nhật	47,6	48,4	48,7	49,0	48,1	47,2	46,6	46,0	45,6	45,1	44,7	44,3	45,2	46,0	45,9	45,8	46,2	46,7	46,5	46,3	45,4	44,5	43,4	42,4
	Ngày IV	55,1	57,1	57,8	58,4	58,0	57,7	56,6	55,6	53,2	50,8	49,8	48,8	49,3	49,8	50,1	50,4	51,7	53,0	53,4	53,7	52,6	51,5	50,2	48,8
	Thứ 7	52,4	53,9	53,3	52,7	51,7	50,8	50,1	49,4	48,2	47,1	46,7	46,4	47,0	47,6	47,8	47,9	48,8	49,7	49,7	49,7	48,8	47,8	46,5	45,3
Tháng 9	Chủ nhật	47,2	48,2	48,8	49,4	49,7	49,9	49,7	49,4	48,2	47,0	46,5	46,1	46,6	47,2	46,9	46,6	47,3	47,9	47,7	47,5	46,5	45,5	44,3	43,0
	Ngày IV	52,4	54,0	54,7	55,5	55,0	54,4	54,0	53,6	51,9	50,2	49,6	49,1	49,0	49,0	49,1	49,1	50,0	50,9	51,1	51,3	50,3	49,4	48,2	47,1
	Thứ 7	51,5	52,4	52,1	51,8	51,0	50,1	49,3	48,5	47,2	46,0	46,2	46,5	46,7	46,9	47,1	47,3	48,0	48,7	48,8	48,8	48,0	47,2	46,2	45,2
Tháng 10	Chủ nhật	45,9	46,6	47,5	48,5	48,4	48,2	48,0	47,8	47,1	46,4	46,8	47,2	46,9	46,7	46,2	45,8	46,1	46,5	46,0	45,6	44,7	43,9	42,7	41,5
	Ngày IV	48,3	49,1	50,4	51,7	52,1	52,6	53,1	53,7	54,0	54,3	55,4	56,4	53,5	50,6	49,3	48,0	47,8	47,5	46,3	45,1	44,0	43,0	42,1	41,1
	Thứ 7	47,1	47,9	49,0	50,1	50,3	50,6	51,1	51,6	51,7	51,7	52,6	53,5	50,7	47,9	46,9	45,9	45,7	45,5	44,6	43,6	42,7	41,7	40,8	39,9
Tháng 11	Chủ nhật	40,4	40,4	40,8	41,3	41,6	42,0	43,1	44,3	45,9	47,5	48,8	50,1	47,6	45,1	44,0	42,9	42,4	41,9	41,0	40,1	39,1	38,0	37,2	36,4
	Ngày IV	49,4	50,2	51,5	52,7	53,1	53,5	54,3	55,0	55,8	56,7	57,6	58,4	55,4	52,3	51,2	50,1	49,5	48,9	47,6	46,4	45,4	44,4	43,4	42,4
	Thứ 7	49,7	50,4	51,4	52,3	52,7	53,1	53,5	53,9	53,9	53,9	54,9	55,9	53,0	50,1	49,1	48,2	47,8	47,4	46,5	45,5	44,6	43,6	42,6	41,5
Tháng 12	Chủ nhật	43,2	43,0	43,9	44,8	45,4	45,9	46,6	47,4	48,6	49,8	51,1	52,5	50,2	47,9	46,9	45,9	45,3	44,7	43,7	42,7	41,7	40,6	39,8	39,0
	Ngày IV	48,7	49,7	51,2	52,7	53,3	54,0	55,0	56,1	56,6	57,2	58,6	60,1	56,8	53,6	52,3	51,1	50,0	48,8	47,2	45,6	44,4	43,2	42,1	41,0
	Thứ 7	47,1	48,0	49,4	50,8	51,4	52,1	53,0	53,8	54,0	54,2	55,4	56,6	53,4	50,2	49,1	48,0	47,4	46,8	45,5	44,3	43,3	42,3	41,2	40,1
	Chủ nhật	41,1	40,9	42,0	43,1	43,8	44,5	45,9	47,2	48,9	50,7	51,8	52,8	50,3	47,9	46,4	44,9	44,3	43,6	42,4	41,2	40,1	38,9	37,9	37,0

### Ghi chú:

- Ngày IV: Ngày làm việc,

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3048/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2024



**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện;

Căn cứ Văn bản số 445/TB-VPCP ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp về các giải pháp cung cấp than cho sản xuất điện;

Căn cứ Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025;

Xét báo cáo của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Văn bản số 6368/TKV-KDT ngày 15 tháng 11 năm 2024, Tổng công ty Đông Bắc tại Văn bản số 7960/ĐB-KD ngày 15 tháng 10 năm 2024 về Kế hoạch cung cấp than cho sản xuất điện năm 2025; báo cáo của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia tại Văn bản số 834/NSMO-PT ngày 15 tháng 11 năm 2024 về kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025 có xét đến năm 2026; báo cáo chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than về nhu cầu than cho sản xuất điện năm 2025 tại các Văn bản liên quan;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Dầu khí và Than.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025 với nội dung như sau:

1. Chủ đầu tư các nhà máy nhiệt điện than chịu trách nhiệm thu xếp 82.474 nghìn tấn than để cấp cho sản xuất điện năm 2025 và chuẩn bị nhiên liệu than để dự phòng điều hành cung cấp cho sản xuất điện các tháng cao điểm mùa khô (các tháng 4, 5, 6, 7) năm 2025 với khối lượng 30.167 nghìn tấn. Khối lượng than cấp cho từng nhà máy cụ thể tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Chi tiết loại than cấp cho từng nhà máy thực hiện theo Hợp đồng mua bán than năm 2025, Hợp đồng cung cấp than dài hạn (đối với dự án nhà máy nhiệt điện than BOT) ký giữa chủ đầu tư nhà máy với đơn vị cung cấp than.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. Chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than**

a) Thực hiện nghiêm và hiệu quả các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao liên quan đến việc cung cấp than cho sản xuất điện tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương tại các văn bản liên quan đến việc cung cấp than cho sản xuất điện để đảm bảo cung cấp đủ, ổn định than cho sản xuất điện năm 2025 và các năm tiếp theo.

b) Chủ động thường xuyên cập nhật, rà soát nhu cầu sử dụng than trên cơ sở sản lượng điện phát đầu cực theo Điều 1 Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và tình hình cung cầu của hệ thống điện để có kế hoạch chuẩn bị nhiên liệu than phù hợp. Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc thu xếp nguồn than hợp pháp có thông số kỹ thuật phù hợp với công nghệ nhà máy điện (trừ các nhà máy BOT sử dụng than trong nước được Chính phủ bảo lãnh Hợp đồng cung cấp than) đủ để cung cấp cho nhà máy vận hành ổn định, tin cậy, an toàn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025, các yêu cầu về môi trường theo quy định. Trong mọi trường hợp không được để đứt gãy nguồn cung ứng than (kể cả đứt gãy cục bộ) và thiếu than cho sản xuất điện.

c) Khẩn trương hoàn thành việc ký Hợp đồng mua bán than cho sản xuất điện năm 2025 với các đơn vị cung cấp than (trong đó xác định cụ thể khối lượng, tiến độ cung cấp, thông số kỹ thuật của than,...) và báo cáo Bộ Công Thương kết quả thực hiện trước ngày 15 tháng 12 năm 2024 (bao gồm chi tiết các Hợp đồng đã ký, kể cả các Hợp đồng/cam kết nhập khẩu than cho sản xuất điện năm 2025). Tăng cường phối hợp, cung cấp kịp thời thông tin về nhu cầu sử dụng than đến các đơn vị cung cấp than và thực hiện tốt Hợp đồng theo nguyên tắc tất cả vì mục tiêu chung, vì lợi ích quốc gia dân tộc; thực hiện nghiêm các cam kết tại Hợp đồng đã ký và tuân thủ quy định của pháp luật liên quan. Chịu trách nhiệm kiểm soát các hợp đồng cung cấp, vận chuyển than đảm bảo nguồn gốc than hợp pháp, giá cạnh tranh, minh bạch theo quy định của pháp luật.

d) Chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng hạ tầng vận chuyển, tiếp nhận than và dự trữ than đáp ứng yêu cầu theo quy định, phù hợp với nhu cầu tiếp nhận, sử dụng than và có tính đến dự phòng đảm bảo ứng phó với các tình huống cực đoan. Kiểm soát chặt chẽ công tác giao nhận than và quản lý khối lượng, chất lượng than đảm bảo tuân thủ quy định; đảm bảo các điều kiện an toàn, phòng chống cháy nổ và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong việc lưu trữ than.

đ) Thường xuyên cập nhật, theo dõi sát Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia theo năm/tháng/tuần/ngày do Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia (NSMO) công bố để xây dựng, cập nhật kế hoạch cung cấp than đảm bảo đồng bộ, thống nhất và phù hợp

với diễn biến của thời tiết. Trường hợp có thay đổi đột biến và ảnh hưởng đến việc cấp than cho nhà máy, kịp thời báo cáo về Bộ Công Thương để xem xét, chỉ đạo.

e) Định kỳ ngày cuối cùng hằng tháng, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than) kết quả tiếp nhận, sử dụng than của tháng và dự kiến kế hoạch các tháng còn lại trong quý thực hiện để phục vụ công tác theo dõi, giám sát theo Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025. Trước ngày 15 tháng 3 năm 2025, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than) chi tiết nhu cầu tiếp nhận, sử dụng và các giải pháp để đảm bảo đủ than cho sản xuất điện các tháng cao điểm mùa khô (các tháng 4, 5, 6, 7) năm 2025.

g) Định kỳ ngày 15 của tháng cuối cùng hằng quý, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than) kết quả tiếp nhận, sử dụng than của quý thực hiện và dự kiến kế hoạch các quý còn lại (chi tiết theo từng tháng) của năm 2025 để xem xét cập nhật, kịp thời điều chỉnh Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025 được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Đơn vị cung cấp than (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc và các đơn vị khác)

a) Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương tại các văn bản liên quan đến việc cung cấp than cho sản xuất điện để góp phần đảm bảo cung cấp đủ, ổn định than cho sản xuất điện năm 2025 và các năm tiếp theo.

b) Phối hợp với các chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than khẩn trương hoàn thành việc ký Hợp đồng mua bán than năm 2025 và báo cáo Bộ Công Thương kết quả thực hiện trước ngày 15 tháng 12 năm 2024 (bao gồm chi tiết các Hợp đồng đã ký, kể cả các Hợp đồng/cam kết nhập khẩu than cho sản xuất điện năm 2025). Cung cấp than đầy đủ và liên tục bảo đảm đủ khối lượng, đúng chất lượng, loại than và tiến độ cung cấp cho các nhà máy điện theo Hợp đồng/cam kết đã ký; thực hiện nghiêm cam kết tại Hợp đồng đã ký và chịu trách nhiệm toàn diện nếu không cung cấp đủ than theo cam kết đã ký dẫn tới thiếu than cho sản xuất điện.

c) Thường xuyên cập nhật, theo dõi sát Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia do NSMO công bố và nhu cầu sử dụng than của từng nhà máy nhiệt điện theo năm/tháng/tuần/ngày để xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cung cấp than đảm bảo đồng bộ, thống nhất, phù hợp với diễn biến của thời tiết, kế hoạch sản xuất điện của từng nhà máy và cam kết tại Hợp đồng đã ký. Dự trữ than hợp lý đảm bảo sẵn sàng, chủ động trong cung ứng than cho sản xuất điện và có tính đến dự phòng đảm bảo ứng phó với các tình huống cực đoan.

d) Đẩy mạnh khai thác than trong nước tối đa, nhập khẩu than hợp lý theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, nâng cao năng lực chế biến than để cung cấp cho sản xuất điện đảm bảo hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật. Chuẩn bị tốt cơ sở hạ tầng phục vụ vận chuyển, nhập khẩu, trung chuyển than; tăng cường quản lý, kiểm soát công tác giao nhận than, kho bãi chứa than, bến cảng xuất/nhập than đảm bảo an toàn, hiệu quả, đáp ứng các quy định về môi trường (đặc biệt là trong mùa mưa bão) và tuân thủ pháp luật.

đ) Kê khai giá than bán cho sản xuất điện theo quy định của Luật Giá và các quy định của pháp luật khác liên quan, chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức giá kê khai.

e) Định kỳ ngày cuối cùng hằng tháng, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than) kết quả cung cấp than của tháng thực hiện và dự kiến kế hoạch các tháng còn lại trong quý thực hiện để phục vụ công tác theo dõi, giám sát theo Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025.

g) Định kỳ ngày 15 của tháng cuối cùng hằng quý, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than) kết quả cung cấp than của quý thực hiện và dự kiến kế hoạch các quý còn lại (chi tiết theo từng tháng) của năm 2025 để xem xét cập nhật, kịp thời điều chỉnh Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025 được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

### 3. Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia

Định kỳ hằng tháng, quý rà soát, cập nhật và báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than, Cục Điều tiết điện lực) dự kiến nhu cầu sử dụng than các tháng còn lại trong năm của từng nhà máy nhiệt điện than trong hệ thống điện quốc gia đảm bảo đồng bộ, thống nhất và phù hợp với kết quả rà soát, cập nhật Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia.

### 4. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo

Theo dõi, giám sát chặt chẽ nghĩa vụ tuân thủ các điều khoản/cam kết của các đơn vị có liên quan trong các Hợp đồng/Thỏa thuận thương mại của các dự án nhà máy điện than được đầu tư theo hình thức BOT; xử lý kịp thời theo thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề phát sinh, đảm bảo không để ảnh hưởng đến việc cung cấp than và huy động điện của các nhà máy.

### 5. Cục Điều tiết điện lực

a) Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc NSMO công bố thông tin về Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia theo năm/tháng/tuần bám sát tình hình thực tế để chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than và các đơn vị cung cấp than chuẩn bị đầy đủ, kịp thời nguồn than cho sản xuất điện.

b) Phối hợp với Vụ Dầu khí và Than, NSMO rà soát, cập nhật Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025 định kỳ hằng quý đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và đồng bộ với kết quả rà soát, cập nhật Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia.

### 6. Vụ Dầu khí và Than

a) Thường xuyên theo dõi, giám sát, cập nhật tình hình cấp than cho sản xuất điện năm 2025; trường hợp có phát sinh, ảnh hưởng đến việc cấp than cho các nhà máy nhiệt điện năm 2025, kịp thời báo cáo Bộ Công Thương để xem xét, chỉ đạo.

b) Chủ trì, phối hợp với Cục Điều tiết điện lực, NSMO định kỳ hằng quý rà soát, cập nhật Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế và đồng bộ với kết quả rà soát, cập nhật Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Dầu khí và Than, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Long;
- Các Cục: ĐL, ĐTĐL;
- Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia;
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Tổng công ty Đông Bắc;
- Chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than;
- Lưu: VT, DKT.



**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hồng Diên**

**Phụ lục 1**  
**DỰ KIẾN KHỐI LƯỢNG THAN CẤP CHO SẢN XUẤT ĐIỆN NĂM 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 3048/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024*  
*của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Đơn vị: 1.000 tấn

TT	Nhà máy	Khối lượng than cấp	TT	Nhà máy	Khối lượng than cấp
1	Na Dương	418	18	Nghi Sơn 1	1.667
2	Cao Ngạn	390	19	Vũng Áng 1	3.467
3	An Khánh 1	512	20	Nông Sơn	129
4	Sơn Động	848	21	Vĩnh Tân 1	3.764
5	Uông Bí	1.848	22	Vĩnh Tân 2	4.136
6	Mạo Khê	1.707	23	Duyên Hải 1	3.935
7	Quảng Ninh	3.562	24	Vĩnh Tân 4 & 4 MR	5.055
8	Mông Dương 1	3.319	25	Duyên Hải 2	3.193
9	Mông Dương 2	3.975	26	Duyên Hải 3	3.789
10	Cẩm Phả	2.194	27	Duyên Hải 3 MR	1.671
11	Thăng Long	2.173	28	Nghi Sơn 2	4.167
12	Phả Lại	2.556	29	Sông Hậu 1	3.689
13	Hải Dương	3.350	30	Vân Phong 1	4.003
14	Hải Phòng	3.135	31	Vũng Áng 2	1.562
15	Ninh Bình	399	32	FORMOSA HT	1.773
16	Thái Bình 1	1.650	33	FORMOSA	1.112
17	Thái Bình 2	3.326			
<b>Tổng cộng</b>					<b>82.474</b>

**Ghi chú:**

- Khối lượng than cấp nêu trên được tính toán trên cơ sở dự kiến suất tiêu hao than trung bình và sản lượng điện phát đầu cực của từng nhà máy theo Phương án 2 tại Văn bản số 834/NSMO-PT+TTĐ ngày 15/11/2024 của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia về Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025, có xét đến năm 2026 (được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025).

- Khối lượng than cấp dự kiến nêu trên của từng nhà máy có thể thay đổi tùy thuộc vào suất tiêu hao than, loại than sử dụng và sản lượng điện huy động thực tế của nhà máy điện theo nhu cầu của hệ thống điện quốc gia.

**Phụ lục 2**  
**DỰ KIẾN KHỐI LƯỢNG THAN CẤP CHO SẢN XUẤT ĐIỆN CÁC THÁNG**  
**CAO ĐIỂM MÙA KHÔ (CÁC THÁNG 4, 5, 6, 7) NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3048/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị: 1.000 tấn

TT	Nhà máy	Khối lượng than cấp				Tổng cộng
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	
1	Na Dương	38	39	38	35	150
2	Cao Ngạn	36	37	36	33	142
3	An Khánh 1	46	48	46	42	182
4	Sơn Động	78	80	77	71	306
5	Uông Bí	170	175	170	154	669
6	Mạo Khê	157	162	157	143	619
7	Quảng Ninh	335	346	335	305	1321
8	Mông Dương 1	322	333	322	293	1270
9	Mông Dương 2	370	383	369	338	1460
10	Cẩm Phả	197	203	196	179	775
11	Thăng Long	196	203	196	167	762
12	Phả Lại	254	263	254	242	1013
13	Hải Dương	316	324	314	287	1241
14	Hải Phòng	296	306	295	270	1167
15	Ninh Bình	45	47	44	30	166
16	Thái Bình 1	157	163	157	143	620
17	Thái Bình 2	315	325	314	287	1241
18	Nghi Sơn 1	160	166	160	146	632
19	Vũng Áng 1	309	320	309	263	1201
20	Nông Sơn	10	11	11	11	43
21	Vĩnh Tân 1	336	363	372	261	1332
22	Vĩnh Tân 2	381	394	380	347	1502
23	Duyên Hải 1	376	389	376	245	1386
24	Vĩnh Tân 4 & 4 MR	483	499	482	373	1837

TT	Nhà máy	Khối lượng than cấp				Tổng cộng
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	
25	Duyên Hải 2	342	354	341	305	1342
26	Duyên Hải 3	363	375	362	255	1355
27	Duyên Hải 3 MR	190	196	190	172	748
28	Nghi Sơn 2	400	414	399	341	1554
29	Sông Hậu 1	350	362	350	319	1381
30	Vân Phong 1	382	392	378	328	1480
31	Vũng Áng 2	-	-	35	182	217
32	FORMOSA HT	163	168	162	134	627
33	FORMOSA	117	121	115	73	426
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.690</b>	<b>7.961</b>	<b>7.742</b>	<b>6.774</b>	<b>30.167</b>

**Ghi chú:**

- Khối lượng than cấp nêu trên được tính toán trên cơ sở dự kiến suất tiêu hao than trung bình và sản lượng điện phát đầu cực của từng nhà máy theo Phương án 4 tại Văn bản số 834/NSMO-PT+TTĐ ngày 15/11/2024 của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia về Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025, có xét đến năm 2026 (được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025).

- Khối lượng than cấp dự kiến nêu trên của từng nhà máy có thể thay đổi tùy thuộc vào suất tiêu hao than, loại than sử dụng và sản lượng điện huy động thực tế của nhà máy điện theo nhu cầu hệ thống điện quốc gia.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành  
hệ thống điện quốc gia năm 2025**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải;

Căn cứ Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải và Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối;

Căn cứ Thông tư số 31/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình xử lý sự cố trong hệ thống điện quốc gia, Thông tư số 40/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia và Thông tư số 44/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình thao tác trong hệ thống điện quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 39/2022/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa

đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải, Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối và Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải và Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương liên quan đến điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia và thị trường điện;

Xét báo cáo của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia tại Công văn số 834/NSMO-PT+TTĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về báo cáo cập nhật kế hoạch vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025 có xét đến năm 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025 và Kế hoạch cung ứng điện các tháng cao điểm mùa khô (các tháng 4, 5, 6, 7) trong năm 2025 như sau:**

1. Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025 (Phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025) theo Phương án 2 tại Công văn số 834/NSMO-PT+TTĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024.

2. Kế hoạch cung ứng điện các tháng cao điểm mùa khô (các tháng 4, 5, 6, 7) trong năm 2025 theo Phương án 4 tại Công văn số 834/NSMO-PT+TTĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024.

3. Sản lượng mua bán điện thực tế của các nhà máy điện (theo hợp đồng mua bán điện, phương án giá điện) sẽ được xác định theo các quy định liên quan về giá điện và thị trường điện. Các đơn vị phát điện có trách nhiệm chủ động thực hiện công tác chuẩn bị phát điện, bao gồm bảo đảm công suất sẵn sàng của các tổ máy và thu xếp đủ nhiên liệu sơ cấp (than, khí, dầu) cho nhu cầu phát điện năm 2025.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia (NSMO) có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, hợp lý, hợp lệ của việc mô phỏng giá thiết đầu vào và kết quả tính toán Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025 bảo đảm phù hợp với quy định;

b) Công bố các nội dung theo quy định về Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025 tại Điều 1 Quyết định này và các giả thiết đầu vào tại Công văn số 834/NSMO-PT+TTĐ tới Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc, Chủ đầu tư các nhà máy điện và các đơn vị liên quan để các đơn vị chủ động lập kế hoạch chuẩn bị cho sản xuất điện;

c) Định kỳ hàng quý, rà soát, cập nhật Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025 tại Điều 1 Quyết định này (bao gồm việc rà soát nhu cầu sử dụng nhiên liệu sơ cấp cho sản xuất điện). Trường hợp có thay đổi bất thường của các giả thiết đầu vào nêu tại Công văn số 834/NSMO-PT+TTĐ, kịp thời báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Cục Điều tiết điện lực, Vụ Dầu khí và Than) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp;

d) Định kỳ hàng tháng, rà soát, cập nhật, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Cục Điều tiết điện lực, Vụ Dầu khí và Than) và công bố theo quy định về Kế hoạch/Phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tháng tới và các tháng còn lại của năm 2025 (bao gồm nhu cầu nhiên liệu sơ cấp cho sản xuất điện) trên cơ sở bám sát diễn biến tăng trưởng phụ tải điện, tình hình thời tiết (nhiệt độ, thủy văn), các điều kiện vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các thỏa thuận về sản lượng điện, công suất trong Hợp đồng mua bán điện, xuất, nhập khẩu điện, các nghĩa vụ bao tiêu khí nội địa, đồng thời lưu ý xem xét nỗ lực thu hồi đủ quyền lợi của Việt Nam đối với lượng khí trả trước;

đ) Lập phương thức vận hành và huy động hợp lý các nguồn điện (bao gồm cả nguồn năng lượng tái tạo) trong hệ thống điện quốc gia bảo đảm cung ứng đủ điện trên cơ sở nguyên tắc minh bạch, công bằng, tối ưu kinh tế - kỹ thuật toàn hệ thống, có xem xét đến khả năng chuẩn bị nhiên liệu của các nhà máy điện, phù hợp với điều kiện hạ tầng kỹ thuật của lưới điện và các quy định pháp luật;

e) Trường hợp đánh giá có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện của hệ thống điện quốc gia, kịp thời báo cáo Bộ Công Thương (Cục Điều tiết điện lực) về các giải pháp huy động, vận hành nguồn điện-lưới điện, điều chỉnh nhu cầu phụ tải điện và các giải pháp kỹ thuật vận hành cần thiết trước khi triển khai thực hiện;

g) Điều độ, vận hành bảo đảm tính thống nhất, xuyên suốt về nguyên tắc tính toán, mô phỏng nguồn điện, lưới điện giữa Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm với các Kế hoạch/Phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tháng, tuần.

## 2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có trách nhiệm:

a) Phát huy vai trò chủ đạo, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với NSMO trong công tác bảo đảm cung ứng điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống sinh

hoạt của người dân với chất lượng tốt, ổn định, tin cậy và an toàn; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng mất cân đối cung-cầu điện do nguyên nhân chủ quan;

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chuẩn bị các phương án bảo đảm cung cấp điện cho các dịp nghỉ Lễ, Tết và các sự kiện chính trị, văn hóa lớn trong năm 2025;

c) Chỉ đạo các Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực xây dựng và công bố theo quy định về kế hoạch/phương thức vận hành năm, tháng, tuần, ngày, kể cả phương án đối phó với tình huống cực đoan, có nguy cơ mất cân đối cung - cầu điện, chủ động báo cáo Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Thường xuyên cập nhật, cung cấp và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung cấp cho NSMO các cam kết tại Hợp đồng/Thỏa thuận thương mại mua bán điện, cung cấp nhiên liệu đã ký kết, đặc biệt là các Hợp đồng/Thỏa thuận thương mại với các Dự án nhà máy điện được đầu tư theo hình thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) để phục vụ công tác lập kế hoạch vận hành, lập lịch huy động, điều độ và vận hành các nhà máy, bảo đảm không xảy ra tranh chấp theo các điều khoản đã cam kết hoặc để phát sinh các nghĩa vụ pháp lý và tài chính bất lợi cho phía Việt Nam;

đ) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư xây dựng đang thực hiện và các dự án có trong kế hoạch được phê duyệt bảo đảm giải toả công suất cho các nguồn điện, giảm tải cho các đường dây, máy biến áp đang phải vận hành đầy và quá tải, nâng cao khả năng truyền tải các đường dây đặc biệt là các đường dây 500kV (trang bị các thiết bị bù công suất phản kháng, bổ sung, hiệu chỉnh các mạch sa thải đặc biệt); phối hợp với chính quyền các địa phương tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm các khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các dự án lưới điện trọng điểm;

e) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành các đơn vị phát điện thuộc phạm vi quản lý về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, chuẩn bị tốt các điều kiện để bảo đảm sản xuất điện an toàn, ổn định theo kế hoạch vận hành và huy động của hệ thống điện quốc gia; theo dõi, giám sát chặt chẽ công tác vận hành thiết bị của nhà máy điện, không để xảy ra sự cố chủ quan; tăng cường công tác kiểm tra, củng cố thiết bị, khắc phục các khiếm khuyết bảo đảm nâng cao độ tin cậy vận hành, nâng cao khả năng phát điện của các tổ máy phát điện, hạn chế tối đa các sự cố tổ máy; vận hành an toàn hệ thống lưới điện, đặc biệt là hệ thống truyền tải điện 500kV Bắc - Trung - Nam; rà soát, bố trí lịch bảo dưỡng, sửa chữa nguồn điện phù hợp, bảo đảm tiến độ thực hiện theo đúng kế hoạch, không phát sinh kéo dài, sử dụng tiết kiệm nguồn nước thủy điện, nâng cao khả dụng các nguồn điện nhất là vào cao điểm mùa khô; phối hợp với khách hàng sử dụng điện, đặc biệt là các khách hàng

sử dụng điện lớn chuẩn bị kịch bản, kế hoạch thực hiện chương trình điều chỉnh phụ tải điện trong trường hợp cần thiết nhằm bảo đảm khả năng cung cấp điện của hệ thống điện quốc gia;

g) Chỉ đạo các Tổng công ty Điện lực tiếp tục phối hợp chặt chẽ với NSMO trong công tác quản lý nhu cầu phụ tải, tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng hiệu quả, chuyển dịch phụ tải và chuẩn bị các phương án điều chỉnh phụ tải điện, huy động diesel khách hàng để sẵn sàng ứng phó khi cần thiết, đặc biệt giai đoạn cao điểm mùa khô.

3. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Khí Việt Nam có trách nhiệm:

a) Nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 05/CT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc bảo đảm cung cấp khí cho phát điện năm 2019 và các năm tiếp theo, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương về cấp khí cho phát điện;

b) Phối hợp chặt chẽ với Chủ mỏ, Chủ đầu tư các nhà máy điện khí và Tập đoàn Điện lực Việt Nam triển khai các giải pháp trong quá trình thực hiện phương án cung cấp, ưu tiên cung cấp khí cho sản xuất điện đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện, trong trường hợp cần thiết, trường hợp thiếu khí, có thể giảm sản lượng khí cấp cho các hộ tiêu thụ khí khác để đáp ứng nhu cầu khí cho phát điện, bảo đảm hiệu quả tối ưu của chuỗi khí - điện và lợi ích quốc gia;

c) Tăng cường công tác phối hợp hiệu quả với các đơn vị có liên quan, tổ chức thực hiện nghiêm cam kết tại hợp đồng/thỏa thuận thương mại mua bán, cung cấp nhiên liệu đã ký kết;

d) Tập trung đẩy nhanh công tác đầu tư-xây dựng các công trình nguồn điện do Tập đoàn đầu tư bảo đảm đúng tiến độ;

đ) Chỉ đạo Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Chi nhánh phát điện Dầu khí tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành quản lý việc bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy phát điện đúng kế hoạch, khắc phục kịp thời sự cố tổ máy phát điện, bảo đảm vận hành an toàn, liên tục;

e) Chỉ đạo Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau nỗ lực tối đa thực hiện các giải pháp kỹ thuật, vận hành theo quy định nhằm bảo đảm tuân thủ các cam kết nhiên liệu và thu hồi đủ quyền lợi của Việt Nam đối với lượng khí trả trước.

4. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc và các đơn vị khác cung cấp than có trách nhiệm:

a) Nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh than và cung cấp than cho sản

xuất điện, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại các văn bản liên quan đến công tác cung ứng điện, chuẩn bị nhiên liệu than cho sản xuất điện, cam kết tại Hợp đồng mua bán than đã ký, bảo đảm cung cấp đủ khối lượng, đúng loại than và tiến độ phục vụ sản xuất điện theo Hợp đồng/Thỏa thuận thương mại mua bán, cung cấp nhiên liệu đã ký;

b) Chủ động lập kế hoạch sản xuất nhằm bảo đảm cung cấp than đầy đủ, liên tục, bảo đảm khối lượng, chất lượng, đúng loại than cho các nhà máy nhiệt điện theo các điều khoản Hợp đồng/Thỏa thuận thương mại mua bán, cung cấp nhiên liệu đã ký để bảo đảm phát điện năm 2025;

c) Tăng cường công tác phối hợp hiệu quả với các đơn vị có liên quan, tổ chức thực hiện nghiêm cam kết tại Hợp đồng/Thỏa thuận thương mại mua bán, cung cấp nhiên liệu đã ký;

d) Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam chỉ đạo Tổng công ty Điện lực - TKV tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành quản lý việc bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy phát điện, khắc phục kịp thời sự cố tổ máy phát điện (nếu có), bảo đảm vận hành an toàn, liên tục.

#### 5. Chủ đầu tư các nhà máy nhiệt điện có trách nhiệm:

a) Nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại các văn bản liên quan đến công tác cung ứng điện, cung cấp nhiên liệu sơ cấp (than, khí, dầu) để bảo đảm nhà máy vận hành ổn định, tin cậy, an toàn và đáp ứng nhu cầu nhiên liệu phục vụ sản xuất điện theo yêu cầu của hệ thống điện quốc gia;

b) Chịu trách nhiệm thu xếp đủ nhiên liệu sơ cấp để cung cấp trong suốt thời gian vận hành của nhà máy; thường xuyên rà soát, tính toán nhu cầu sử dụng nhiên liệu sơ cấp cho sản xuất điện để xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo đảm cung cấp đủ, ổn định cho hoạt động của nhà máy điện;

c) Nghiêm túc thực hiện cam kết tại Hợp đồng/Thỏa thuận thương mại mua bán, cung cấp nhiên liệu đã ký; chuẩn bị đầy đủ cơ sở hạ tầng tiếp nhận (cầu cảng, nạo vét luồng, thiết bị bốc dỡ, kho bãi tiếp nhận,...) và bảo đảm khối lượng nhiên liệu đủ theo định mức (nếu có);

d) Tăng cường công tác kiểm tra, củng cố các thiết bị, khắc phục các khiếm khuyết, bảo đảm nâng cao độ tin cậy vận hành, nâng cao khả năng phát điện của các tổ máy phát điện; trong đó, cần tập trung nhân lực, vật lực rà soát, khắc phục triệt để các khiếm khuyết (nếu có) trước giai đoạn cao điểm mùa khô để bảo đảm độ khả dụng cao nhất cho hệ thống điện quốc gia.

#### 6. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực tại địa phương để tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo; tổ chức, giám sát việc thực hiện tiết kiệm điện của khách hàng sử dụng điện tại địa phương;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh để xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2018;

c) Giám sát Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực tại địa phương trong việc thực hiện bảo đảm cung cấp điện, giải quyết các khiếu nại của khách hàng sử dụng điện.

#### 7. Vụ Dầu khí và Than có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Khí Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Chủ mỏ, Chủ đầu tư các nhà máy điện khí và Tập đoàn Điện lực Việt Nam nghiên cứu và đề xuất các giải pháp trong quá trình thực hiện phương án cung cấp, huy động khí cho sản xuất điện bảo đảm hiệu quả tối ưu của chuỗi khí - điện và lợi ích quốc gia;

b) Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình cấp khí cho sản xuất điện năm 2025; trường hợp có vấn đề phát sinh, ảnh hưởng đến việc cấp khí cho các nhà máy điện năm 2025, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương để xem xét, chỉ đạo;

c) Chỉ đạo Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc, các đơn vị cung cấp than và các chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than thực hiện nghiêm các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện và các văn bản chỉ đạo của Bộ Công Thương có liên quan.

#### 8. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Công Thương được giao tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo;

b) Tăng cường, đẩy mạnh và phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, các chương trình, dự án tiết kiệm năng

lượng, tiết kiệm điện trên phạm vi cả nước để góp phần bảo đảm cung cấp điện trong năm 2025.

**9. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo có trách nhiệm:**

a) Theo dõi, giám sát chặt chẽ nghĩa vụ tuân thủ các điều khoản/cam kết của các đơn vị có liên quan trong các Hợp đồng/Thỏa thuận thương mại của các Dự án nhà máy điện được đầu tư theo hình thức BOT; xử lý theo thẩm quyền và báo cáo ngay Cấp có thẩm quyền các vấn đề phát sinh, tuyệt đối không để phát sinh các nghĩa vụ pháp lý và tái chính bất lợi cho phía Việt Nam;

b) Theo dõi, giám sát và kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất phương án giải quyết vướng mắc trong thực hiện đầu tư, xây dựng các dự án nguồn điện, lưới điện, bảo đảm tiến độ đưa vào vận hành ổn định các nguồn điện, lưới điện truyền tải góp phần bảo đảm cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia năm 2024 và các năm sau;

c) Cập nhật, rà soát và đôn đốc các dự án nguồn - lưới điện, đặc biệt là công trình thủy điện Hòa Bình mở rộng, các dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 3&4, BOT Vũng Áng 2 và các công trình đường dây nhập khẩu điện với Lào và Trung Quốc và các dự án nguồn điện dự kiến vào vận hành trong năm 2025, bảo đảm vận hành đáp ứng tiến độ theo quy hoạch được duyệt, góp phần bảo đảm cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia năm 2025 và các năm sau.

10. Văn phòng Ban chỉ đạo Nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng có trách nhiệm phối hợp với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và các đơn vị liên quan đôn đốc quyết liệt để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ các công trình nguồn - lưới điện mới vào vận hành, đặc biệt là công trình thủy điện Hòa Bình mở rộng, các dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 3&4, BOT Vũng Áng 2, các công trình đường dây nhập khẩu điện với Lào và Trung Quốc, các dự án nguồn điện dự kiến vào vận hành trong năm 2025 theo cập nhật tại Công văn số 834/NSMO-PT+TTĐ của NSMO để bảo đảm cung cấp điện cho năm 2025 và các năm sau.

**11. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp có trách nhiệm:**

a) Chủ trì cùng với EVN làm việc với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên – Môi trường về vận hành các hồ chứa thủy điện, bảo đảm vận hành linh hoạt và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

b) Thường xuyên bám sát hoạt động sản xuất điện, than, khí của các doanh nghiệp liên quan; chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị sản xuất điện, than, khí thực hiện các giải pháp cụ thể để bảo đảm an toàn trong sản xuất, không để xảy ra các vụ tai nạn nghiêm trọng;

c) Bám sát tình hình diễn biến thủy văn và diễn biến của thời tiết để kịp thời

chỉ đạo theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Lãnh đạo Bộ chỉ đạo các đơn vị liên quan trong việc vận hành các hồ chứa thủy điện, bảo đảm an toàn, hiệu quả.

## 12. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các đơn vị bảo đảm vận hành và cung cấp điện an toàn, ổn định và tin cậy cho hệ thống điện quốc gia, đặc biệt là các dịp Lễ, Tết và các sự kiện văn hóa - chính trị quan trọng trong năm 2025;

b) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát định kỳ về tình hình thực hiện kế hoạch cung cấp điện của NSMO, EVN, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, các Đơn vị phát điện và các Tổng công ty Điện lực trong năm 2025, đặc biệt trong các tháng cao điểm mùa khô; Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các chương trình quản lý nhu cầu điện, điều chỉnh phụ tải điện để góp phần bảo đảm cung cấp điện ổn định, tin cậy cho hệ thống điện quốc gia;

c) Thường xuyên theo dõi cân đối cung cầu hệ thống điện quốc gia, báo cáo và đề xuất với Bộ Công Thương các giải pháp chỉ đạo, điều hành hoặc các phương án giải quyết cần thiết khác.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực, Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Thủ trưởng các Đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, TNMT, NN;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Các Thủ trưởng Bộ Công Thương;
- Các Vụ: KHTC, DKT, TKNL;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước các dự án ngành năng lượng;
- Các Cục: ĐL, ATMT, NSMO;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn: EVN, PVN, TKV; Tổng công ty Đông Bắc;
- Chủ đầu tư các nhà máy nhiệt điện;
- Lưu: VT, ĐTĐL.



**Nguyễn Hồng Diên**

*Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2024*

V/v thông báo kế hoạch sửa chữa năm 2025 đã  
được phê duyệt NMD Hải Phòng 1&2

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Căn cứ Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Hệ thống điện truyền tải;

Căn cứ Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 39/2022/TT-BCT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT và Thông tư số 30/2019/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BCT ngày 10/10/2024 của Bộ Công Thương về việc Quy định vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh;

Căn cứ Quy trình lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thiết bị trong hệ thống điện truyền tải ban hành kèm theo quyết định số 86/QĐ-ĐTĐL ngày 09 tháng 09 năm 2020 của Cục trưởng Cục Điều tiết Điện lực;

Căn cứ Công văn số 834/NSMO-PT+TTĐ ngày 15/11/2024 của Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia về việc báo cáo cập nhật kế hoạch vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025 có xét đến năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ Công Thương về việc Phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025;

Lịch sửa chữa hiệu chỉnh dự kiến của các đơn vị phát điện năm 2025 đã được Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia báo cáo Cục Điều tiết Điện lực qua công văn số 834/NSMO-PT+TTĐ ngày 15/11/2024. Trên cơ sở kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện năm 2025 đã được Bộ Công Thương phê duyệt, Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia thông báo tới quý Công ty kế hoạch sửa chữa năm 2025 như tại Phụ lục đính kèm.

Đầu mối liên lạc: Ô. Hoàng Anh Tuấn. Tel: 0983.217.261; Email: [tuanha@nsmo.vn](mailto:tuanha@nsmo.vn).

Trân trọng.

(Đính kèm phụ lục: Kế hoạch sửa chữa các tổ máy năm 2025) ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ERAV;
- Chủ tịch HĐQTV (để b/c);
- Q. TGD Nguyễn Đức Ninh (để b/c);
- Lưu: VT, PT.



**Phụ lục: Kế hoạch sửa chữa các tổ máy năm 2025**  
(Đính kèm CV số      /NSMO-PT ngày      tháng 12 năm 2024)

Nhà máy	Tổ máy	Công việc	Phê duyệt		
			Bắt đầu	Kết thúc	Số ngày
HẢI PHÒNG I	S1	Tiểu tu	17-1	26-1	10
	S1	Trung tu	6-11	5-12	30
	S2	Tiểu tu	3-1	12-1	10
	S2	Tiểu tu	6-12	15-12	10
HẢI PHÒNG II	S3	Tiểu tu	7-2	16-2	10
	S3	Đại tu	7-9	5-11	60
	S4	Tiểu tu	19-2	28-2	10
	S4	Tiểu tu	28-8	6-9	10

V/v lập kế hoạch năm 2025

Kính gửi:

- Các đơn vị hạch toán phụ thuộc;
- Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn;
- Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2  
tại các công ty cổ phần (sau đây gọi chung là các đơn vị).

Căn cứ theo Quy chế về công tác sản xuất kinh doanh điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam đã được ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 26/02/2022;

Căn cứ theo Quy chế về công tác kế hoạch trong Tổng công ty Phát điện 2 - CTCP đã được ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 02/8/2021;

Để triển khai công tác lập kế hoạch năm 2025 theo quy định, Tổng công ty yêu cầu các đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Nghiên cứu các quy định về công tác lập kế hoạch theo các Quy chế nêu trên để triển khai lập kế hoạch năm 2025, đảm bảo yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Trong đó yêu cầu các đơn vị rà soát, đánh giá kỹ lưỡng tính cần thiết và đầy đủ của các hạng mục đưa vào kế hoạch năm để đảm bảo vận hành an toàn, ổn định, tin cậy và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị cũng như cân đối tài chính của Công ty mẹ, tránh các trường hợp phải trình bổ sung kế hoạch.

2. Các đơn vị chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá tính chất hạng mục (tài sản cố định, chi phí SXKD, SCL có tính chất nâng cấp...) trên cơ sở các hồ sơ pháp lý liên quan để đề xuất ghi nhận vào các kế hoạch thành phần phù hợp.

3. Rà soát, biên chế đầy đủ hồ sơ pháp lý của các nội dung công việc đề xuất thực hiện trong kế hoạch SXKD khi trình về Tổng công ty. Nếu thiếu hồ sơ, Tổng công ty sẽ không xem xét và các đơn vị tự chịu trách nhiệm về việc này.

Tổng công ty yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện và trình kế hoạch năm 2025 về Tổng công ty *trước ngày 20/9/2024*./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KTSX; QLĐT XD; TCKT;
- Lưu: VT, KH.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Văn Dư**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**

Số: 6321/NĐHP-HĐQT

V/v lập kế hoạch năm 2025

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 30 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Ông Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Tổng Công ty Phát điện 2 đã có văn bản số 3469/EVNGENCO2-KH ngày 29/8/2024 về việc lập kế hoạch năm 2025. Trên cơ sở Quy chế về công tác sản xuất kinh doanh điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam đã được ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 26/02/2022; Quy chế về công tác kế hoạch trong Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP đã được ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 02/8/2021, Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các nội dung sau:

1. Nghiên cứu các quy định về công tác lập kế hoạch theo các Quy chế nêu trên để triển khai lập kế hoạch năm 2025, đảm bảo yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Trong đó yêu cầu thực hiện rà soát, đánh giá kỹ lưỡng tính cần thiết và đầy đủ của các hạng mục đưa vào kế hoạch năm để đảm bảo vận hành an toàn, ổn định, tin cậy và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như cân đối tài chính của Công ty mẹ, tránh các trường hợp phải trình bổ sung kế hoạch.

2. Chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá tính chất hạng mục (tài sản cố định, chi phí SXKD, SCL có tính chất nâng cấp...) trên cơ sở các hồ sơ pháp lý liên quan để đề xuất ghi nhận vào các kế hoạch thành phần phù hợp.

3. Rà soát, biên chế đầy đủ hồ sơ pháp lý của các nội dung công việc đề xuất thực hiện trong kế hoạch SXKD khi trình về Tổng Công ty. Nếu thiếu hồ sơ, Tổng Công ty sẽ không xem xét và Công ty tự chịu trách nhiệm về việc này.

Yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty khẩn trương thực hiện và trình kế hoạch năm 2025 về Tổng Công ty trước ngày 20/9/2024./.

**Tài liệu kèm theo:**

- Văn bản 3469/EVNGENCO2-KH ngày 29/8/2024.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV.HĐQT;
- Bộ phận đầu mối công tác KSTT;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Tạ Công Hoan**

**TỜ TRÌNH**  
**V/v Thông qua Kế hoạch Xây dựng cơ bản năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Trên cơ sở kết quả thực hiện đầu tư xây dựng năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng kính trình Đại hội đồng Cổ đông Kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2025 của Công ty với nội dung như sau:

**I. Kết quả thực hiện năm 2024**

Năm 2024, Công ty có kế hoạch XD CB liên quan đến giải ngân hai Dự án, Dự án Khí thải và Dự án nhà hành chính Hải Phòng 2, cụ thể:

✓ Về Dự án khí thải: ngày 02/01/2025 Sở Công thương có Công văn số 10/SCT-NL gửi Công ty về việc thông báo kết quả thẩm định BCNCKT Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1&2.

✓ Về Dự án nhà Hành chính Hải Phòng 2: Công ty đang đợi chỉ đạo của Tổng Công ty theo VB số 7226/NĐHP-NĐDPV ngày 18/10/2023 về việc xin điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Nội dung	KH giải ngân 2024	Thực hiện 2024	% thực hiện
1	Dự án nhà Hành chính Hải Phòng 2	0	0	0%
2	Dự án khí thải	2,87	2,323	81%
<b>Cộng</b>		<b>2,87</b>	<b>2,323</b>	<b>81%</b>

**II. Kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2025**

**1. Mục tiêu chủ yếu năm 2025:**

- a) Dự án khí thải:
- Công ty có Quyết định phê duyệt Báo cáo NCKT của Dự án.
  - Kế hoạch triển khai lựa chọn và ký hợp đồng với các đơn vị tư vấn (lập và thẩm tra HSMT EPC và Giám sát thi công EPC) vào Quý 4 năm 2025.
  - Dự kiến giải ngân: 563.951.900 đồng.
- b) Dự án nhà Hành chính:
- Công ty được thông qua Chủ trương đầu tư dự án.
  - Dự kiến giải ngân: 0 đồng.
- c) Dự án Khôi phục công suất và hiệu suất các tổ máy nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1&2:

- Ký hợp đồng 2 gói thầu tư vấn là Tư vấn lập và Tư vấn thẩm tra BCNCKT của Dự án;
- Công ty có Quyết định phê duyệt BCNCKT dự án.
- Dự kiến giải ngân: 614.717.948 đồng.

d) Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất trong Công ty.

- Để phù hợp với tiến độ thực hiện, Công ty dự kiến nguồn vốn giải ngân bằng 50% giá trị TMĐT đã được thông qua tại BCNCKT của dự án (4.836.283.933 đồng).

- Dự kiến giải ngân: 2.416.472.000 đồng.

## 2. Nhu cầu vốn:

Tổng số vốn dự kiến giải ngân cho năm 2025 khoảng 3,6 tỷ đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung	Giá trị (VNĐ)
1	Vốn cho Dự án nhà Hành chính	0
2	Vốn cho Dự án khí thải	563.951.900
3	Vốn cho dự án Khôi phục công suất và hiệu suất các tổ máy nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1&2	614.717.948
4	Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất trong Công ty	2.416.472.000
	<b>Cộng</b>	<b>3.595.141.848</b>

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua./.

### Nơi nhận:

- Như trên (bản giấy);
- HĐQT Công ty;
- TGD Công ty (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KHVT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Tạ Công Hoan**

**Phụ lục kế hoạch giải ngân XDCB năm 2025**  
**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục công trình</b>	<b>Kế hoạch năm 2025</b>
<b>I</b>	<b>Dự án nâng cấp hệ thống xử lý khí thải</b>	<b>563.951.900</b>
1	Lập báo cáo điều chỉnh dự án đầu tư.	429.254.300
2	Thẩm tra báo cáo điều chỉnh dự án đầu tư	134.697.600
<b>II</b>	<b>Dự án nhà Hành chính</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Dự án Khôi phục công suất và hiệu suất các tổ máy nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1&amp;2</b>	<b>614.717.948</b>
1	Lập BCNCKT	473.117.636
2	Thẩm tra BCNCKT	141.600.312
<b>IV</b>	<b>Dự án Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất trong Công ty</b>	<b>2.416.472.000</b>
<b>Tổng cộng vốn dự kiến giải ngân</b>		<b>3.595.141.848</b>

## TỜ TRÌNH

### Về việc phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2024 cụ thể như sau:

*DVT: đồng*

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2024
<b>I</b>	<b>Tổng các nguồn lợi nhuận được phân phối:</b>	<b>266.149.197.495</b>
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024	258.938.414.167
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	7.210.783.328
<b>II</b>	<b>Phương án trả cổ tức và trích lập các quỹ</b>	<b>266.149.197.495</b>
1	Trích Quỹ đầu tư phát triển	30.772.898.310
2	Trích Quỹ phúc lợi	17.442.725.754
3	Trích Quỹ khen thưởng	17.442.725.754
4	Trích Quỹ thưởng của Người quản lý	490.847.677
5	Chi trả cổ tức (số tiền và tỷ lệ %): 4,0%, trong đó:	200.000.000.000
5.1	Đã tạm ứng cổ tức trong năm 2024 (3,0%)	150.000.000.000
5.2	Còn lại chi trả cổ tức trong năm 2025 (1,0%)	50.000.000.000
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận để lại (III = I - II)</b>	<b>-</b>

- Về việc trích bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển (Quỹ ĐTPT): Trích bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển 30.772.898.310 đồng để thực hiện cho các dự án đầu tư phát triển trong thời gian tới, trong đó dự kiến nguồn vốn ĐTPT dùng để đầu tư hệ thống nâng cấp hệ thống xử lý khí thải khoảng 721,5 tỷ đồng. Tại 31/12/2024, số dư quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 354,6 tỷ đồng, do đó cần bổ sung Quỹ ĐTPT khoảng 366,9 tỷ đồng (số liệu dự án khí thải theo báo cáo NCKT mới nhất do nhà thầu Viện Năng Lượng lập).

- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ là 200.000.000.000 đồng:

+ Công ty đề nghị chi cổ tức bằng tiền mặt 4% vốn điều lệ, thành tiền 200.000.000.000 đồng, trong đó:

- Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông tỷ lệ 3% vốn điều lệ (150 tỷ đồng) Nghị quyết số 8735/NQ-NĐHP ngày 29/11/2024. Ngày đăng ký cuối cùng 30/12/2024; ngày thanh toán 31/3/2025.
- Tỷ lệ cổ tức còn lại chi trả trong năm 2025: 1,0% vốn điều lệ, thành tiền 50 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận còn lại: 0 đồng.

2. Thủ tục chốt danh sách cổ đông để thực hiện chia cổ tức còn lại của năm 2024 là 1,0% vốn điều lệ (50 tỷ đồng): Đề nghị Đại Hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**



**Tạ Công Hoan**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**

**BAN KIỂM SOÁT**  
Số: 3065/NĐHP-BKS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hải Phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2025*

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025**

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch trong công tác quản trị và lập báo cáo tài chính (“BCTC”) của Công ty. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2025 thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC cho Công ty đảm bảo chất lượng, tiến độ báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét năm/bán niên để công bố thông tin như sau:

1. Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty là các đơn vị kiểm toán độc lập thuộc Danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025.

2. Giao Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các thủ tục lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 cho Công ty theo quy định pháp luật.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, BKS, Tổ thư ký.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**  
  
**Phạm Thị Dung**

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua mức tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2024  
và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Căn cứ Nghị quyết số 4384/NQ-NĐHP ngày 05/6/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và dự kiến mức tiền lương, thù lao năm 2025 như sau:

1. Mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng đã tiến hành chi trả tiền lương, thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

TT	Chức danh	Số người bình quân	Mức tiền lương/thù lao thực hiện (đồng)	Quỹ tiền lương/thù lao (đồng)
1	Hội đồng quản trị	5,84		1.246.845.000
a	Chủ tịch HĐQT	1	35.104.000	421.248.000
b	Thành viên HĐQT chuyên trách	1,67	29.904.000	598.080.000
c	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3,17	5.981.000	227.517.000
2	Ban kiểm soát	5		948.612.000
a	Trưởng ban kiểm soát	1	31.204.000	374.448.000
b	Thành viên BKS chuyên trách	1	29.904.000	358.848.000
c	Thành viên BKS kiêm nhiệm	3	5.981.000	215.316.000
3	Cộng			2.195.457.000

(**Ghi chú:** 01 thành viên HĐQT chuyên trách nghỉ hưu hưởng chế độ từ ngày 01/9/2024; 01 thành viên HĐQT không chuyên trách được bầu kể từ ngày 31/10/2024).

Như vậy, tổng mức tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2024 là: 2.195.457.000 đồng.

2. Dự kiến kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Công ty xây dựng kế hoạch tiền lương, thù lao theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước, như sau:

a) Đối với thành viên HĐQT, BKS chuyên trách:

– Mức lương cơ bản được xác định dựa trên các tiêu chí của Công ty gồm: vốn chủ sở hữu 5.000 tỷ đồng, doanh thu kế hoạch 10.949 tỷ đồng và lợi nhuận kế hoạch 278 tỷ đồng. Các tiêu chí này đáp ứng mức 2 Nhóm II (ngành sản xuất điện) theo quy định của Nghị định 44/NĐ-CP, vì vậy, mức tiền lương cơ bản của thành viên HĐQT, BKS chuyên trách, như sau:

+ Mức lương cơ bản của Chủ tịch HĐQT: 42.000.000 đồng/tháng

+ Mức lương cơ bản của Trưởng Ban kiểm soát: 35.000.000 đồng/tháng.

+ Mức lương cơ bản của thành viên HĐQT và BKS chuyên trách: 34.000.000 đồng/tháng.

– Dự kiến kế hoạch lợi nhuận năm 2025 của Công ty là 278 tỷ đồng, cao hơn so với thực hiện năm 2024 là 272 tỷ đồng. Vì vậy, theo Nghị định 44/NĐ-CP thì mức tiền lương kế hoạch năm 2025 được xác định tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản.

b) Đối với thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

– Thù lao được tính theo thời gian làm việc thực tế và nhiệm vụ, đảm bảo không vượt quá 20% tiền lương của thành viên chuyên trách.

TT	Chức danh	Số người bình quân	Mức tiền lương/thù lao kế hoạch (đồng)	Quỹ tiền lương/thù lao (đồng)
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>6,67</b>		<b>2.640.000.000</b>
a	Chủ tịch HĐQT	1	84.000.000	1.008.000.000
c	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	68.000.000	816.000.000
d	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	5	13.600.000	816.000.000
<b>2</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>5</b>		<b>1.774.048.000</b>
a	Trưởng ban kiểm soát	1	70.000.000	840.000.000
b	Thành viên BKS chuyên trách	0,43	68.000.000	351.560.000

TT	Chức danh	Số người bình quân	Mức tiền lương/thù lao kế hoạch (đồng)	Quỹ tiền lương/thù lao (đồng)
c	Thành viên BKS kiêm nhiệm	3,57	13.600.000	582.488.000
<b>3</b>	<b>Cộng</b>			<b>4.414.048.000</b>

*(Ghi chú: 01 thành viên thôi giữ chức danh BKS chuyên trách; 01 thành viên dự kiến bầu làm thành viên BKS không chuyên trách)*

Như vậy, tổng mức tiền lương và thù lao kế hoạch của thành viên HĐQT, BKS năm 2025 là 4.414.048.000 đồng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Tạ Công Hoan**

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 4384/NQ-NDHP ngày 05/6/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng về việc thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 như sau:

- Miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Vũ Quang Huy, Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính EVNGENCO2.
- Bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa, Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính EVNGENCO2 giữ chức danh Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (nhiệm kỳ 05 năm), làm việc theo chế độ không chuyên trách.

*(Có hồ sơ của ứng viên gửi kèm)*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS.C.ty;
- TGD, P.TGD C.ty;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Tạ Công Hoan**

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1732/EVNGENCO2-TCNS+TH

Cần Thơ, ngày 06 tháng 5 năm 2025

V/v kiện toàn nhân sự Kiểm soát viên  
tại CTCP Nhiệt điện Hải Phòng

Kính gửi: Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2  
tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐQT ngày 23/4/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Phát điện 2 (EVNGENCO2) về việc thông qua cơ cấu nhân sự tham gia Ban Kiểm soát tại các công ty con của EVNGENCO2 và Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn.

EVNGENCO2 đã ban hành các Quyết định về việc kiện toàn nhân sự giữ chức danh Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất của Công ty.

EVNGENCO2 giao Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại HND thực hiện việc chi trả chế độ cho Kiểm soát viên HND theo quy định và chuẩn bị các thủ tục, điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông để miễn nhiệm/ bầu thay thế Kiểm soát viên theo quy định, báo cáo EVNGENCO2 kết quả thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- TGD (để biết);
- Ban TH, KTGS, PC;
- Lưu: VT, TH, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Phú Thái**

Số: 63/QĐ-HĐQT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thôi đề cử nhân sự giữ chức danh Kiểm soát viên**  
**tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CTCP**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần (EVNGENCO2);*

*Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐQT ngày 23/4/2025 của Hội đồng quản trị EVNGENCO2 về việc thông qua cơ cấu nhân sự tham gia Ban Kiểm soát tại các công ty con của EVNGENCO2 và Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thôi đề cử nhân sự giữ chức danh Kiểm soát viên tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) đối với ông Vũ Quang Huy, Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính EVNGENCO2, tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất của Công ty.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ông Vũ Quang Huy có trách nhiệm hoàn tất các nghĩa vụ, thủ tục theo Điều lệ công ty và quy định của pháp luật có liên quan để chấm dứt nhiệm vụ tại HND.

**Điều 3.** Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban có liên quan, Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại HND và cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Các Ban: TH, KTGS, PC (để p/h);
- C/ty CP NĐ Hải Phòng;
- Lưu: VT, TH, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Phú Thái**

Số: 64/QĐ-HĐQT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 5 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc đề cử nhân sự ứng cử chức danh Kiểm soát viên  
tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CTCP

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần (EVNGENCO2);*

*Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐQT ngày 23/4/2025 của Hội đồng quản trị EVNGENCO2 về việc thông qua cơ cấu nhân sự tham gia Ban Kiểm soát tại các công ty con của EVNGENCO2 và Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Đề cử bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa, Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính EVNGENCO2 tham gia ứng cử chức danh Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (nhiệm kỳ 05 năm) tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất của Công ty, làm việc theo chế độ không chuyên trách.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ công ty, các quy định của pháp luật có liên quan, quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và EVNGENCO2.

**Điều 3.** Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban có liên quan, Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng và cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Các Ban: TH, KTGS, PC (để p/h);
- C/ty CP NĐ Hải Phòng;
- Lưu: VT, TH, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Phú Thái**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**SƠ YẾU LÝ LỊCH ỨNG VIÊN**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**  
**NHIỆM KỲ 2023-2028**

1. Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỲNH HOA
2. Sinh ngày: 02/06/1975.....
3. Số CMND/CCCD: 092175001873, cấp ngày 12/09/2022 tại Cục Cảnh sát Tp  
Cần Thơ
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Quê quán: Xã Tân Hào, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre
6. Địa chỉ thường trú: 30A/13B Khu vực V, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy,  
Tp Cần Thơ
7. Chỗ ở hiện nay: 30A/13B Khu vực V, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy,  
Tp Cần Thơ
8. Điện thoại: 0971126788
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
11. Quá trình công tác:

<b>Từ tháng, năm đến tháng, năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,.....</b>
Từ tháng 09/1998 đến tháng 05/2005	Làm việc tại phòng kế toán – Nhà máy Nhiệt điện Trà Nóc (nay đổi tên là Công ty Nhiệt điện Cần Thơ)
Từ tháng 05/2005 đến năm 2013	Làm việc tại phòng kế toán Công ty Nhiệt điện Cần Thơ
Từ năm 2016 đến 30/09/2021	Làm việc ban TCKT – Tổng công ty Phát điện 2 (tiền thân là Công ty Nhiệt điện Cần Thơ)
Từ tháng 10/2021 đến 28/02/2023	Làm việc tại Ban Tổng hợp – Tổng công ty Phát điện 2
Từ tháng 03/2023- đến nay	Làm việc tại Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính – Tổng công ty Phát điện 2

12. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: Không.
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính – Tổng công ty Phát điện 2 - CTCP

14. Số cổ phần được ủy quyền đại diện sở hữu tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: ...0... cổ phần, chiếm .....0...% vốn điều lệ Công ty.
15. Số cổ phần cá nhân sở hữu tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: .....0... cổ phần, chiếm .....0,.....% vốn Điều lệ Công ty.
16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (nếu có): Không.
17. Các lợi ích có liên quan tới Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (nếu có): Không
18. Họ và tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng cử viên (nếu có): Không
19. Quan hệ thân nhân:

Họ tên	Năm sinh	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nghề nghiệp	Chức vụ
Cha: Nguyễn Văn Biển	1941	Mất năm 2004			
Mẹ: Lê Thị Rí	1939	Mất năm 2016			
Chồng: Dương Quốc Vinh	1974	082074000184	Phường Bình Thủy; Quận Bình Thủy; Tp Cần Thơ	Kỹ sư Điện – Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	Tổ trưởng tổ thí nghiệm điện
Con trai: Dương Kiến Quốc	2003	092203000503	Phường Bình Thủy; Quận Bình Thủy; Tp Cần Thơ	Sinh viên năm 4	
Con gái: Dương Hải Phương	2009	092309009430	Phường Bình Thủy; Quận Bình Thủy; Tp Cần Thơ	Học sinh lớp 10	
Chị ruột: Nguyễn Thị Bích Thủy	1964	070164005887	Phường Bình Thủy; Quận Bình Thủy; Tp Cần Thơ	Nghỉ hưu năm 2018	
Anh ruột: Nguyễn Quang Minh	1966	092066001138	Phường Bình Thủy; Quận Bình Thủy; Tp Cần Thơ	Nhân viên vận hành Công ty nhiệt điện Cần Thơ	
Chị ruột: Nguyễn Thị Bích Liên	1968	070168000064	Phường An Thới; Quận	Nghỉ hưu năm 2024	

			Bình Thủy; Tp Cần Thơ		
--	--	--	--------------------------	--	--

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực về những nội dung như trên theo các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng./.

Xác nhận của nơi cư trú/Đơn vị  
đang công tác



Cần Thơ, Ngày 06 tháng 5 năm 2025

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Thị Huỳnh Hoa**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN CAM KẾT KHI THAM GIA THÀNH VIÊN  
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Tôi tên: Nguyễn Thị Huỳnh Hoa

Ngày sinh: 02/06/1975

Nơi sinh: Bình Thủy, Cần Thơ

Địa chỉ thường trú: 30A/13B Khu vực V, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy,  
Tp Cần Thơ

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 092175001873 Ngày cấp: 12/09/2022 Tại: Cục  
Cảnh sát Tp Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, sau khi được đề  
cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để tham gia ứng cử vào vị trí thành  
viên Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy định về cách thức  
bầu cử thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông năm 2025 của Công ty Cổ  
phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn  
bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều  
lệ Công ty và Quy định về cách thức bầu cử thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội  
cổ đông năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Xin trân trọng cảm ơn.

*Cần Thơ, ngày 6 tháng 5 năm 2025*

**ỨNG CỬ VIÊN**



**Nguyễn Thị Huỳnh Hoa**

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động**  
**của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ khoản 4, điều 1, Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (có hiệu lực từ 16/6/2025, triển khai từ ngày 01/7/2025) về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025 (gọi tắt là *Nghị quyết số 1669*).

**1. Cơ sở hiệu chỉnh Tờ trình**

Ngày 06/6/2025, Hội đồng quản trị đã có Tờ trình số 4445/TTr-NĐHP về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, cụ thể:

– Địa chỉ trụ sở chính tên cũ là: Thôn Đoan, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

– Sửa đổi thành: Tổ dân phố 6, phường Tam Hưng, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 1669 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025 và triển khai từ ngày 01/7/2025, địa chỉ trụ sở chính của Công ty được sửa đổi thành: **Phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng**.

**2. Kiến nghị**

Để đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Nghị quyết số 1669, Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua việc sửa đổi khoản 3, Điều 2 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, địa chỉ trụ sở chính của Công ty là: **Phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng, Việt Nam** (áp dụng từ ngày 01/7/2025).

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 4445/TTr-NĐHP ngày 06/6/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Tạ Công Hoan**

Hải Phòng, ngày 02 tháng 4 năm 2025

**QUY CHẾ TỔ CHỨC**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.*

**Điều 1. Quy định chung**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây gọi tắt là "Đại hội") của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện ủy quyền tham gia Đại hội; điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông/đại diện ủy quyền tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

**Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông khi tham dự Đại hội:**

1. Điều kiện tham dự họp Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội. Cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết những vấn đề trình tại đại hội; mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.
  - Trường hợp cổ đông vì lý do riêng không trực tiếp đến tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền dự họp bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu quy định) cho một người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội.
  - Người trực tiếp tham dự Đại hội gửi Phiếu đăng ký tham dự Đại hội (trường hợp người dự họp là người được ủy quyền phải kèm theo Giấy ủy quyền) gửi về Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng theo đường bưu điện hoặc fax hoặc gửi trực tiếp; nếu gửi bằng fax phải xuất trình bản chính khi đến dự họp.
2. Cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp khi tới tham gia Đại hội phải mang theo Thông báo mời họp, Giấy CMND/Căn cước công dân/hộ chiếu trình Ban tổ

chức Đại hội và được nhận thẻ biểu quyết có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết và phiếu biểu quyết ghi tất cả các nội dung sẽ biểu quyết tại Đại hội.

3. Ban Tổ chức sẽ thông báo công khai chương trình và các báo cáo trình Đại hội. Những ý kiến của cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp sẽ được thảo luận công khai.
4. Tại Đại hội, các cổ đông/đại diện ủy quyền sẽ nghe báo cáo được nêu trong chương trình Đại hội, thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết giờ. Thẻ biểu quyết và ghi vào Phiếu biểu quyết.
5. Cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa.
6. Trường hợp cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp sau khi cuộc họp đã khai mạc, phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức; có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội và Ban kiểm phiếu.**

1. Đại hội do HĐQT Công ty quyết định triệu tập. Để triển khai công việc, HĐQT thành lập Ban tổ chức để thực hiện một số công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận giấy tờ do những người đến tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách của đại biểu tham dự Đại hội.

Trường hợp người đến tham dự cuộc họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu Đại hội.

3. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thu Thẻ biểu quyết sau khi đã biểu quyết xong các nội dung; kiểm phiếu biểu quyết và lập biên bản kiểm phiếu.

**Điều 4. Phát biểu ý kiến tại Đại hội**

1. Nguyên tắc:

Cổ đông/đại diện ủy quyền tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thì giơ tay đề nghị được phát biểu. Cổ đông/đại diện ủy quyền sẽ phát biểu ý kiến theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông/đại diện ủy quyền cần phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung Chương trình làm việc đã được Đại hội thông qua. Cổ đông/đại diện ủy quyền có thể gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội để tổng hợp báo cáo Chủ tọa xem xét.

Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông/đại diện ủy quyền phát biểu theo thứ tự, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông/đại diện ủy quyền tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau. Cổ đông/đại diện ủy quyền không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, thời gian phát biểu không quá 05 phút/ một lần phát biểu ý kiến.

#### **Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa và Thư ký Đại hội**

1. Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT Công ty. Chủ tọa cử Ban thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.
3. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào, Chủ tọa Đại hội có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác nếu nhận thấy:
  - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.
  - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
4. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
5. Ban thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

**Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.**

#### **Điều 7. Cách thức tiến hành Đại hội**

Đại hội sẽ lần lượt được nghe báo cáo theo chương trình của Đại hội và thảo luận biểu quyết thông qua các báo cáo trên. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo thể lệ biểu quyết.

#### **Điều 8. Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Đại hội. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.


**Điều 9.** Mọi vấn đề về tổ chức Đại hội, trì hoãn hay triệu tập lại đều được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

**Điều 10.** Chi phí cho việc đi lại, ăn nghỉ của các cổ đông/đại diện ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng do các cổ đông/đại diện ủy quyền tự túc.

**Điều 11. Điều khoản thi hành**

Quy chế này gồm 11 Điều và có hiệu lực để thực hiện công tác chuẩn bị, tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Trong trường hợp quy định của Quy chế này trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty hoặc Luật Doanh nghiệp thì thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ   
CHỦ TỊCH



Tạ Công Hoan

*Hải Phòng, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.*

Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung theo các quy định sau:

**Điều 1: Đối tượng thực hiện biểu quyết**

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội (dưới đây gọi là “Đại biểu”).

**Điều 2: Nguyên tắc**

Các vấn đề cần xin ý kiến thông qua như chương trình họp, trình tự thủ tục đại hội, Ban kiểm phiếu, thông qua biên bản, nghị quyết đều được thông qua bằng việc giơ Thẻ biểu quyết.

Các nội dung họp, báo cáo tờ trình của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận biểu quyết thông qua bỏ phiếu kín bằng Phiếu biểu quyết.

Việc bầu Ban kiểm phiếu được thông qua khi được đa số (trên 50%) cổ đông/đại diện ủy quyền có mặt dự Đại hội chấp thuận.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành liên quan đến: Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này và khoản 3, 4, 6 Điều 20 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**Điều 3: Phiếu biểu quyết – Thẻ biểu quyết**

Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết được Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng in và gửi trực tiếp cho Đại biểu và/hoặc người đại diện theo ủy quyền tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu Đại hội). Mỗi Đại biểu và/hoặc người đại diện theo ủy quyền được cấp 01 Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi rõ Mã Đại biểu, họ tên, số phiếu biểu quyết của Đại biểu, các nội dung biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết có ghi rõ Mã đại biểu, họ tên, số phiếu biểu quyết của Đại biểu.

#### **Điều 4: Cách thức biểu quyết**

Đại biểu giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để thông qua các vấn đề bằng cách lựa chọn các phương án: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến cho từng vấn đề biểu quyết; sau đó ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết;


Đại biểu tự bỏ Phiếu biểu quyết vào Hòm phiếu được đặt tại Đại hội (hoặc thông qua người của Ban tổ chức tại Đại hội).

#### **Điều 5: Ban kiểm phiếu**

1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
  - Xác định kết quả kiểm phiếu.
  - Lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
  - Công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.
3. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:
  - Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
  - Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết;
  - Số và tỉ lệ biểu quyết đối với từng nội dung.

#### **Điều 6: Kiến nghị**

Những kiến nghị về việc kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**   
**CHỦ TỊCH**



**Tạ Công Hoan**

*Hải Phòng, ngày 06 tháng 6 năm 2025*

**QUY CHẾ BẦU CỬ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**

Đại hội đồng cổ đông năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng tiến hành bầu thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2022 – 2027 theo các quy định sau đây:

1. Việc bầu thành viên BKS phải được thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội đồng cổ đông. Các nội dung khác được biểu quyết thông qua theo quy định tại Thể lệ biểu quyết tại Đại hội.
2. Việc bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông/đại diện ủy quyền có quyền bầu dồn hết tổng số cổ phần hoặc một phần số cổ phần cho một hoặc một số ứng cử viên trong phạm vi tổng số phiếu bầu của mình.
3. Mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu cử, trên phiếu ghi rõ họ tên cổ đông, số cổ phần mà cổ đông/đại diện ủy quyền đó đại diện tương ứng với tổng số phiếu bầu (có đóng dấu của Công ty) do Ban kiểm phiếu phát.
4. Phiếu bầu cử không hợp lệ:
  - Phiếu không do Ban kiểm phiếu phát ra;
  - Phiếu có tên người ngoài danh sách ứng cử đã được Đại hội thông qua;
  - Phiếu bầu cử có tổng cộng phiếu bầu lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu ghi trên phiếu;
5. Cách xác định người trúng cử:
  - Người trúng cử là những người có số phiếu bầu cao nhất lấy từ trên xuống dưới, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu.
  - Trường hợp có từ 02 người trở lên cùng đạt số phiếu bầu bằng nhau cho thành viên cuối cùng được bầu của BKS thì Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu lại đối với riêng những người đó. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.
  - Nếu xét thấy có những hành vi gian dối hoặc vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty có liên quan đến cuộc bầu cử này, mọi cổ đông/đại diện cổ

đồng đều có quyền chất vấn. Chủ tọa Đại hội, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ mọi vấn đề chất vấn của cổ đông và phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.

6. Đại hội bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc bầu cử theo quy định của Quy chế này. Ban kiểm phiếu phải đảm bảo tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải đảm bảo bí mật, nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu, công bố trước Đại hội, niêm phong các phiếu bầu cử, giao lại cho Ban tổ chức Đại hội.
7. Mọi kiến nghị về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Tạ Công Hoan**